

diễn đàn

Số 28 / 1.3.1994

ISSN 1164 – 2378

F O R U M



Thời kì sau cấm vận

Nguyễn Ngọc Giao

Quyết định bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam của tổng thống Hoa Kỳ đã chấm dứt cuộc chiến tranh Mỹ-Việt (19 năm sau khi bom đạn ngừng nổ). Như chính ông Clinton đã nhấn mạnh, hết cấm vận chưa phải là bình thường hoá quan hệ : trước mắt, hai nước sẽ chỉ mở *phòng liên lạc*, chưa có đại sứ quán, và ngay khi quan hệ ngoại giao được thiết lập đầy đủ, Việt Nam không nhất thiết có quy chế *tối huệ quốc* (MFN) trong việc xuất khẩu hàng hoá sang Mỹ, nghĩa là vẫn chưa có sự bình đẳng tối thiểu trong quan hệ kinh tế giữa hai nước. Sự dè dặt của ông Clinton thể hiện những quan tâm về chính trị nội bộ (vì lý do đơn giản : cậu sinh viên Bill, cách đây 25 năm đã biểu tình chống chiến tranh và lính quân dịch — dũng khí của tuổi trẻ, trở trêu thay, đã trở thành chỗ yếu của chính khách, trong một quốc gia còn mê muội với khẩu hiệu *Right or wrong, my country* / *Đúng hay sai, cũng là nước tôi, mà những người Mỹ chân chính đã biết bổ sung : bởi vì là nước tôi, nên đúng thì tôi làm, và sai thì tôi sửa*). Đồng thời, sự dè dặt ấy cũng biểu lộ ý muốn giữ trong tay vai lá chủ bài trong cuộc thương lượng sắp tới giữa hai nước.

(xem tiếp trang 8)

mục lục

2. Bạn đọc và Diễn Đàn

Hồ sơ

- | | |
|---|------------------|
| 1. Thời kỳ sau cấm vận | Nguyễn Ngọc Giao |
| 8. Mỹ bỏ cấm vận Việt Nam | |
| 10. Thư Cali : Từ cấm vận đến thông vận | Nguyễn Lộc |

Thời sự, những vấn đề

- | | |
|---|-----------------|
| 4. Tin Việt Nam | |
| 12. Thư ngỏ | Đỗ Trung Hiếu |
| 15. Về cải tổ giáo dục đại học | Lê Thành Khôi |
| 17. Một đề nghị xây dựng thư viện | Nguyễn Ứng Long |
| 18. Đất nước sau hai năm “bung” ra | Nguyễn X. T. |
| 20. Hoa ngày thường | Nguyễn Lộc |
| 21. Khi mất tư cách mà không mất tư cách | Đơn Hành |
| 23. Sự chấm dứt huyền thoại của xã hội đại đồng | Nguyễn Thu |

Văn hoá, nghệ thuật

Thơ : Diễm Châu, Thanh Thảo, Bùi Chí Vinh, Xuân Quỳnh, Lê Thị Kim, Phùng Quán, Võ Quê, Nguyễn Duy (trang 3, 16 và 36)

- | | |
|---------------------------------------|-------------------------------|
| 28. Thuở trời đất đảo điên | Đỗ Thống |
| 29. Phỏng vấn họa sĩ Phạm Ngọc Tuấn | Hoài Văn |
| 30. Phỏng vấn nhà văn Đào Hiếu | Đoàn Giao Thủy |
| 33. Men đá vàng | Đặng Tiến |
| 37. Tản mạn về một dòng thơ | Văn Ngọc |
| 39. Bóng của cái bóng | Trần Đạo |
| 42. Cổ Điện | Hoàng Xuân Hãn |
| 45. Đọc sách | Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Thắng |
| 47. Trên một chuyến tàu (truyện ngắn) | Phan Triều Hải |

Can Van Xin

Trong *Diễn Đàn* số 27 (trang 2, mục Bạn đọc : “ I Can You ! ”), bạn đọc H.S.L. có nêu hai ý kiến về bài “ Tư cách người đảng viên và giường máy đảng ” của tác giả Đơn Hành đăng trong số 26 :

1) H.S.L. đề nghị tác giả Đơn Hành nên *tĩnh tâm* hơn trong lời văn,...

2) H.S.L. cho biết rõ là cái *chỉ thị* của Ban Bí thư Đảng cộng sản “ có ý đặt ra ” (mà tác giả Đơn Hành luận và phê bình), họ đã rút đi, không thực hiện.

Về điểm 1, tôi đồng ý với H.S.L., bởi vì theo tôi, việc dùng lời lẽ hung hăng chưa bao giờ đồng nghĩa với việc “ lý luận phê bình ”.

Về điểm hai thì tôi chỉ đồng ý một nửa với H.S.L. :

– Đồng ý ở chỗ là không thể “ kết tội ” một (nhóm) người khi người ta chưa đưa vào thực hiện cái “ ý ” của người ta.

– Nhưng nếu đem “ phở ” điều đó vào trường hợp của Đơn Hành, thì tôi nghĩ rằng cái bài của Đơn Hành *trước khi* đăng báo, cũng chỉ mới là cái “ ý ”. Cái “ ý ” ấy chỉ đi vào thực hiện khi được đăng trên báo. Cho nên tôi nghĩ rằng câu “ I can you, I van you, I xin you ” của H.S.L. dành cho Đơn Hành, lẽ ra nên chia một phần cho Ban biên tập (hay đặc biệt hơn, cho Ban chủ biên) của *Diễn Đàn*, cho thật công bằng.

B.T.L. (vùng Paris, Pháp)

❖ Cảm ơn anh đã có nhã ý “ chia phần ” cho ban biên tập và ban chủ biên *Diễn Đàn*. Chúng tôi tiếp nhận đó như ý kiến của một bạn đọc thiết tha với sự tồn tại của tờ báo và, quan trọng hơn, với lý do tồn tại của nó.

Về nội dung bài báo, Đơn Hành đã có bài mình xác ý kiến của mình trong số này (*Mất tư cách mà không mất tư cách*, trang 21).

Về mối quan hệ giữa ý kiến và hành động, cũng như về chức năng công luận của báo chí, nhân dịp này chúng tôi xin góp thêm vài ý kiến :

– Cái “ ý ” của Đơn Hành — hay của bất cứ tác giả nào — trước khi đăng báo hay sau khi đăng báo, cũng vẫn chỉ là một ý tưởng, có giá trị (hay không có giá trị : đúng/sai là phạm trù chân lý, tích cực / tiêu cực có cả phạm trù tâm lý xã hội...) của một ý tưởng, ý tưởng của một công dân không có quyền sinh sát như quyền lực của một bộ máy. Tất nhiên, nó cũng là hành động theo nghĩa nó là một hành động công dân (sử dụng quyền tự do ngôn luận), với những hệ quả (tác động trên tư tưởng người khác, từ đó có thể dẫn tới hành động xã hội) và những hậu quả mà tác giả có thể hứng chịu từ phía chính quyền trong một chế độ toàn trị, đánh đồng tư tưởng và hành động. Một trong những hậu quả ấy, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế... đang nghiệm sinh trong khám. Ở nước ngoài, chúng ta không phải trả giá ở mức đó. Điều này càng làm tăng trách nhiệm của người ở nước ngoài, và cố nhiên, không phải là lý do để phát biểu lên gân.

– Còn cái “ ý ” của Ban bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam ngăn cấm đảng viên (mà mọi người — trừ những người chống cộng cực đoan, chủ trương phục thù — đều coi là những công dân) liên lạc với bên ngoài, nó không đơn thuần là một ý kiến, mà là ý muốn của một bộ máy quyền lực. Nếu được

Bạn đọc

ở diễn đàn

thực hiện, nó trở thành một hành động chuyên chế, bạo lực. Cũng may là nó không được thực hiện (nhờ bộ phận lãnh đạo Đảng nắm giữ bộ máy Chính phủ lần này đã ngăn chặn được). Song nó phản ánh một hệ tư tưởng (idéologie), một não trạng (mentalité) cần được phê phán ngay nào nó còn trị vì. Nói như Bertolt Brecht, “ cái bụng này còn mẩn con lấm, nó đã đẻ ra con quái vật kinh tởm kia đó ” (Cuộc thăng tiến có thể ngăn cản được của Arturo Ui, vở kịch này đang được diễn lại ở rạp TNP, Paris). Phân tích ý nghĩa của một cái quái thai vừa bị sẩy cũng là một cách ngừa thai cho tương lai.

– Vấn đề là phân tích ra sao cho đúng và đúng mức. Trong tinh thần đó, chúng tôi thành thực cảm ơn và tiếp thu sự góp ý xây dựng của H.S.L., B.T.L. và của các bạn khác.

“ Tội ” của Bùi Minh Quốc

Trong khung “ *Hưởng ứng Hoàng Minh Chính* ” (trang 23, *Diễn Đàn* số 27), quý báo viết về nhà thơ Bùi Minh Quốc như sau : « Năm 1990, anh đã bị khai trừ khỏi đảng cộng sản và cách chức tổng biên tập Tạp chí văn nghệ Lang Bian (của tỉnh Lâm Đồng) vì “ tội ” vận động văn nghệ sĩ ký kiến nghị phản đối việc nhà văn Nguyễn Ngọc bị cách chức tổng biên tập báo Văn Nghệ ».

Theo tôi được biết, Bùi Minh Quốc, và không riêng Bùi Minh Quốc, đã bị khai trừ vì vận động dân chủ, chứ không phải vì vụ Nguyễn Ngọc. *Diễn Đàn* là tờ báo được tiếng đưa tin chính xác. Tôi mong quý báo nên kiểm lại việc này và minh xác nếu cần.

T. H. (Paris, Pháp)

❖ Chúng tôi hoàn toàn chia sẻ quan tâm của ông về tính chính xác của thông tin. Và cảm ơn ông đã nhắc nhở ban biên tập: *Mấy dòng tin ngắn mà ông trích dẫn có chứa đựng một sai lầm và một khiếm khuyết. Sai lầm về thời điểm : Bùi Minh Quốc bị khai trừ năm 1989, chứ không phải năm 1988 như chúng tôi đã viết. Còn về “ tội trạng ” của Bùi Minh Quốc, điều chúng tôi viết là đúng, nhưng hoàn toàn không đầy đủ.*

Tháng 11.1988, Bùi Minh Quốc dẫn đầu Đoàn văn nghệ LangBian “ xuống núi ”, tiến về Thành phố Hồ Chí Minh, rồi từ đó, qua các tỉnh miền Trung, tiến ra Hà Nội. Trong đoàn có

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Cơn giông

Có những chiếc lá
trong gió vẫn tung tăng
như vàng trắng
khi ẩn hiện
cười trên mặt giếng
vẫn no đầy

như mây trong cơn say
bay mãi miết
cuốn theo những mảnh trời da diết
bỏ lại cơn mưa
hạt đong đưa
trên hàng dừa ù rũ
bỏ lại cơn mưa
bên dòng lũ
bụi sóng còn in trên vách tim

như muôn ngàn cánh chim
về cùng bóng tối
— những chuỗi giờ đứt nối —
bên đám tro
màu xám xám ơ hờ

chúa ôi
có những chiếc lá rơi
nghiêng một trời giông bão.

Thơ Diễm Châu

Chúng tôi vừa nhận được tác phẩm **THƠ DIỄM CHÂU** (nhà xuất bản Trinh Bầy, 1993, 304 trang), gồm ba tập thơ: **Người làm vườn và bông hoa** và **Đỏm hương** của Diễm Châu, và **Niềm vui mỗi ngày**, một tuyển tập Diễm Châu dịch thơ của hơn 60 tác giả quốc tế. **DIỄN ĐÀN** trân trọng giới thiệu **THƠ DIỄM CHÂU** và cảm ơn anh Diễm Châu đã cho phép trích đăng.

JORGE-LUIS BORGES

Dự tưởng tình yêu

Ngay cả sự thân mật của vầng trán em trong trẻo như một ngày hội
ngay cả sự riêng tư của thân thể em, hãy còn huyền bí và cảm nín, hãy còn
trẻ thơ,

ngay cả những lời em nói hay những phút em im lặng, những chặng đường
đời em,

đối với tôi, cũng sẽ không phải là một ân huệ huyền bí cho bằng
được nhìn ngắm giấc ngủ em hàm chứa
trong thao thức của đôi tay tôi.

Bởi hiệu năng hoá giải của giấc ngủ em lại trinh trắng lạ lùng,
yên hàn và lộng lẫy như một niềm hạnh phúc mà ký ức đã chọn lựa,
em sẽ cho tôi cái rẻo viền của đời em mà chính em em cũng không
đạt tới.

Hồi hải trong yên tĩnh

tôi sẽ nhận ra bãi biển cuối cùng ấy của thân thể em

và có lẽ sẽ được thấy em lần đầu

như Thượng đế sẽ thấy

khi Thời hư ảo lụi tàn tan tác.



nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự và 3 người khác. Nhà thơ Hữu Loan (Nhân văn Giai phẩm) cùng đi từ Đà Lạt đến Thanh Hoá, kết thúc một năm chu du toàn quốc sau 30 năm lưu đày ở quê nhà. Sự kiện nổi bật nhất trong chuyến đi này là các cuộc gặp gỡ văn nghệ sĩ các nơi, và thu thập 118 chữ ký của "những người hoạt động, yêu thích văn học nghệ thuật" để: (1) ủng hộ kiến nghị của 3 hội văn nghệ Lâm Đồng, Phú Khánh, Nha Trang và 3 tạp chí LangBian, Cánh én, và Văn nghệ Nha Trang (về tự do báo chí); (2) phản đối quyết nghị của Ban chấp hành hội nhà văn về tuần báo Văn Nghệ (trong đó có việc cách chức Nguyễn Ngọc) và (3) đòi cách chức một số quan văn nghệ.

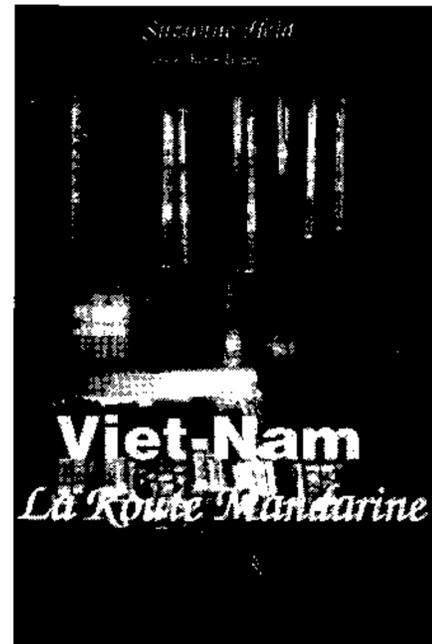
Giữa năm 1989, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự đã bị khai trừ và cách chức.

Muốn biết rõ chi tiết, độc giả hãy đón đọc tác phẩm **Nửa đời nhìn lại** (tên cũ là **Phản bội**) của Tiêu Dao Bảo Cự, mà nhà xuất bản Thế Kỷ sắp phát hành (lời tựa của Đặng Tiến).

Một lần rồi thôi

Vì bài vở quá nhiều, chúng tôi đặc biệt tăng số này lên 48 trang. Xin bạn đọc coi đó là quà xuân và xin... hứa kỳ sau sẽ trở lại 32 trang!

Le plus beau livre sur le VIET-NAM que tous attendaient



"...Un livre sur le Viêt-nam d'aujourd'hui. Bien sûr superbement illustré par Suzanne Held. Mais aussi accompagné d'un texte du conférencier Hervé Beaumont qui coule comme une suite de jolis contes."

envoyez votre commande avec son règlement à

ÉDITIONS

Chapitre Douze

92, av. J. Jaurès 92120 Montrouge

Tél : 40 92 87 80

250 pages 200 photos format 24 X 32 cm luxueusement relié

PRIX : 595 F

Tin tức Tin tức

Chống thay đổi trong hoà bình !

“ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của đảng cộng sản Việt Nam ”, họp từ ngày 20 đến 25.1.1994 tại Hà Nội, như thường lệ đã khẳng định thành công là mặt chủ yếu trong chính sách của đảng ba năm qua và từ chối mọi thay đổi chính trị một cách hoà bình. Có thể nói gọn, đó là nội dung nổi bật trong báo cáo chính trị mà tổng bí thư Đỗ Mười đã đọc trước một hội trường được chọn lọc kỹ càng gồm các uỷ viên trung ương (146 người được bầu trong đại hội 7, tháng 6.1991) và 500 đại biểu “ được bầu từ các thành uỷ, tỉnh uỷ và đảng uỷ thuộc ban chấp hành trung ương đảng ”. Bản báo cáo nêu các “ thành tựu nổi bật ” là về kinh tế (khắc phục suy thoái trầm trọng, đạt tốc độ tăng trưởng cao), ổn định chính trị và mở rộng quan hệ đối ngoại, thành tựu đạt được nhờ “ nguyên nhân cơ bản nhất ” là đảng “ giữ vững vai trò lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng...”. Báo cáo nêu lên 4 nguy cơ trong những năm tới là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới ; nguy cơ diễn biến hoà bình ; nguy cơ chênh hướng xã hội chủ nghĩa và nguy cơ không đẩy lùi được tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Trong 8 nhiệm vụ chủ yếu được báo cáo đề ra, 3 nhiệm vụ hàng đầu là về kinh tế : “ Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá ”, “ Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần (...) ”, “ Xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ”. Sau các vấn đề “ văn hoá xã hội ”, “ quốc phòng và an ninh ”, “ đối ngoại ” (theo thứ tự), nhiệm vụ số 7 là “ Xây dựng nhà nước pháp quyền... ”, đứng trước “ Đổi mới và chỉnh đốn đảng ”.

Hội nghị đã bầu thêm vào ban chấp hành trung ương 20 uỷ viên mới, trong đó 5 người là để thay thế các ông Thái Ninh (từ trần), Vũ Ngọc Hải (bị cách chức trong kỳ họp trung ương ba ngày trước hội nghị) và 3 uỷ viên khác xin nghỉ hưu. Các uỷ viên trung ương mới gồm một bộ trưởng (ông Thái Phụng Nê, người thay ông Vũ Ngọc Hải ở bộ năng lượng), một thứ trưởng (Lê Mai, bộ ngoại giao), một uỷ viên thường vụ quốc hội, 2 thiếu tướng tư lệnh quân khu (Đào Trọng Lịch và Nguyễn Thế Trị), tổng biên tập tạp chí Cộng Sản mới (Nguyễn Phú Trọng), 9 bí thư tỉnh uỷ..., trung bình 54 tuổi, được đánh giá là “ trẻ ” theo những tiêu chuẩn cộng sản. (Theo Tuổi Trẻ 22.1 và Lao Động 23, 25, 27.1.1994)

☛ Tóm lại, như Diễn Đàn đã viết trong số 25 (tháng 12.1993), “ trong không khí ngột ngạt về chính trị và tư tưởng hiện nay ở Việt Nam ”, mini-đại hội này dĩ nhiên đã “ (không đặt được) vấn đề dân chủ hoá đời sống quốc gia gắn với công cuộc phát triển kinh tế thị trường ” ; và về vấn đề nhân sự “ tình

huống có nhiều khả năng xảy ra nhất ” (sự duy trì nguyên trạng ở chóp bu cả bộ máy đảng và nhà nước) đã... xảy ra !

Ngay cả cuộc thảo luận về “ ổn định chính trị ” và “ nguy cơ diễn biến hoà bình ” cũng đã quá cũ – ít ra là theo các “ tường thuật ” nhỏ giọt trên báo chí trong nước, tình thế môi do Mỹ bỏ cấm vận (hầu như đã chắc chắn tại thời điểm hội nghị) cũng không được phân tích –, và càng minh chứng đó chỉ là những trái hoả mù nhằm che đậy một sự co cụm, để bảo vệ chỗ đứng của các thế lực cầm quyền. Không hơn không kém. Các thế lực đó không đồng nhất và dĩ nhiên có thể có mâu thuẫn gay gắt với nhau, song có cùng quyền lợi câu kết với nhau để tránh những thay đổi cần thiết cho quốc dân nhưng có hại cho vị trí riêng của họ. Những lúng túng trong việc xét xử các quan chức cao cấp bị tố cáo là tham nhũng, bộc lộ trong vụ xử Vũ Ngọc Hải chẳng hạn (xem trong số này), chỉ là một ví dụ về cái thế vừa tranh chấp vừa phải câu kết với nhau ấy. Trong những điều kiện đó, những diễn văn dù có nẩy lửa về quyết tâm chống tham nhũng chỉ là... trò cười, và quả thật yêu cầu “ xây dựng nhà nước pháp quyền ” chỉ đáng đứng trước cái yêu cầu nêu lên cho vui về một cuộc “ (tự) chỉnh đốn đảng ”. Hay là, từ chối chung sống trong hoà bình với các tầng lớp nhân dân không tự nguyện chịu sự lãnh đạo của mình (không “ tuân theo luật chơi ”, theo một cách nói khác), đáng chờ đợi một sự “ chỉnh đốn ” ít hoà bình hơn ?

Dĩ nhiên, nếu có thể sống mà không biến chuyển, không có “ diễn biến ”, theo cách nói chính thức, thì câu hỏi trên không đặt ra ! Vĩnh viễn không đặt ra ! Xin chờ đợi vậy.

Người tị nạn : chính sách mới của HCR

Cao uỷ Liên hiệp quốc về vấn đề người tị nạn (gọi tắt theo tiếng Pháp : HCR) đã quyết định ngày 14.2 tại Genève, kể từ nay sẽ chấm dứt những đối xử “ ưu đãi ” đối với những thuyền nhân Việt Nam. Tuy nhiên, quyết định này sẽ không được áp dụng đối với những người đã đến một nước tị nạn đầu tiên. Quyết định được toàn thể các thành viên ban giám đốc Cao uỷ (gồm đại diện khoảng 30 quốc gia) thông qua, chứng tỏ cộng đồng quốc tế đã nản chí trước những khó khăn gặp phải từ nhiều năm nay trong việc tìm một nước nhập cư cho thuyền nhân. Hiện còn khoảng 60 000 người Việt Nam (và 26 000 người Lào) đang tạm sống tại các trại tị nạn ở Hồng Kông (chúng một nửa số người tị nạn Việt Nam), Philipin, Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Nhật. Tuyệt đại đa số những người này (52 000 người Việt Nam) không được coi như có tiêu chuẩn “ tị nạn chính trị ”, và không có hy vọng được một nước thứ ba nhận cho nhập cư. Từ năm 1991, một chương trình “ tự nguyện hồi hương ” đã được hình thành, với sự giúp đỡ tài chính và bảo trợ của các nước châu Âu, theo đó khoảng 60 000 người đã trở về Việt Nam. Bà Sadako Ogata, đứng đầu HCR cho biết bà hy vọng rằng, “ với những cố gắng lớn của tất cả ”, chương trình sẽ hoàn tất trước cuối năm 1995. Bà cũng kêu gọi cộng đồng quốc tế đóng góp 93 triệu đôla cho chương trình năm 1994.

Đón trước quyết định của HCR, 15 người Việt Nam tại trại tị nạn Tai A Chau (Hồng Kông) đã bắt đầu từ ngày 9.2 một cuộc tuyệt thực để phản đối những biện pháp “ cưỡng bách hồi hương ”. Sau khi quyết định được công bố, số người

tuyệt thực đã tăng thêm tới 62 người, rồi 170 người (AFP ngày 17.2). Ngày 16.2, 66 tổ chức không chính phủ chuyên về vấn đề người tị nạn, họp tại Băng Cốc, đã đòi hỏi HCR bảo đảm rằng việc đưa người tị nạn về nước phải thực sự dựa trên cơ sở “ tự nguyện ” chứ không được “ cưỡng bách ”. Người phát ngôn của bộ ngoại giao Việt Nam cũng cho biết, ngày 17.2, về phần mình chính phủ Hà Nội sẵn sàng hợp tác với HCR “ và tất cả các nước liên hệ ” trong chương trình “ hồi hương tự nguyện ”. Ngày 23.2, số người tuyệt thực ở Hồng Kông còn 127 người, ông Jahanshah Assadi, đại diện HCR tại Hồng Kông đề nghị gặp gỡ, thảo luận với đại diện người tị nạn nếu họ chấm dứt những hành động phản kháng. (Tin tổng hợp theo AFP, AP, Reuter từ 9 đến 23.2.1994)

Tổng thư ký ASEAN thăm Việt Nam

Quan hệ giữa Việt Nam và Hiệp hội các nước Đông Nam châu Á (ASEAN) đã “ bước sang một giai đoạn mới ” với cuộc đi thăm chính thức Việt Nam của Tổng thư ký ASEAN, ông Ajit Singh, từ ngày 21 đến 26.2.1994. Việt Nam đã ký Hiệp ước Bali vào giữa năm 1992 (xem Diễn Đàn số 11, tháng 9.92) và trở thành quan sát viên của Hiệp hội trong năm 1993, vấn đề đặt ra cho hai bên hiện nay là những điều kiện để Việt Nam trở thành hội viên chính thức của ASEAN. Các chuyên viên cao cấp của nhiều viện nghiên cứu chiến lược của các nước thành viên, trong một cuộc họp vào giữa tháng 1 năm nay ở Manila, đã kêu gọi ASEAN thu nhận Việt Nam là hội viên chính thức trong khoảng năm năm tới. Ba tuần sau khi tổng thống Clinton ký quyết định bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam, một quan chức cao cấp của chính phủ Mỹ, bà Sandra Kristof, vụ trưởng vụ châu Á trong Hội đồng an ninh quốc gia, cũng đã tuyên bố chính phủ Mỹ sẽ ủng hộ việc Việt Nam, Cam Bốt và Lào gia nhập vào các định chế quốc tế trong vùng, như ASEAN và APEC (Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, hiện nay gồm 17 nước). Tuy nhiên, các quan chức ngoại giao của cả hai phía đều cho rằng vấn đề gia nhập ASEAN của Việt Nam chắc khó có thể giải quyết trước năm 2 000. Một trong những trở ngại chính là trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam còn quá thấp so với các nước láng giềng trong ASEAN ; mặt khác, sự quá đê cao khu vực kinh tế quốc doanh của Việt Nam cũng đặt ra nhiều vấn đề phức tạp khác. Dù vậy, sự hợp tác kinh tế giữa hai bên tăng rất nhanh từ nhiều năm nay, và các nước ASEAN đã đầu tư khoảng hơn 900 triệu đô la vào Việt Nam.

Trong quan hệ chính trị, sự xích lại gần nhau giữa các nước Việt Nam và ASEAN cũng đang tăng vận tốc. Tiếp theo chuyến đi thăm của ông Ajit Singh, Hà Nội đang chuẩn bị tiếp đón, trong tháng ba tới, các ông Goh Chok Tong, thủ tướng Singapore, và Chuan Leekpai, thủ tướng Thái Lan. Sau đó, nhưng cũng sẽ là trong năm 1994, đến lượt tổng thống Philipin Fidel Ramos.(AFP 15.1, 21-23.2.1994)

Việt Nam - Cam Bốt

Việt Nam và Cam Bốt đã thoả thuận sẽ tiến hành thương lượng về các vấn đề biên giới và vấn đề người Việt Nam định cư tại Cam Bốt. Ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm cho biết như trên ngày 18.2.1994, kết thúc ba ngày đi thăm

chính thức thủ đô Phnom Penh, sau nhiều cuộc hội đàm với ngoại trưởng Cam Bốt, hoàng thân Norodom Sirivudh, và với đồng thủ tướng Cam Bốt, hoàng thân Norodom Ranariddh. Hai ngoại trưởng đã thoả thuận sẽ gặp nhau mỗi năm ít nhất một lần để thảo luận về các vấn đề song phương cũng như các vấn đề quốc tế khác. Chuyến đi của ông Cầm còn có mục đích chuẩn bị cho cuộc viếng thăm chính thức Cam Bốt của thủ tướng Võ Văn Kiệt, dự định sẽ được tiến hành trong tháng 3 hoặc tháng 4 tới. (AFP 16, 18, 21.2 và Reuter 17.2.1994)

Trường Sa

Cuộc tranh chấp về các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa vẫn là một vấn đề gai góc trong quan hệ quốc tế giữa Việt Nam và một số nước láng giềng. Ngày 3.2, Việt Nam đã lên tiếng phản đối Đài Loan có dự án xây dựng một phi trường và một hải cảng trên quần đảo Trường Sa. Ngày 15.2, Việt Nam cũng đã phản đối Trung Quốc cho tàu thăm dò đáy biển đến vùng đảo này, trái với thoả thuận giữa hai nước là không làm phức tạp thêm vấn đề trong khi các cuộc thương lượng về chủ quyền trên các quần đảo chưa ngã ngũ. Ba ngày sau, một người phát ngôn bộ ngoại giao Trung Quốc lại tuyên bố cuộc thăm dò là hợp pháp và “ không có vấn đề vi phạm thoả thuận gì, vì đây là những đảo của Trung Quốc ” ! Thái độ trịch thượng nước lớn này cho thấy sự giao hảo giữa hai nước chưa phải là sẽ được giải quyết trong một thời gian ngắn. (AFP 3 và 17.2.1994)

Tham nhũng... và công lý của đảng

Sau bản cáo trạng, ủy viên công tố toà hình sự tối cao Hà Nội đã đề nghị toà kết án chính phạm thứ nhất 3 năm tù, chính phạm thứ hai từ 1 đến 2 năm tù, và các tòng phạm... từ 3 đến 7 năm tù !

Lôgic “ bình thường ” đó đã xảy ra ngày 22.2.1994 trong phiên toà xử các ông Vũ Ngọc Hải, nguyên bộ trưởng năng lượng, và ông Lê Liêm, nguyên thứ trưởng bộ năng lượng cùng một số trách nhiệm công trình đường dây siêu thế bắc nam, phạm tội tham nhũng làm thiệt hại của nhà nước hơn 3 tỉ đồng (300 000 đôla). Theo bản cáo trạng, ông Hải đã mua cho công trình 4 000 tấn thép qua một xí nghiệp trung gian do người thân trong gia đình ông làm chủ, thay vì mua thẳng tại xí nghiệp quốc doanh Vinametal là nơi có thép và cuối cùng cũng là nơi bán thép cho xí nghiệp trung gian kia... Vụ việc đã vỡ lở từ hai năm nay, nhưng ông Hải còn là uỷ viên trung ương đảng cộng sản Việt Nam (cho tới tháng 1 vừa qua), và sau khi bị mất chức bộ trưởng năng lượng năm ngoái, ông tiếp tục là “ cố vấn đặc biệt của thủ tướng ” về công trình đường dây ... cho tới 3 ngày trước phiên toà ! Báo chí nước ngoài ở Hà Nội còn cho biết, sau khi bị toà kết án 3 năm tù (như yêu cầu của uỷ viên “ công tố ”), đương sự còn được tự do về nhà chuẩn bị trước khi vào tù. (AFP 18 - 23.2.1994)

☛ Tại kỳ họp Quốc hội tháng 12 vừa qua, chính phủ đã công bố tỷ lệ “ thất thoát ” trong đầu tư xây dựng trong cả năm 1993 là 20 %. Riêng “ thất thoát ” trong công trình đường dây không được công bố, song kinh phí ban đầu của công trình được dự trù là 300 triệu đôla nay đã lên gấp đôi. Có lẽ, để chặn đứng các “ thất thoát ” còn nhiều khả năng tiếp tục, và cũng để

chứng minh cho quyết tâm chống tham nhũng của chính phủ (nhất là tham nhũng ngoài đảng ?), phiên tòa đã được quảng cáo rầm rộ và báo chí nước ngoài đã được tham dự phiên xử. Theo báo Tuổi Trẻ ngày 31.1.1994, tham nhũng và các " sai phạm " khác trong ngành xây dựng đã làm thiệt hại cho Nhà nước khoảng 23 triệu đôla trong năm qua.

Hồi hương

Chính phủ Việt Nam vừa có quyết định " cho phép một số trường hợp được hồi hương " :

– Những người già từ 60 tuổi trở lên, nếu có thân nhân ruột thịt là công dân Việt Nam ở trong nước bảo lãnh đảm bảo cuộc sống ;

– Những người có trình độ học vấn trên đại học hoặc có tay nghề bậc cao, thuộc các ngành nghề mà Việt Nam đang cần, nếu có cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân ở trong nước tiếp nhận về làm việc ;

– Những người là thành viên hội đồng quản trị các dự án đầu tư ở Việt Nam, thuộc diện ưu tiên theo luật đầu tư nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước xác nhận.

Người được phép hồi hương phải nộp một khoản tiền " lệ phí hồi hương " theo quy định của bộ tài chính ; được mang tài sản ở nước ngoài về ; và có các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam. (Sài Gòn Giải Phóng 17.2.1994)

Ngân sách 1994

Các khoản chi ngân sách của nhà nước Việt Nam năm 1994 không thể thấp hơn 48 270 tỉ đồng (4,5 tỉ đôla), tăng 26,7 % so với năm 1993. Đó là con số được ông Hồ Tế, bộ trưởng tài chính đưa ra trong một buổi họp báo ở thành phố Hồ Chí Minh ngày 14.2.1994. Theo ông, khoản thiếu hụt ngân sách vẫn sẽ ở mức khá cao, khoảng 10 000 tỉ đồng, tức 6,7 % tổng sản lượng trong nước (GDP), và sẽ được bù bằng tiền vay nước ngoài và trong nước. Mục tiêu của chính phủ là đưa mức thiếu hụt này xuống dưới 5 % GDP cho năm 1995.

Theo bộ trưởng, những chi tiêu cho đầu tư cơ bản sẽ tăng hơn 21 %, đạt khoảng 10 300 tỉ đồng, dịch vụ nợ nước ngoài lên đến 300 triệu đôla.

Theo Ủy ban kế hoạch nhà nước, ngân sách 1994 dự trù khoảng 470 triệu đôla cho quốc phòng (tăng 49 %), 500 triệu đôla cho các vấn đề xã hội, 490 triệu đôla (tăng 33 %) cho giáo dục, và 170 triệu đôla (tăng 31 %) cho y tế. (AFP 14.1.1994)

Việt Nam và Internet

Internet là hệ thống chính trong một vài hệ thống nối liền các máy tính điện tử của những cơ quan, xí nghiệp lớn, trường đại học của nhiều nước trên thế giới với nhau, qua đó những người làm việc ở các nơi có thể trao đổi thông tin, thư tín (*thư điện tử*, tiếng Anh gọi tắt là *e-mail*), gần như trực tiếp, không mất thời gian như qua bưu điện thường. Một số nhà tin học thuộc Viện Đại học quốc gia Úc đã bắt đầu làm việc từ mùa thu năm ngoái để nối một vài cơ sở tin học Việt Nam vào hệ thống thông tin quốc tế này, song nhiều khó khăn kỹ thuật chưa được vượt qua, nhất là vì mạng lưới viễn thông của Việt Nam chưa chuẩn.

Trong khi chờ đợi nối vào hệ thống truyền tin hiện đại này, Việt Nam đã là... chủ đề cho cuộc trao đổi thông điệp ngoại giao đầu tiên qua đường thư điện tử ! Cuộc trao đổi được thực hiện ngày 5.2.1994 giữa thủ tướng Thụy Điển Carl Bildt và tổng thống Mỹ Bill Clinton, mở đầu như sau :

Bill thân,

Ngoài việc thử đường dây trong hệ thống Internet, tôi muốn chúc mừng ông đã quyết định chấm dứt cấm vận đối với Việt Nam. Tôi có kế hoạch đi Việt Nam tháng tư tới và chắc chắn sẽ nhân dịp đó đẩy thêm vấn đề MIA.(...)

Nhà Trắng đã được nối vào hệ thống thư điện tử *Internet* từ nhiều tháng nay, và hàng trăm ngàn người Mỹ đã gửi những " thông điệp " của mình tới tổng thống của họ (địa chỉ : *president@whitehouse.gov*). Trong thư trả lời " *Carl thân* " (dĩ nhiên, cũng là bằng *e-mail*), sau khi cảm ơn chính phủ Thụy Điển về những hỗ trợ ngoại giao trong vấn đề MIA, ông Clinton đã đồng tình với thủ tướng Carl Bildt về khả năng to lớn của các phương tiện viễn thông mới.

Phát triển công nghệ thông tin (viễn thông, điện tử và tin học) tại Việt Nam đòi hỏi đầu tư rất lớn (theo ước tính của một công ty Mỹ, cho riêng năm 1993 Việt Nam đã đầu tư 400 triệu đôla trong lĩnh vực này), song cũng là một yêu cầu rất khẩn cấp trong công cuộc phát triển kinh tế. Nhiều tổ hợp quốc tế lớn (Úc, Pháp, Thụy Điển, Nhật, Mỹ v.v...) đang ngấp nghé, tranh giành nhau thị trường này. Về phần nước chủ nhà, dĩ nhiên một nỗ lực hàng đầu là phải... làm chủ được những chọn lựa của mình, đưa ra được những chuẩn thống nhất cho các xí nghiệp cung cấp thiết bị kỹ thuật. Điều này hình như chưa được cơ quan chủ quản của Việt Nam (Bộ hay Tổng cục Bưu điện và Viễn thông ?) ý thức rõ lắm : Trong một bản tin về hệ thống điện thoại quốc gia, từ *Vietnam Investment Review* ngày 8.11.1993 cho biết cả nước đang dùng những trang bị chuyển mạch (*switching equipment*) của 11 nhà sản xuất khác nhau, không cùng một chuẩn ! Mà càng định chuẩn trễ, dĩ nhiên sẽ càng tốn kém.

Tin ngắn

✓ Năm 1993, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 1.8 triệu tấn gạo với giá bán thấp hơn giá gạo Thái Lan trung bình từ 30 đến 35 đôla/ tấn. Từ đầu năm 1994, sau khi giá gạo trên thế giới tăng mạnh (với việc mở cửa của thị trường Nhật Bản), mức chênh lệch này lên đến 100 đôla/ tấn. Lý do : gạo Việt Nam chỉ xuất khẩu qua trung gian, các doanh nghiệp trung gian này cạnh tranh giảm giá để giành khách hàng.

✓ Một Việt kiều quốc tịch Nhật, ông Nguyễn An Trung, tổng giám đốc công ty liên doanh Sài Gòn Auto, vừa bị bắt tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 19.2.1994, vì tội " nhập lậu 118 chiếc xe Nhật tay lái nghịch " (Việt Nam đã cấm nhập xe hơi có tay lái ở bên mặt từ năm 1991).

✓ Nguyệt san chính thức của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tháng 2.1994 cho biết ngân hàng đang có kế hoạch làm cho đồng tiền Việt Nam chuyển đổi được (convertible) " trong một tương lai gần ". Tỷ suất đồng Việt Nam/ đôla giữ khá vững ở mức 10 500 - 11 000 đồng/ 1 đô la từ một năm nay.

✓ Theo tuần báo tiếng Anh *Vietnam Investment Review* 7.2, Tổng cục thuế khoá Việt Nam cho biết sẽ ngăn chặn không cho các nhà đầu tư nước ngoài trở lại Việt Nam nếu họ không trả thuế đầy đủ. Theo ông Trương Chí Trung, tổng cục trưởng, Việt Nam bị thiệt hại quá nhiều vì thất thu thuế của các xí nghiệp nước ngoài (nhưng ông không nói rõ thất thu bao nhiêu). Năm 1993, các xí nghiệp này đã đóng cho Việt Nam hơn 500 triệu đôla tiền thuế.

✓ Một đoàn chuyên viên khảo sát động-thực vật của bộ lâm nghiệp vừa phát hiện một khu rừng nguyên sinh trên độ cao 2 000 mét tại khu núi Bà, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Khu rừng diện tích chừng 100 000 ha, có nhiều loại động vật và thực vật quý như chim trĩ sao, cây thông hai lá dẹt, cây bách xanh, pơmu v.v...

✓ Chỉ trong vòng một tháng (từ 10.12.1993 đến 10.1.1994), trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra 7 cuộc đình công của công nhân tại 4 xí nghiệp liên doanh, 2 xí nghiệp tư nhân và 1 xí nghiệp quốc doanh. Tổng liên đoàn lao động cho rằng hiện tượng đình công lan ra đến xí nghiệp quốc doanh là “ dấu hiệu không bình thường ”.

✓ Kể từ nay, hành khách đến sân bay Tân Sơn Nhứt sẽ được hướng dẫn ra hai cửa khác nhau : cửa xanh dành cho những người “ không có gì phải khai báo hải quan ”, và cửa đỏ cho những người có hàng vượt quá giới hạn cho phép. Hiện nay, hàng ngày sân bay Tân Sơn Nhứt có 15 chuyến máy bay đi và 15 chuyến đến.

✓ Theo hai số báo FEER (*Tạp chí Kinh tế Viễn Đông*) ngày 17 và 24.2.1994, các ông Trần Đình Huỳnh, viện trưởng Viện xây dựng đảng (Institute for Party Building), Hoàng Chí Bảo, viện trưởng viện chủ nghĩa xã hội khoa học trực thuộc viện chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phạm Khắc Lãm, giám đốc đài truyền hình quốc gia, đã được đảng mời “ nghỉ hưu non ”. Ông Bùi Thiện Ngô, bộ trưởng nội vụ cũng muốn về nghỉ vì cảm thấy bất lực trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu, nhưng chưa được đồng ý.

✓ Viện khảo cổ Việt Nam và nhà bảo tàng tỉnh Đắk Lắk vừa khám phá một di chỉ gồm những di tích của Vương quốc Chăm (từ thế kỷ 2 đến thế kỷ 15 sau công nguyên), và nhiều di vật bằng đá và đồ sứ tiền sử chứng minh có một nền văn minh trong vùng cách đây khoảng 3 000 năm. Hiện nay còn khoảng 60 000 người dân tộc Chăm sống rải rác trong các tỉnh Nha Trang, Phan Thiết và tại một số nơi ở đồng bằng sông Cửu Long.

✓ Theo những con số chính thức được công bố cuối tháng 1.1994, các xí nghiệp của quân đội trong công nghiệp hàng tiêu dùng hoặc công nghiệp quân sự đã đạt một doanh số 167 triệu đôla trong năm 1993, tăng 44 % so với năm 1992. Quân đội đã đầu tư 147 triệu đôla vào các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài.

✓ Ông Phạm Văn Quang, 52 tuổi, người đã phát cờ ba sọc trước câu lạc bộ báo chí thành phố Hồ Chí Minh nhân dịp cuộc chạy Maratông quốc tế được tổ chức ở đây vào tháng 12.1992, vừa bị toà án xử 15 năm tù vì tội “ có hành động phản loạn tại một nơi công cộng ”.

Tư hữu hoá

Theo *Le Monde* ngày 25.1.1994, phong trào tư hữu hoá quả đã đạt mức toàn cầu. Tờ báo cho biết, chỉ riêng trong năm 1993, tạp chí *Anh Privatization International* đã liệt kê 102 cuộc tư hữu hoá có tầm quan trọng đáng kể, ở 41 nước, với doanh số tổng cộng 52,4 tỉ đôla.

Ở Việt Nam, như Diễn Đàn đã nhiều lần đưa tin, chính phủ cũng đã lên khuôn một chương trình tư hữu hoá nhiều xí nghiệp quốc doanh, như Legamex, Cơ - Điện - Lạnh Thành phố HCM, v.v... Tuy nhiên, phải công nhận là chương trình chưa được tiến hành tích cực lắm, và các xí nghiệp được đem ra bán chưa phải có tầm cỡ gì. Một lý do hàng đầu, có lẽ thuộc về địa hạt tâm lý hơn là kinh tế. Đó là : chương trình khó có thể khởi động mạnh mẽ khi công ty lớn nhất của Việt Nam, hoạt động trong một lĩnh vực hoàn toàn có thể tư hữu hoá được (không liên quan trực tiếp đến các vị trí chiến lược của quốc gia), vẫn nằm ngoài chương trình : những hoạt động mà bên này người ta vẫn thường gộp chung trong danh mục tạm dịch là “ tư vấn ”, hoặc có lẽ đúng hơn : “ cố vấn ”. Cụ thể, công ty “ cố vấn ” với nhân dân nên chọn ai vào chính phủ, “ cố vấn ” với chính phủ nên chọn ai vào những chức vụ quan trọng, v.v... Dĩ nhiên, những người được chọn thường cũng là người ăn lộc công ty, điều đó trên thế giới này không có gì lạ. Câu chuyện *Whitewatergate* đang làm đau đầu tổng thống Bill Clinton và phu nhân Hilary cho thấy ngay cả bên Hoa Kỳ người ta vẫn làm như thế. Song, nhiều giám đốc nghĩ rằng, nếu công ty tư vấn này là tư nhân thì mọi việc sẽ “ danh chính ngôn thuận ” hơn. Các xí nghiệp quốc doanh được tư hữu hoá có thể thuê công ty tư nhân kia giúp hoạch định kế hoạch làm ăn, chọn giám đốc, cán bộ, v.v... Chứ như bây giờ, tư hữu hoá rồi mà vẫn cứ phải nhờ một công ty nhà nước làm giùm những việc đó thì chẳng đâu vào với đâu. Người ta sợ công tư vẫn lẫn lộn, khó làm ăn, là vì thế.

Theo nhiều nguồn tin, khó khăn đến từ những chọn lựa có tính chất ý thức hệ, tập trung vào khâu then chốt nhất là tên mới của công ty một khi tư hữu hoá. Theo cách xử lý đã thành quen thuộc của các xí nghiệp Việt Nam, tên được nhiều người đồng ý nhất là *Cosavina*. Nhưng rồi, có ý cho rằng như thế rất dễ bị ngộ nhận với *Cosevina*, là công ty làm ăn với bọn phản động người Việt ở nước ngoài, đã bị giải thể, gây tai tiếng nhiều quá. Mặt khác, như thế là quá nhấn mạnh tính quốc gia của công ty, trong khi truyền thống cộng sản là tinh thần quốc tế rất cao. Lại nữa, quên mất chữ đảng ở đầu rõ ràng là thủ tiêu lãnh đạo. Sau nhiều ngày tháng tranh cãi, một tên khác đã được bộ chính trị chọn lựa : *Dacosa*. Công việc gần thành thì lại có ý bàn ngang, rằng hồi sau này chữ viết dạy ở nhà trường xuống cấp quá, nguệch ngoạc trông chẳng ra sao, như gà bới, *Dacosa* dễ viết thành *Dacàsa* quá. Cứ cái gì đã là phiền rồi, lại đã cả sa, nữa, thật chẳng nên chút nào.

Một “ Đại hội đồng nửa nhiệm kỳ ” của công ty, được triệu tập đặc biệt để bàn cãi vấn đề, đã... chia tay sau khi bầu thêm vào ban quản trị một số nhân vật không mặn mà lắm với vấn đề được đưa ra bàn cãi.

Vũ Như Cẩn (Fax từ Hà Nội)

Thời kỳ sau cấm vận

(tiếp theo trang 1)

Về phía chính quyền Việt Nam, chỉ thị cấm báo chí đưa tin lớn về việc bỏ cấm vận tất nhiên nằm trong đường lối cố hữu *cải tổ kinh tế, giữ nguyên trạng chính trị*. Song, sự thân thiện ngoài mặt còn có những nguyên nhân khác, nhiều ý nghĩa hơn. Một là, nhà cầm quyền Việt Nam chùng nào đã ý thức về quy mô và cường độ của những vấn đề kinh tế, xã hội đặt ra trong thời kỳ sau cấm vận. Hai là, quan hệ Việt-Mỹ rõ ràng sẽ đóng một vai trò *lợi hại* trong mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam, ở khu vực Đông Nam Á cũng như trên toàn cầu, trong một tình hình hoàn toàn mới và hết sức phức tạp. Trong một tình huống như vậy, có những sự im lặng ý nghĩa hơn mọi lời nói.

Sự im lặng không chỉ có ở quảng trường Ba Đình. Tại Bạch cung, tổng thống Clinton trong cuộc họp báo 5 giờ chiều ngày 3.2, cũng như một phụ tá giấu tên của ông trong Hội đồng an ninh quốc gia một giờ trước đó (trong một cuộc "gặp báo chí" không công bố), nhất định không chịu đề cập đến sự liên quan giữa bỏ cấm vận và *sự an ninh ổn định trong khu vực*. Nói thay cho họ, đã có những việc làm và những người mau miệng ở ngoài chính quyền. Chẳng hạn như thượng nghị sĩ John McCain (đảng Cộng hoà, cựu phi công và bị giam nhiều năm ở Hoả Lò Hanoi Hilton) khi ông tuyên bố: « *Quyền lợi của Mỹ là một nước Việt Nam có đủ sức về kinh tế để cưỡng lại những chiến thuật áp chế của nước láng giềng khổng lồ phương Bắc* », và cho rằng " *sự cân bằng lực lượng trong khu vực* " là một trong mấy lý do đòi hỏi Mỹ phải chấm dứt cấm vận (Tạp chí FEER, 17.2.94). Đó là ý kiến của một

(quảng cáo)

SOUTHERN CALIFORNIA UNIVERSITY

for Professional Studies

Chương trình đặc biệt cho người Việt khắp thế giới

học lấy văn bằng M.B.A. / Tiến sĩ luật khoa Hoa Kỳ

Chương trình đại học từ xa là một giải pháp cho những người có kiến thức, đã có văn bằng ở Việt Nam, hay ở các nơi khác hoặc đã từng giữ những chức vụ quản lý, lãnh đạo trước đây hay hiện tại đang hành nghề thương mại, kinh doanh... đã có kinh nghiệm làm việc, mà trước đây chưa có dịp học lấy văn bằng, nay cần một văn bằng đại học Hoa Kỳ để thăng tiến. Hãy ghi tên học tại Đại học Southern California, chương trình học từ xa. Học viên tự học ở nhà (vẫn tiếp tục làm việc của mình) với sự hướng dẫn của các giáo sư danh tiếng của nhà trường, mỗi năm học tập trung tại trường hay giáo sư của trường đến tận thành phố quý vị cư ngụ để giảng dạy. Học phí nhẹ đặc biệt cho người Việt Nam được hưởng 30 % scholarship. Trung bình chỉ cần 1-2 năm là hoàn tất chương trình A.A., B.A., M.A., M.B.A., D.B.A. and Ph.D or J.D. (Associate, Master, Doctorate degrees in Business, Laws, Psychology and others).

Managers, business people and professionals can study at home (through books, videotapes, cassettes) and 2-3 weeks at classes every year. Generous scholarship for Vietnamese. Most program can be finished within one year and rely on self-pacing and flexible times schedules.

For Free brochure, applications or further information, please contact by fax, attention to : International Program (714 854 4680) or by mail to :

**SCU, International Program, Vietnamese Section,
BOX 5171 University, Irvine CA 92716**

(Fully approved by State of California since 1976 and accredited by Pacific Association of Schools and Colleges)

ngiht sĩ đối lập, dường như cũng phản ánh ý kiến chung của lãnh đạo hai đảng Cộng hoà và Dân chủ. Còn việc làm ? Khó ai có thể tin rằng Nhà Trắng đã cử một tướng lĩnh cao cấp như đô đốc hải quân Charles Larson, tư lệnh Quân lực Hoa Kỳ / Thái Bình Dương (Hạm đội 7), sang Việt Nam (16.1.94) chỉ để đi tìm hài cốt quân nhân Mỹ mất tích (MIA). M. Nishihara (Học viện quốc gia nghiên cứu quốc phòng, Tokyo) đã đặt đúng vấn đề: « *Tôi cho rằng hiện nay Hoa Kỳ và Việt Nam có một quyền lợi chung: cả hai đều quan ngại Trung Quốc. (...) Hai chuyến đi thăm Việt Nam của Winston Lord và của Đô đốc Charles Larson chứng tỏ Hoa Kỳ coi trọng vai trò của Việt Nam như một đối trọng đối với Trung Quốc* » (tài liệu vừa dẫn).

Trung Quốc ! Dữ kiện cơ bản và bi thảm của lịch sử Việt Nam, và của quan hệ Việt-Mỹ, chính là ở điểm này: *trong suốt nửa thế kỷ vừa qua, chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam chưa hề căn cứ vào hiện thực Việt Nam như nó có, mà dẫn xuất từ ngộ nhận " cộng sản Việt Nam là công cụ của Liên Xô và Trung Quốc ", nên luôn luôn được quan niệm như là một bộ phận của chính sách Mỹ đối với Trung Quốc*. Thật vậy, từ 1950 đến 1971, các chính quyền Truman, Eisenhower, Kennedy và Nixon đã *chống Trung Quốc ở Việt Nam*. Tiếp đó, nhất là từ 1978 trở đi, các chính quyền Carter, Reagan và Bush *chống Việt Nam để liên minh với Trung Quốc*, trong một chiến lược toàn cầu chống Liên Xô.

Phải đợi tới ngày nay, khi thế lưỡng cực tan biến cùng với khối " xã hội chủ nghĩa " Đông Âu, khi ảo ảnh thị trường khổng lồ Trung Quốc (thập niên 1980) nhường chỗ cho một cái nhìn chính xác hơn về tiềm năng của nó, đồng thời khi toàn bộ khu vực Đông Nam Á bắt đầu quan ngại trước sự an ninh trịch thượng của Bắc Kinh trong vùng này (đặc biệt trên vùng biển), chính quyền Washington, lần đầu tiên từ 44 năm nay, dường như mới ý thức được sự cần thiết phải có một chính sách Việt Nam *trên cơ sở hiện thực Việt Nam* !

Muộn còn hơn không, việc bãi bỏ cấm vận cuối cùng đã mở đường cho sự kiến lập *mối quan hệ bình thường* giữa hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ (cuộc tiếp xúc Việt-Mỹ đầu tiên xảy ra cách đây gần một thế kỷ rưỡi ! vào dịp Tết năm Canh Tuất 1850). Mở đường thôi, vì đoạn đường trước mặt có thể ngắn, song có nhiều khả năng kéo dài nhiều năm. Lòng người hai phía còn ngổn ngang. Phía Mỹ giành thế thượng phong, có thể sẽ dùng *chiêu bài nhân quyền, dân chủ* để cù ỷa, cho đến khi đạt được những mục tiêu kinh tế, chiến lược nhất định thì họ sẽ quên hết ngôn từ đạo lý như họ đã làm với Trung Quốc (mong rằng tiền lệ Trung Quốc sẽ giúp cho mọi người Việt Nam thiết tha với dân chủ tránh được những ảo tưởng còn khá phổ biến). Về phía Việt Nam, chính quyền dường như vẫn giam mình trong cái thế gàn gà, nửa thấy phải tiếp tục hội nhập vào cộng đồng thế giới, mở rộng quan hệ với Mỹ và phương Tây để xây dựng đất nước và tạo lập một thế ổn định, hoà bình ở Đông Nam Á, nửa lại muốn dùng màn khói " *đế quốc âm mưu diễn biến hoà bình* " để ngăn chặn quá trình dân chủ hoá, quên rằng đó là yêu cầu nội tại bức xúc của xã hội Việt Nam, và là điều kiện thiết yếu của công cuộc phát triển.

Hơn bao giờ hết, thời kỳ *sau cấm vận* đòi hỏi mọi người Việt Nam — chính quyền và các lực lượng xã hội — biết vượt khỏi quyền lợi riêng để nhận rõ đâu là quyền lợi cơ bản và lâu dài của đất nước.

Nguyễn Ngọc Giao

TỔNG THỐNG MỸ B. CLINTON CHẤM DỨT CẤM VẬN VIỆT NAM

Khi Washington biết năm thời cơ

Nhìn lại những bước chuẩn bị từ cuối năm 1993 cho đến 17 giờ ngày 3.2.1994 (giờ miền đông Hoa Kỳ), là lúc tổng thống Clinton chính thức tuyên bố chấm dứt cấm vận Việt Nam, có thể nói Nhà Trắng — sau những vấp vấp về đối ngoại trong năm 1993 — lần này đã tạo ra và nắm thời cơ, và khôn khéo chuẩn bị dư luận.

Liên tiếp các chuyến đi Việt Nam của trợ lý ngoại trưởng W. Lord, đô đốc C. Larson và nhiều thượng hạ nghị sĩ đã chứng nhận sự hợp tác tích cực của phía Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề quân nhân Mỹ mất tích. Một báo cáo chung của các cơ quan tình báo dân sự và quân sự Mỹ kết luận dứt khoát rằng “ vụ tài liệu mật Liên Xô ” (tung ra hồi tháng 3.93) là ngụy tạo. Bộ tư pháp minh xác cho bộ trưởng thương mại Ron Brown bị tố oan đã nhận hối lộ 700 000 đôla để “ vận động bỏ cấm vận ”. Và cuối cùng, Thượng viện Mỹ bỏ phiếu với đa số 2/3 (của cả hai đảng) khuyến nghị tổng thống chấm dứt cấm vận vì bỏ cấm vận... “ là cách tốt nhất để đạt những tiến bộ mới trong vấn đề quân nhân mất tích ”.

[Hay thật ! Người đánh máy bất giác nhớ tới cái lưỡi không xương trong ngụ ngôn của cụ Esop. Trong hơn 10 năm, Mỹ kéo dài cấm vận vì vấn đề MIA, nay Quốc hội Mỹ cũng vì vấn đề MIA mà đòi bỏ cấm vận. Ấu đó cũng là một cách dí dỏm để chấm dứt một màn kịch ma quái của các chính quyền nối tiếp ở Mỹ : dùng thương đau của gia đình quân nhân Mỹ mất tích để biện minh cho chính sách thù nghịch đối với Việt Nam. Y chang như tay phù thủy tung âm binh rồi khó rút về. Tổng thống Bush có nhiều lợi thế hơn người kế tục để chấm dứt cấm vận ngay từ cuối năm 1992, nhưng không dám, và đã trao lại cho TT. Clinton món quà *tẩm thuốc độc* đó].

Được lời như cởi tấm lòng, tổng thống Clinton tuyên bố chấm dứt cấm vận, và cẩn thận nói thêm : với sự nhất trí của bộ tư lệnh liên quân Quân lực Hoa Kỳ, Hội đồng an ninh và của các bộ trưởng chủ chốt. Rồi ông nhấn mạnh : động cơ của quyết định này là vấn đề MIA, hoàn toàn không có tính toán nào khác.

Cuộc chiến tranh Cola

Không có tính toán nào khác ? Tất nhiên đó là cách nói của chính khách, để khỏi phải đề cập tới các kích thước chính trị, chiến lược (xem bài *Thời kì sau cấm vận*) và kinh tế.

Tổng thống Clinton tuyên bố vào 5 giờ sáng 4.2 giờ Việt Nam. Non hai giờ sau, công ty Pepsi Cola tung một quả bóng bay khổng lồ (hình cái lon Pepsi) lên vùng trời Thành phố Hồ Chí Minh, và phát không những lon Pepsi đầu tiên sản xuất tại Việt Nam. Phải ngày hôm sau, Coca Cola mới xuất hiện trong một cuộc biểu diễn nhạc rock do hãng này bảo trợ. Giới báo chí Mỹ bình luận : Pepsi đã thắng trận đầu trong *cuộc chiến tranh Cola* vừa khởi mào.

Thực ra, hơn 100 công ti Mỹ đã có mặt ở Việt Nam. Hàng chục công ti khác đang chạy sang để kịp chuẩn bị *Hội chợ triển lãm hàng Mỹ* đầu tiên sẽ khai mạc tháng 4.1994. Theo Hội đồng kinh doanh và công nghệ Mỹ-ASEAN, giới doanh nghiệp Mỹ hi vọng kim ngạch thương mại và đầu tư tại Việt Nam trong hai năm tới sẽ đạt con số 2,6 tỉ đôla, và năm năm nữa, sẽ lên tới 8 tỉ, tập trung chủ yếu vào cơ sở hạ tầng (sản xuất năng lượng, vận tải, thiết bị dầu khí, viễn thông, cầu đường, sản phẩm điện tử và tin học). Các công ti Mỹ vừa qua

đã tạo sức ép khá lớn để bỏ cấm vận, vì họ ý thức được là Mỹ đã bị chậm chân bốn năm năm so với Đài Loan, Hồng Kông, Nam Triều Tiên, Nhật, Pháp và Úc (mà tổng giá trị các phương án đầu tư từ năm 1988 đã lên tới gần 8 tỉ đôla).

Cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và các nước này sẽ gay go trong nhiều lãnh vực. Thí dụ điển hình là thị trường máy bay, với hai đối thủ lớn là Airbus (Cộng đồng châu Âu) và Boeing : trong vòng 10-15 năm tới, Việt Nam cần mua khoảng 60-80 phi cơ dân dụng.

Bất luận thế nào, bỏ cấm vận là một quyết định có lợi cho nền kinh tế Mỹ. Còn đối với Việt Nam ? Ngày nào chưa có quan hệ ngoại giao đầy đủ, chưa có hiệp ước thương mại với điều khoản *tối huệ quốc* (Most Favored Nation), hoặc Việt Nam chưa gia nhập *Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch* (GATT), thì hàng hoá Việt Nam vẫn bị hàng rào quan thuế Mỹ hạn chế ngặt nghèo, khó cạnh tranh với hàng Trung Quốc hay Thái Lan. Nói khác đi, cấm vận mới bãi bỏ đối với hàng Mỹ (vào Việt Nam), mà chùng nào vẫn còn với đối với hàng Việt Nam (vào Mỹ) ! Tuy nhiên, quyết định của Mỹ có hai tác dụng tích cực quan trọng : (1) nó đánh tan sự e ngại của giới đầu tư các nước, (2) nó tạo điều kiện cho các ngân hàng mạnh dạn cấp tín dụng cho những phương án dài hạn và trung hạn.

Những vấn đề tồn đọng trong quan hệ tay đôi

Ngày 28.2.94, cuộc đàm phán Việt-Mỹ đã mở đầu tại Hà Nội, tập trung vào hai vấn đề : (1) chuẩn bị mở phòng liên lạc của hai nước tại Washington và Hà Nội, (2) trao trả tài sản của mỗi bên đã bị bên kia phong toả từ năm 1975. Mặt khác, sắp tới, hai bên cũng sẽ hội đàm tại New York về vấn đề nhân quyền. Phía Mỹ đánh tiếng sẽ gắn liền tình hình nhân quyền ở Việt Nam với việc để Việt Nam hưởng điều khoản *tối huệ quốc* trong việc buôn bán với Mỹ. Phía Việt Nam tuyên bố sẵn sàng “ trao đổi ý kiến ” về nhân quyền song không chấp nhận có “ sự can thiệp vào công việc nội bộ ”.

Về tài sản bị phong toả : người ta ước tính giá trị tài sản Việt Nam (chủ yếu là nhà cửa và tiền bạc ký gửi của chính quyền miền Nam trước 1975) khoảng 250-300 triệu đôla, còn tài sản của Mỹ (kể cả tài sản của các công ti Mỹ) khoảng 200-230 triệu. Giới quan sát cho rằng vấn đề tế nhị nhất là tài sản của các công ti tư nhân vì Việt Nam không muốn tạo ra tiền lệ để những công ti nước ngoài khác cũng đòi bồi hoàn của cải. Tuy nhiên họ cho rằng có khả năng sớm giải quyết, vì chính các công ti hữu quan Mỹ cũng nóng lòng kinh doanh ở Việt Nam nên không đại gì mà làm găng.

Ngược lại, nhiều nhà quan sát cho rằng vấn đề nhân quyền có thể sẽ kéo dài quá trình bình thường hoá quan hệ Việt-Mỹ.

tin ngắn tin ngắn

Phim *Mùi đu đủ xanh* của Trần Anh Hùng dự giải Oscar 94 của điện ảnh Mỹ dưới danh nghĩa phim Việt Nam và được tuyển chọn vào danh sách 10 phim nước ngoài tranh giải *phim ngoại quốc hay nhất*. Trong khi chờ đợi, ngày 26.2, phim này đã được giải điện ảnh Pháp César 94 *phim đầu tay hay nhất*.

(tổng hợp tin AFP, Reuter, AP, FEER, báo Mỹ, Pháp, Thái Lan)

TỪ CẤM VẬN đến THÔNG VẬN

Nguyễn Lộc

Chuyện Hoa Kỳ huỷ bỏ cấm vận Việt Nam là chuyện phải đến. Ai cũng biết và tin như vậy, kể cả những người, những tổ chức mà mỗi lần bộ máy hành pháp Hoa Kỳ lấy trốn để vượt qua cái “hội chứng Việt Nam ở cấp nhà nước” thì họ lại ném vào đó một vài “sự kiện” hoặc “bằng chứng” xương xẩu mong làm trì trệ bước tiến, lẽ ra là khá tự nhiên của diễn trình quan hệ hai nước Việt Mỹ.

Cuối tháng giêng 1994, người ta ghi nhận sự rục rịch, lấy sức lần nữa của chính quyền Clinton trong vấn đề cấm vận. Ta có thể kể đến chuyến đi Việt Nam ngày 16.1 của đề đốc Charles Larson, tư lệnh các lực lượng quân sự Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương (tức là Hạm đội 7), việc chính phủ Mỹ kết luận về cái (vô) “giá trị” của bản tài liệu do “học giả” Morris công bố, và lời tuyên bố của ngoại trưởng Christopher về triển vọng bãi bỏ cấm vận lúc ông đang thăm Bangkok. Để thêm sức cho ông Clinton, vốn đã phải thụt thò nhiều bận, kỳ này Thượng viện Mỹ, với sự hợp tác của mấy nghị sĩ có thành tích chiến đấu nơi chiến trường hoặc trong trại tù binh ở Việt Nam, hôm 27.1 đã bỏ phiếu, 62 thuận 38 chống, khuyến nghị chính phủ Clinton huỷ bỏ cấm vận.

Và, ngày 3 tháng 2 năm 1994, đúng 17 giờ (giờ địa phương Washington DC), ông Clinton tuyên bố, qua một cuộc họp báo, ông quyết định làm “*cái việc đúng, phải làm*”.

Ban chủ biên *Diễn Đàn* nhắn sang nhờ tôi thu lượm một số chi tiết về phản ứng của cộng đồng trước và sau ngày 3.2.94, cho kịp số báo tới. Thực ra, đây là một việc khó làm cho tròn, vì rất nhiều bà con người mình không chịu hoặc chưa thể tuyên bố tự do với báo chí về những vấn đề liên quan đến “chính trị” Việt Nam. Do đó, quanh đi quẩn lại trên mặt báo — tiếng Việt lẫn tiếng Anh — ta thấy chỉ một số người lên tiếng. Tính chất tiêu biểu do đó không cao.

Nếu tìm hiểu dư luận cộng đồng là làm một vòng qua mấy bài xã luận của dăm tờ báo Việt ngữ ở quận Cam chẳng hạn, thì nếu không khéo ta tin rằng “70 triệu dân Việt Nam”, chú không phải chỉ ông A, bà B nào đó ở Bolsa, đều chống hành động “thiếu tinh thần trách nhiệm” của ông Clinton. Đàng khác, nếu như tôi lạng lẽ đi hỏi quanh trong vòng bè bạn, quen biết, kể cả bạn đồng nghiệp người Việt quen mà không thân, thì phản ứng trái ngược hẳn. Người dè dặt nhất cũng coi là “đã tới lúc”. Thế nhưng, làm báo thì phải nói có sách mách có chứng, giấy trắng mực đen, làm sao “nói lên” cái cảm nghĩ của số đông bà con ta, trót đã tình nguyện đảng “đa số thâm lặng” lâu nay rồi. Mặt ấy, ta đành phải “hiểu

ngầm” với nhau thôi. Về dư luận công khai (mà không hẳn là “công luận”), ta sẽ duyệt qua một ít báo chí, và lược ra đây một số sự kiện, phản ứng, may ra cũng gọi được là tiêu biểu.

[Có một điều tôi xin được phép không động đến, đó là việc những ông bà Mỹ mới đau đớn kêu khóc cho “số phận” của những lính Mỹ còn bị liệt kê mất tích. Thú thực bụng dạ tôi không tiêu nổi sự thương vay khóc mượn này. Xin được nói cho rõ].

Cái đêm hôm... trước, đêm gì...

Chiều ngày 1 tháng 2, hệ thống CBS loan tin: tổng thống Clinton sẽ công bố bỏ cấm vận Việt Nam trong một ngày rất gần. Sáng 2.2, báo *Los Angeles Times* đăng tin này, cùng với một số phản ứng của vài người mà báo chí Mỹ ở đây quen gọi là “lãnh đạo cộng đồng” người Việt tại quận Cam.

Ông Bùi Bình Bân, một người vừa đạt danh hiệu “Chủ tịch Cộng đồng người Việt Nam ở Nam Cali” sau khi ông đắc cử với đúng 2191 phiếu trên hơn 5000 phiếu bầu, tuyên bố: “*Cộng đồng (sic) sẽ bị sốc dữ lắm. Giờ đây, chúng tôi cảm thấy hết sức cô đơn trong cuộc chiến đấu chống lại Cộng sản của chúng tôi. Đối với vấn đề cấm vận, chúng tôi yêu cầu Tổng thống cột vấn đề nhân quyền vào các quyết định của ông, một cuộc bầu cử trong sạch và dân chủ để người dân Việt Nam quyết định loại chính phủ đại diện cho họ, và để giải quyết vấn đề POW-MIA*”. Sau đó, ông Bân có gửi thư cho TT Clinton, yêu cầu ông “*còn phải quan tâm đến 70 triệu người đang sống dưới sự áp bức của cộng sản, chứ không thể chỉ nghĩ đến các doanh nghiệp Mỹ lo lắng về sự tổn hại tiền bạc của họ*”.

Ông Bân đã lên tiếng thì phải có tiếng nói của ông Võ đình Hữu, người vừa thua ông Bân hơn tám chục phiếu trong cuộc bầu chức “Chủ tịch cộng đồng”, và cho đến ngày 5.2.94 vẫn còn cả quyết rằng: “*Tôi không nghĩ cuộc bầu cử là công bằng và trong sạch*”. Ông cho biết ông “*rất buồn*” khi nghe tin ông Clinton có thể bỏ cấm vận, trong thư gửi cho TT Clinton, ông và đồng hương có nhấn mạnh rằng, ở vai trò lãnh đạo thế giới tự do, Hoa Kỳ cần đòi hỏi các nước muốn có giao thương với Hoa Kỳ phải có tự do. Ông Phạm Đăng Long Cơ, bác sĩ sản khoa, chủ tịch tổ chức “Hội đồng thương mại Việt Nam ở Orange County”, một người lâu nay phải mặc áo giáp phòng đạn vì công khai ủng hộ bỏ cấm vận và bang giao Việt Mỹ, nói: “*Tôi rất xúc động trước tin này! TT Clinton sẽ làm được một việc lớn cho 70 triệu người Việt Nam cũng như các gia đình MIA và POW. Nếu ta bỏ cấm vận thì vấn đề POW sẽ được giải quyết rất nhanh và Clinton sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho những người Mỹ muốn làm ăn ở Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp đã áp lực Tổng thống vì họ nhìn thấy những cơ hội!*” Ông cũng thêm: “*Việc này sẽ gây nên một số va chạm nhỏ giữa các phe chống đối và ủng hộ (bỏ cấm vận). Một số người Việt vẫn còn rất cay cú đối với Việt Nam do những ký ức không hay của họ*”. Nhưng ông cũng hi vọng nhiều doanh gia của Little Saigon sẽ đổ xô đi Việt Nam để khảo sát triển vọng làm ăn. Ông Cơ nói mà không sợ ông Clinton giận sao? Ông Clinton đang muốn phủ nhận yếu tố kinh tế trong quyết định của ông ấy kia mà. Cùng với vài nhóm cựu lính Mỹ và gia đình Mỹ có thân nhân chết hoặc mất tích ở Việt Nam, một vài tổ chức và cá nhân người Việt, trong đó tích cực nhất phải kể đến ông Đỗ Hoàng Diễm, cháu

gọi ông Hoàng Cơ Minh bằng cậu, một nhân vật quan trọng của “ Mặt Trận ” vùng Nam Cali, công bố dự định tổ chức các hoạt động, biểu tình vào ngày 5-2, nhằm ngăn cản TT Clinton bỏ cấm vận. Tuy vậy, ngay cả những người vốn háng hái chống đối việc bỏ cấm vận cũng e rằng việc đã quá trễ tràng. Ông Nguyễn Hậu, chủ tịch “ Hội tương trợ cựu tù nhân chính trị Việt Nam ”, than : “ Nếu các nhóm cựu chiến binh và các gia đình binh sĩ Mỹ đã không thể thuyết phục Tổng thống đừng bỏ cấm vận, thì tôi nghĩ rằng bất kỳ điều gì người Việt chúng ta làm đều sẽ chỉ là tiếng kêu chẳng ai nghe ”. Phải chăng vì chính tâm trạng này mà một số nhà “ lãnh đạo ” cộng đồng đã từ chối trả lời phỏng vấn của báo *Los Angeles Times* ? Bên cạnh những tin chống đối, từ *Los Angeles Times* ngày 3-2-94 có đăng lời phát biểu của một phụ nữ Việt, bà không cho biết tên : “ Bỏ cấm vận là một việc tốt, nhưng xin đừng trích dẫn lời tôi, bởi vì tôi có thừa gian nan với cộng đồng rồi ! Tôi chán mấy người tuyên bố là họ chống bỏ cấm vận lắm. Để rồi xem. Sau ngày Thứ sáu, họ lại đổi giọng. Họ sẽ mau mắn nhẩy qua phía bên kia và tìm cách thủ lợi ! ”. Cái hay của thiếu phụ này là bà đã đưa ra cái thời hạn : Thứ sáu. Còn chuyện đổi giọng ? Xin chờ xem.

Sau ngày Thứ sáu...

Người lâu nay mong đợi thì cho đó là một cuộc giao hàng trễ hạn, họ được thở phào ! Người thờ ơ coi đó như một chuyện đã rồi ! Kẻ chống đối thì nhắc lại thêm một lần nữa những câu chữ : “ phản bội ”, “ bỏ rơi đồng minh ”, “ đâm sau lưng chiến hữu ” ; hoặc cũng vài ý mới như : “ nuốt lời hứa lúc tranh cử ”, “ trao quà Tết cho cộng sản Việt Nam ”. Trang nhất báo *Los Angeles Times* số ngày 5-2-94 đăng bức ảnh mấy người dân Saigon, họ có vẻ là công nhân đang làm việc ngoài đường phố, đưa tay nhận những lon Pepsi Cola, quà tặng mừng bỏ cấm vận. Cùng trang ấy, có hình ba người đàn ông Việt, cổ cùn cà vạt, vét tông vác lá cờ vàng ba sọc đứng chơ vơ. Ông Nguyễn Chuyên, một trong ba người này, theo từ *LAT*, nhận rằng ông ta và các đồng minh có đường lối “ cứng rắn ” của mình đã không có đủ uy thế để được Nhà Trắng lắng nghe ! Nhưng ông tin rằng, với cái tù và (*bullhorn*) trong tay, không thể bảo rằng nhóm của ông không có tiếng nói ! Khó cãi ! Ông Đỗ Ngọc Yến, biên tập báo *Người Việt*, cho rằng cái “ lối nhốn nháo ” của những người có đường lối cứng rắn đã khiến họ có vẻ “ to hơn thực lực của họ ”. Ông cũng đề nghị : “ Nếu muốn thật sự có được uy thế trong hệ thống chính trị Mỹ, họ cần ứng xử phù hợp với những thực tế chính trị mới ! Tiếng nói của họ sẽ mạnh nếu họ chấp nhận sự đoàn kết giữa họ với nhau và thật sự biết cách nhân nhượng trong chính trị ”. Người từng theo dõi các phát biểu của ông Đỗ, một nhà báo thường được các cơ quan truyền thông Mỹ tại địa phương đến hỏi ý mỗi khi có một sự kiện hoặc biến chuyển liên quan đến Việt Nam, phải nhận đây là lời tuyên bố khá mạnh bạo của con người khá thận trọng này ! Ông Đỗ có lẽ sẽ không thất vọng lắm trước sự kiện và những lời tuyên bố sau đó của các vị Bùi Bình Bân, Võ Đình Hữu, trong cuộc “ biểu tình ” ngày 5-2-94. Trước hết, hai cuộc biểu tình được nhập lại làm một sau một lúc tách rời, những câu tuyên bố nẩy lửa cho rằng chỉ có cuộc biểu tình của “ phe ta ” là có “ chính nghĩa ” được tạm gác qua một bên. Trong bài diễn văn nhậm chức, ông Bùi có một ý hơi khác điều ông nói cách

đó vài ba ngày, ông cho rằng việc giao thương với Việt Nam có thể có lợi cho người dân xứ này ! Tuy nhiên, những người đã từng biết một số dự tính làm ăn của ông Bùi, doanh nhân, thì câu tuyên bố “ công khai ” này cũng chỉ là một món hàng giao trễ hạn mà thôi ! Chưa đủ, ông còn làm cho ký giả báo *LA Times* kinh ngạc lần nữa khi ông thừa nhận có sự khác biệt về quan điểm trong cộng đồng. Ông nói : “ Chúng tôi đều chống chủ nghĩa cộng sản, nhưng chúng tôi có quan điểm khác nhau ! ” Cách đó không xa, ông Võ Đình Hữu cũng nói tới chuyện hoà giải ! Ngay cả khi nếu ông chỉ nói tới chuyện hoà giải với nhóm ông Bùi không thôi thì cũng là một bước tiến. Đôi lúc ta cũng phải biết... kiên nhẫn, chờ nhau !

Còn có tiếng nói của những tấm lòng

Bạn đọc sẽ bất bình nếu tôi cứ mãi dính vào chuyện “ chính trị ” vốn chỉ là mối quan tâm của thiểu số. Thực ra, tôi phải thú nhận là mình có “ thích thú ” cái nền chính trị ồn ào của cộng đồng. Nhân một dịp có thể coi được là đáng mừng, có bỏ chút thì giờ và giấy mực của *Diễn Đàn* để ghi lại thêm một đoạn chót... nữa của một giai đoạn, âu cũng đáng được bạn đọc lượng tình. Thêm nữa, ẩn chứa trong các chi tiết có vẻ nhốn nháo ấy, nhìn kỹ, ta cũng thấy được cái sức thuyết phục của tình thế. Nói thế cũng đủ. Giờ xin trả trang báo lại cho vài suy nghĩ, vài tấm lòng dành cho một cơ hội vừa mở ra ! Andrew Lâm, biên tập viên của *Pacific News Service* (San Francisco), viết : “ Việc bỏ cấm vận còn xoá đi cái « căn cước » (identity) 20 năm của những người Việt lưu vong ở Mỹ ”. Andrew Lâm cho biết, anh đã sống cạnh những người “ thua cuộc ” trong những cuộc đấu tranh, họ vẫn còn ôm giữ quá khứ, còn phất lá cờ vàng ba sọc đỏ — lá cờ biểu trưng của một “ nước ” không còn nữa ! Và ngay trong nhiều gia đình — kể cả gia đình riêng của ông thân sinh anh, một vị cựu tướng lãnh Việt Nam cộng hoà — người ta vẫn còn sống với ký ức của cuộc chiến. Và ngay trong từng gia đình ấy, khoảng cách giữa thế hệ bố mẹ và con cái cứ rộng dần. Những cha mẹ “ người Việt lưu vong ” sống cạnh những đứa con “ người Mỹ gốc Việt ” ; và những đứa con ấy ngày càng thấy “ những ngày vàng son ấy ” của cha mẹ mình mờ nhạt thêm. « Do đó, trong khi cha tôi lên tiếng chống bỏ cấm vận, tôi lại nhìn thấy các thuận lợi của việc bình thường hoá quan hệ với quê hương chúng ta ! Trong khi cha tôi vẫn không thể mặt đối mặt với Việt Nam, tôi đã đi thăm nơi ấy để trực diện với nguồn gốc của nỗi sầu khổ của mình. Cha tôi bảo, chủ nghĩa cộng sản phải chấm dứt. Tôi đồng ý, nhưng để ảnh hưởng lên tương lai của Việt Nam ta phải dẹp bỏ tư tưởng thù hận, thôi nuôi nấng những niềm đau khổ và nhận thực rằng cuộc chiến giờ chỉ còn là một cái chú thích cho một chương sử đang lật qua ! Một người bạn vẫn tưởng tượng mình là người Việt lưu vong, gọi cho tôi từ bờ biển phía đông (Hoa Kỳ) để nói với tôi rằng việc bỏ cấm vận đã làm xáo động tâm hồn anh. Anh nói “ Tôi nhận ra rằng tôi không hề muốn hồi hương. Chỉ đến lúc này tôi mới nhận thực rằng tôi đã trở thành một người Mỹ ”. Một người bạn khác, có bằng Cao học quản trị kinh doanh (MBA) hả hê trước tin về cấm vận. Anh tâm sự : “ Tôi không thấy là mình mất đi một bản ngã. Tôi đang được thêm một địa chỉ, một đất nước thứ hai ! ” ». Từ chỗ nhìn của mình, Andrew Lâm cho rằng : « Nếu ngày 30-4-1975 là ngày

(Xem tiếp trang 14)

Thư ngỏ của Đỗ Trung Hiếu

LTS. Đỗ Trung Hiếu tham gia Cách mạng từ năm 1956. Vì kiên trì hô hào “đổi mới toàn diện và triệt để” từ sau đại hội 6 đảng cộng sản Việt Nam (1986), đặc biệt trong khuôn khổ Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ do ông Nguyễn Hộ là chủ nhiệm, Đỗ Trung Hiếu đã bị Thường vụ thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh khai trừ khỏi đảng vào năm 1992. Tuy thế, ông vẫn tiếp tục tin tưởng rằng Đảng Cộng sản Việt Nam, vốn đã “từng xả thân lãnh đạo dân tộc Việt Nam kháng chiến thành công”, sẽ có đủ bản lĩnh, kinh nghiệm và “dũng cảm” để “chuyển chế độ chuyên chính vô sản sang chế độ dân chủ pháp trị”, nếu biết “đặt Tổ quốc và dân tộc lên trên hết”. Lập trường của ông trình bày trong bức thư ngỏ đăng dưới đây phải nói là khá ôn hoà và chung thuỷ. Dù vậy, trong tình hình kềm kẹp nghiêm ngặt về tư tưởng và công luận hiện nay, ông đã không thể phát biểu công khai ý kiến của mình qua báo chí và những phương tiện truyền thông khác ở Việt Nam. Đó là lý do khiến chúng tôi đăng lại toàn văn bức thư ngỏ này, dù chúng tôi thấy có một số câu chữ cần viết lại cho hoàn chỉnh hơn (như: “Nguyễn Ái Quốc khóc và la lớn giữa bầu trời giá buốt Paris...” (!), “4 chiếc dây thông lọng siêu điện tử...” (!), ...), cũng như một số ý kiến trình bày chưa rõ hoặc cần được thảo luận thêm (chẳng hạn: “thế giới không có đường biên giới quốc gia, chỉ có tuyến không chế” (?), “Việt Nam là trọng điểm của chiến lược châu Á - Thái Bình Dương” (!), “Việt Nam thực sự là điểm nóng mà 4 cường quốc đều quan tâm” (!)...), thậm chí mâu thuẫn lẫn nhau (nếu tình hình sau Đại chiến thế giới thứ hai chỉ là “loài người bị chìm đắm vào cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn diện giữa cộng sản và tư bản”, thì cả đoạn nói về cuộc “chiến tranh giải phóng dân tộc” có ý nghĩa gì?...).

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 12.02.1994

Kính gửi: – Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản

Việt Nam

– Bạn bè thân hữu

Lúc 05 giờ 00 – giờ Việt Nam – ngày 04.02.1994 (tức lúc 17 giờ 00 – giờ Hoa Kỳ – 0.02.1994) Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton tuyên bố bỏ lệnh cấm vận buôn bán với Việt Nam.

Như thế là sau nhiều cuộc vận động bí mật, công khai Hà Nội và Washington đã đạt được thoả thuận. Chắc chắn trong thời ngắn Việt Mỹ sẽ lập lại bang giao. Và ngay sau đó, Mỹ sẽ dành cho Việt Nam tối huệ quốc (MFN). Bởi vì đây là đường lối chiến lược của Mỹ đối với Việt Nam trong châu Á -

Thái Bình Dương, và Việt Nam cũng đã thay đổi chiến lược, sẽ hoà nhập hoàn toàn vào cộng đồng thế giới.

Trước tình hình này, với tư cách là công dân Việt Nam, là người cựu kháng chiến Việt Nam, tôi xin trình bày ý kiến của mình.

1. Kỷ nguyên mới bắt đầu:

Năm 1992 khi đã từ chức tổng thống Liên xô, Gorbachev sang thăm Mỹ. Đến đâu người Mỹ đều hỏi ông: “Kỷ nguyên Gorbachev đã chấm dứt chưa?”. Ông trả lời: “Kỷ nguyên Gorbachev mới bắt đầu”.

Vâng, kỷ nguyên Gorbachev, tức kỷ nguyên “công khai dân chủ, loài người cùng mái nhà chung trong một xã hội nhân ái công bằng” mới bắt đầu.

Trái với công khai dân chủ là bí mật độc tài, trái với mái nhà chung là phân chia cát cứ, trái với xã hội nhân ái công bằng là xã hội hận thù bất công. Nhưng điều này đã được nhiều người đặt ra từ Cách mạng Mỹ 1776, Cách mạng Pháp 1789, cách mạng Tân hợi 1911 ở Trung Quốc và Cách mạng tháng 10. 1917 ở Liên xô. Nhưng đến cuối thế kỷ 20, khi Gorbachev đặt lại, nó trở thành ngọn triều cách mạng nóng bỏng ở Liên xô, Đông Âu và chấn động toàn cầu. Bởi vì sau Đại chiến thế giới thứ hai, loài người bị chìm đắm vào cuộc chiến tranh ý thức hệ toàn diện giữa cộng sản và tư bản. Cả hai phía đều nói về dân chủ, nhân ái và công bằng và nhân danh lý tưởng cao đẹp đó chống lại đối phương. Nhưng trong thực tế cả hai đều không làm đúng những điều mình nói, và chỉ có người dân vừa là đối tượng tranh giành vừa là nạn nhân của cuộc chiến ý thức hệ.

Trong chế độ tư bản văn minh, dân có pháp luật bảo vệ, được quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền tố thái độ chống chính quyền bằng hội thảo, mít-tinh, biểu tình, đình công để đòi quyền lợi của mình, tố cáo sai phạm chính trị và tội ác chính phủ nếu có. Người dân có quyền tư hữu, tự do phát huy cá tính. Trong chế độ cộng sản, ngược lại, chỉ có tập thể, cá nhân bị huỷ diệt. Đảng cộng sản là đại biểu của tập thể cao nhất. Cho nên, đảng viên nào cũng thấy mình có quyền, nhưng thực chất chẳng có ai có quyền, chỉ có tổng bí thư có mọi quyền, nhưng không trọn vẹn, vì phải lệ thuộc vào một số qui định của tập thể vô hình mà không xác định ai là người chịu trách nhiệm.

Bất hạnh cho dân tộc Việt Nam, hơn nửa thế kỷ qua đã là chiến trường của cuộc chiến ý thức hệ đó dưới nhiều dạng thức. Những người Việt Nam ở bên này hay bên kia giới tuyến, nói cho cùng đều là đồng bào ruột thịt, là những người bị thiệt hại và đáng thương hơn cả.

Khi Nguyễn Ái Quốc đọc luận cương giải phóng dân tộc của Lenin đã khóc và la lớn giữa bầu trời giá buốt Paris “Đây là cái dân tộc tôi cần”. Đúng là tấm lòng chân thành yêu nước của người Việt Nam mất nước đi tìm đường cứu nước. Rồi Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa cộng sản, trở thành người cộng sản. Nhưng yếu tố yêu nước vẫn là nền tảng xuyên suốt trong Nguyễn Ái Quốc đến Hồ Chí Minh. Trong bản tuyên ngôn người đọc tại quảng trường Ba Đình ngày 02.09.1945, tinh thần yêu nước, yêu tự do, nhân ái bộc lộ rõ:

“... Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai xâm phạm được, trong

những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

“... Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã thành một nước tự do độc lập” (1).

Hành trang của Hồ Chí Minh là lòng yêu nước và xuất thân từ một gia đình nho giáo. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, người luôn luôn tìm hiểu và sử dụng tất cả những gì có thể đem lại lợi ích cho cuộc giải phóng dân tộc. Vì vậy, người ta dễ thấy có cái gì như hiền triết, như thơ đượm chất phương Đông trong nhà chính trị thiên tài này. Điều đó đã giúp người với những kỹ xảo tuyệt diệu vượt qua những khó khăn và sai phạm chính trị nghiêm trọng một cách dễ dàng mà người khác không làm nổi. Luồng gió cách mạng vô sản Liên xô và Trung quốc thổi sang Việt Nam, mang theo tư tưởng Stalin và Mao Trạch Đông từ những thập niên 20, 30 thu hút nhiều thanh niên Việt Nam yêu nước đi làm cách mạng, đồng thời cũng gieo mầm mống độc hại từ ấy. Hầu hết những người Việt Nam đến với chủ nghĩa cộng sản bằng con đường yêu nước. Không có người Việt Nam yêu nước không có Đảng cộng sản Việt Nam. Đảng cộng sản Việt Nam chỉ vĩ đại khi ở trong lòng dân tộc và làm đúng nguyện vọng của dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam ghi ơn Đảng cộng sản Việt Nam và chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam đánh đuổi xâm lược giải phóng xứ sở. Đảng cộng sản Việt Nam và chủ tịch Hồ Chí Minh cũng phải ghi ơn dân tộc Việt Nam đã sản sinh và cứu mạng mình.

Không thể nói chỉ có người cộng sản là yêu nước. Không thể kết luận số phận của dân tộc Việt Nam gắn liền với chế độ cộng sản. Không thể cho rằng sự mất còn của chế độ cộng sản cũng là sự mất còn của dân tộc Việt Nam. Lịch sử trung thực và công bằng đã chứng minh trải qua bao thời đại thăng trầm, số phận của mỗi triều đại có giới hạn. Nhưng dân tộc thì vĩnh hằng. Dân tộc Việt Nam còn nghèo khổ, xin Đảng cộng sản Việt Nam đừng tập trung sức của nhân dân Việt Nam để xây dựng chủ nghĩa cộng sản cho riêng Ban chấp hành trung ương Đảng.

Cuộc đối đầu giữa cộng sản và tư bản bằng xương máu của hàng chục triệu con người trên địa cầu suốt 74 năm đã đủ cho loài người mở mắt lắm rồi. Ngày 19.8.1991, Liên xô sụp đổ, kéo theo sự tan rã toàn khối Đông Âu, đánh dấu sự thất bại của chủ nghĩa cộng sản trên bình diện thế giới. Đây là sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản trước lòng dân, do nhân dân trong các nước xã hội chủ nghĩa đứng lên tự giải phóng mình là chính. Đây cũng là cuộc thức tỉnh, nhìn thẳng nhìn sâu vào chính mình, chấm dứt hận thù, mở rộng hợp tác thương yêu trong tinh thần hoà hợp, để chống lại những hiểm hoạ thời đại của toàn nhân loại : chiến tranh hạt nhân và vi trùng, nạn nhân mãn và thiếu lương thực, bệnh sida, nạn ô nhiễm môi trường...

Chỉ một trong những hiểm hoạ trên xảy ra đều có thể đưa nhân loại đến ngày tận thế. Cuộc chiến đấu chống những hiểm hoạ trên chưa có hiệu quả cao, nên kỷ nguyên mới cần phải phát động thành cao trào rộng rãi khắp địa cầu.

2. Việt Nam trong chiến lược toàn cầu :

Thời đại vi tính làm thay đổi toàn diện xã hội nhân loại với tốc độ phát triển chóng mặt. Không ai dám quyết đoán

những gì sẽ xảy ra, cũng không một quốc gia nào đứng vững được trong thế riêng lẻ. Biên giới quốc gia bây giờ rất tương đối, “ Thế giới không có đường biên giới quốc gia, chỉ có tuyến khống chế ” (2). Tính khu vực và tính toàn cầu ngày càng thể hiện phong phú dưới nhiều dạng thức. Trí tuệ sung mãn của con người mới được sử dụng khoảng 30%. Ngày nào đó nó được sử dụng cao hơn hoặc được phát huy toàn thể thì nền văn minh nhân loại chắc sẽ bay bổng đến những biên giới mới.

Thế giới đang hình thành nhiều khu vực phát triển. Khối thị trường chung Âu châu (EC), khối Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), khối thị trường tự do Bắc Mỹ (AFTA). Hết thấy đều khai thác thế mạnh liên minh trong sự phát triển của thế kỷ 21 là khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APEC). Năm 1985 Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên xô Gorbachev đã phát biểu và chiến lược Châu Á Thái Bình Dương tại thành phố Vladiamia-Vostov, thu hút hầu hết sự quan tâm của các nước trong vùng và toàn thế giới. Trong Châu Á Thái Bình Dương có 4 cường quốc : Mỹ, Nhật, Nga, Hoa, trong đó Mỹ, Nhật thuộc nhóm nước G7. Việt Nam là trọng điểm của chiến lược Châu Á Thái Bình Dương. Đây là vấn đề quan trọng hàng đầu của Việt Nam trong chiến lược phát triển thế kỷ 21.

Ngày nay và mãi mãi về sau bốn cường quốc Mỹ Nhật Nga Hoa luôn luôn giành thế chủ động và thượng phong trong chiến lược Châu Á Thái Bình Dương. Có một số sự kiện, là người Việt Nam cần phải quan tâm. Tháng 12.1993 tổng thống Mỹ Bill Clinton dự hội nghị Châu Á Thái Bình Dương tại Seattle và đã gặp chủ tịch Trung quốc Giang Trạch Dân tại đó. Ngày 16.01.1994, đô đốc Charles Larson tư lệnh các lực lượng vũ trang ở Châu Á Thái Bình Dương của Mỹ đã đến thăm Việt Nam và họp báo tại Hà Nội. Đô đốc nói : “ Về lâu dài tôi nghĩ rằng Mỹ có thể cùng Việt Nam bàn đến sự hợp tác với nhau trong lĩnh vực quân sự để duy trì và bảo đảm sự ổn định ở khu vực đầy năng động này ” . Trong lúc ấy Nga vẫn giữ độc quyền đóng quân tại cảng Cam Ranh, một cảng lớn có điều kiện thiên nhiên lý tưởng không kém gì cảng San Francisco của Mỹ.

Việt Nam thực sự đã là điểm nóng mà bốn cường quốc đều quan tâm. Việt Nam có thể nương vào sức mạnh của họ để cất cánh bay cao, bay xa. Nhưng cũng có thể sẽ là nạn nhân tự đưa đầu vào 4 chiếc dây thòng lọng siêu điện tử. Hoạ hay phúc là do dân tộc Việt Nam tự định đoạt số phận của mình là chính. Đó là thách thức của trí tuệ, lòng dũng cảm và biết nắm thời cơ, để đưa Việt Nam bay lên bầu trời quang đãng trong chiến lược toàn cầu, hay gầy cánh nằm bẹp dưới mặt đất, và tiếp tục đi chân đất nhiều thập niên nữa.

3. Thử tìm lối ra :

Tạo hoá sắp xếp cho Việt Nam cọ xát với các cường quốc hàng đầu thế giới, đương nhiên dân tộc Việt Nam phải có tư duy ngang tầm thời đại. Điều cần và đủ là Việt Nam phải biết vận dụng trí thông minh, lòng dũng cảm, nhìn thẳng vào vấn đề, không cao ngạo tự ti, Việt Nam chắc sẽ tìm ra lối ra.

Những điều cần tránh là giáo điều, sùng bái cá nhân, bảo thủ, độc tài tham nhũng... Trong xu thế Việt Nam hoà nhập vào cộng đồng thế giới, thì nên tiến thêm một bước mạnh mẽ nữa là chuyển chế độ chuyên chính vô sản sang chế độ dân chủ pháp trị.

Đảng cộng sản Việt Nam từng xả thân lãnh đạo dân tộc Việt Nam kháng chiến thành công, thì cũng có dũng cảm từ bỏ vị trí độc tôn, đặt Tổ quốc và dân tộc lên trên hết, để làm cuộc “Đổi mới chính trị”, hoàn thành công cuộc đổi mới toàn diện và triệt để. Như vậy Đảng cộng sản Việt Nam giữ được vị trí của mình trong lòng dân tộc, giải quyết được quốc nạn tham nhũng hối lộ, cửa quyền, cuộc sống sa đọa của một đảng đương quyền đang bị căn bệnh trên hành hạ nguy cơ đến tính mạng. Nếu Đảng cộng sản Việt Nam cứ kháng kháng nếp cũ, giống kiểu vua Tự Đức, thì dân tộc Việt Nam rơi vào bất hạnh, tụt hậu với các nước trên thế giới và Đảng cộng sản Việt Nam chắc chắn sẽ sụp đổ và bị lịch sử nguyên rủa muôn đời.

Cuộc đổi mới chính trị này cần nội dung gì, tiến hành ra sao, Đảng cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh và kinh nghiệm làm việc đó. Đảng cộng sản Việt Nam đã từng tổ chức hội nghị Tân Trào, đã từng thành lập Mặt trận Việt Minh, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, lập Chính phủ liên hiệp năm 1945. Những mặt trận và chính phủ đó thực sự tiêu biểu và được quần chúng tin cậy. Mặt trận đó có sức mạnh, chính phủ có năng lực và điều hành công việc, quản lý xã hội có hiệu quả. Ngày nay Đảng cộng sản Việt Nam còn có khả năng và điều kiện để làm được hoặc làm hơn thế nữa. Điều tiên quyết là Đảng cộng sản có thực lòng, có quyết làm hay không?

Khi Đảng Cộng sản Việt Nam đồng thuận với đồng bào cả nước tiến hành cuộc đổi mới chính trị toàn diện và triệt để, thì tất cả các thành phần trong xã hội cũng vì tổ quốc và dân tộc mà biết tự chế, xoá bỏ hận thù trong quá khứ, hướng về tương lai, giữ sự phát triển trong ổn định và ổn định trong sáng tạo và phát triển. Bởi nếu không chắc chắn dân tộc Việt Nam sẽ bị thiệt hại trước tiên và nhiều nhất.

Mong rằng những người từng nằm gai nếm mật, từng vào sinh ra tử, chịu đựng gian lao nguy hiểm, sẽ không bao giờ quên dân tộc Việt Nam đã sản sinh ra mình và đùm bọc mình, sẽ không bao giờ quên những đồng đội, đồng bào đã ngã xuống cho ngày nay và ngày mai, sẽ có dũng cảm và rộng lượng, bình tâm, để quyết định sáng suốt: Tổ quốc và dân tộc trên hết.

Kính gửi đến Quý vị và Bạn hữu lời chào Hoà hợp đầu xuân Giáp Tuất.

Đỗ Trung Hiếu

7D Phùng Khắc Khoan Quận I

Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Tuyên ngôn độc lập 02.09.1945

(2) Cuộc đấu tranh giành giật “biên giới mềm” của Thôi Húc Thần (Nhà xuất bản, giáo dục Tú Xuyên 1992)

Tìm đọc

Diễn Đàn-Forum

số 11, phát hành đầu tháng ba

Từ cấm vận... (tiếp theo trang 11)

đau buồn của dân tộc, thì ngày 3-2-1993 sẽ là ngày hoà giải của dân tộc». Andrew Lâm không phải là tiếng nói cá biệt của lớp người Việt trong vòng hai mươi năm qua đã trưởng thành ở Mỹ. Diễn viên điện ảnh Dustin Nguyễn, năm nay 31 tuổi, rời Việt Nam năm 1975, được nhiều người biết đến qua các loạt “show” tivi “21 Jump Street”, và gần đây trong phim “Heaven and Earth” (Trời và Đất, của Oliver Stone), nói: “Tôi có nhiều loại bạn bè khác nhau, một số là người Việt Nam, nhưng tôi không hề thật sự bàn bạc chính trị. Tôi không tin chính trị. Nó làm tôi bực mình. Tôi ghét cay ghét đắng chính trị; nhất nhất mọi thứ liên quan đến tình trạng của đất nước tôi đều là hệ quả của chính trị.” “Tôi ước gì cấm vận đã không xảy ra, và đất nước đã có thể bắt đầu (xây dựng) từ 10 năm trước. Để nó không quá tụt hậu như vậy!” “Tôi vẫn nghĩ, thật kỳ cục khi mà Mỹ là kẻ sau cùng đến (Việt Nam), và chỉ vì một vấn đề chính trị đã chết”. “Nhưng những người tôi biết, và tôi không thể nói thay cho mọi người, đều rất để ý tới Việt Nam và hết sức quan tâm. Không có một ngày nào trôi qua mà chúng tôi không mong cấm vận được bãi bỏ”. Về hình ảnh của Việt Nam đối với anh, Dustin nói: “Tôi vẫn giữ một hình ảnh Việt Nam trữ tình, hình ảnh của thời tôi chưa bỏ đi và cũng biết rằng giờ đây nó không còn như thế nữa! Tôi không sẵn sàng để nhìn lại nơi ấy!” Dustin kết luận: “Cuối cùng, chúng ta phải vượt qua cái rào cản chính trị để đất nước hàn gắn lại! Với những người Mỹ gốc Việt nào ở đây chống đối việc bỏ cấm vận trên bình diện chính trị, tôi thiết tưởng họ cũng nên kiểm điểm lại chính họ và cảm nghĩ của họ xem vấn đề của họ phải chăng là những vấn đề cá nhân.”

Đến hôm nay, cát bụi đã tạm lắng. Mọi người, thuộc nhiều khuynh hướng, hình như đang nghĩ tới ngày mai. Những âu lo mới bắt đầu rõ nét. Tôi xin được dẫn ra đây một câu phát biểu của James Đỗ, một người quen thân của tôi, trả lời báo *San Jose Mercury* về triển vọng mở ra sau cấm vận: “Sẽ không dễ. Trước mặt còn nhiều lao khổ để có thể biến những hảo vọng thành hiện thực”. Những người trước giờ đã may mắn được nhìn thực tế Việt Nam ở tầm gần có lẽ dễ dàng cảm thông âu lo của anh. Nỗi lo khi ta nhìn về phía trước. “Cuộc sống là một chuỗi những đung độ với tương lai; nó không phải là tổng số của tất cả quá khứ chúng ta gộp lại, mà là tổng số của những khao khát về những gì chúng ta có thể trở thành”. Tôi xin mượn ý của một nhà tư tưởng Tây Ban Nha để chấm dứt bài viết khá dài này. Ý trên, được biên tập báo *LA Times* trích dẫn ở ngay câu đầu của bài xã luận ngày 13-2-94, giới thiệu một phụ trang đặc biệt về tương lai của thành phố Los Angeles. Siêu đô thị này đang kiếm tìm một hướng đi ra và đi lên giữa những đổ vỡ gây nên bởi động đất, mưa bão, hoả tai, và sự phân hoá ngày càng nghiêm trọng trong lòng người dân của nó.

Nguyễn Lộc

Nguồn tin và tư liệu:

1. Báo *Los Angeles Times* các ngày 2, 3, 4, 5 và 13-2-94.
2. Báo *San Jose Mercury* các ngày 6 và 7-2-94.

Vài ý kiến về cải tổ giáo dục đại học Việt Nam

Lê Thành Khôi

I. Vài nguyên tắc đại cương

1. *Giáo dục là một hệ thống.* Cải tổ đại học mà không cải tổ trung học và tiểu học thì chỉ có tính cách tạm thời vì cấp bách. Chẳng hạn đào tạo óc khoa học phải bắt đầu từ tiểu học, học ngoại ngữ bắt đầu từ trung học.

2. Nước ta là một nước nghèo, mới bước trên con đường phát triển, không thể bắt chước những giải pháp ở các nước giàu được. Tuy nhiên nếu nền giáo dục được coi là trọng, mà sự thực bây giờ chất xám là yếu tố quan trọng nhất, không có thì không sử dụng tư bản một cách hữu hiệu được. Nhà nước phải cho các nhà giáo dục một địa vị và lương bổng xứng đáng để họ có động cơ làm tròn nhiệm vụ, mà không phải đi làm những việc không có liên quan đến giáo dục để đủ sống.

3. *Khoa học kỹ thuật tiến rất nhanh.* Không thể hoạch kế giáo dục để cho những sinh viên tốt nghiệp có một nghề nghiệp nhất định vì không biết tình hình trong 5, 10 năm sẽ ra sao. Do đó phải cho mỗi người một kiến thức rộng về lý thuyết để sau này có thể áp dụng vào những thay đổi, phải tổ chức cho mỗi người, bắt đầu từ người giáo sư, một cơ chế để cập nhật kiến thức.

4. Để phát triển khả năng của mình, *Đại học cần được tự trị.* Tự trị đại học có nhiều nghĩa. Nó có nghĩa là các giáo sư (nghĩa rộng) có quyền bầu giáo sư, khoa trưởng, viện trưởng, v.v... và quản lý nhà trường, Nhà nước không can thiệp vào nội bộ. Nhà nước kiểm tra người được bầu có đủ điều kiện đã định (về văn bằng, kinh nghiệm, những năm đã dạy, v.v...) và bổ nhiệm. Một đằng khác, ngoài tiền lương của các giáo sư, Nhà nước trợ cấp cho nhà trường mỗi năm một ngân sách dành cho các hoạt động và có quyền kiểm tra tài chính hàng năm của nhà trường để xem sự sử dụng có đúng với kế hoạch không, có lãng phí không, v.v...

Tự trị đại học còn có nghĩa là giáo sư được tự do nghiên cứu và phát biểu. Khoa học là một sản xuất, là một yếu tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế. Làm khoa học phải có óc khoa học, mà óc khoa học trước hết là tìm sự thật với đủ chứng cứ. Không phải Khổng Tử đã nói, hay Mác đã nói, hay Hồ Chí Minh đã nói, mà tôi coi lời nói đó là sự thật, nếu không có đủ chứng cứ đích xác. Bắt người khác phải theo ý kiến của mình mà không cho bàn cãi là đi trái với tinh thần khoa học.

5. *Giảng dạy ở đại học bao giờ cũng đi đôi với nghiên cứu.* Nếu không nghiên cứu thì kiến thức sẽ cùn dần và sẽ chỉ lặp lại những gì mà người khác đã viết. Một đằng khác nghiên cứu mà không dạy người khác những hiểu biết của mình thì không xứng đáng với danh nghĩa người trí thức. Không có một lý lẽ lý thuyết nào để tách rời nghiên cứu và giảng dạy. Tôi đề nghị bỏ hệ thống các viện nghiên cứu hiện tại, sáp nhập mỗi viện vào trường đồng môn, chuyển các nghiên cứu viên thành giáo viên đồng cấp.

6. *Từ nguyên tắc đến thực hành phải có thời gian.* Nhưng nên đặt nguyên tắc để tỏ đường đi. Có thể thí nghiệm ở một vài nơi trước khi phổ cập.

II. Mạng lưới đại học.

1. Không cần có nhiều trường đại học, *thà ít nhưng chất lượng cao* còn hơn. Nên bỏ những trường quá nhỏ, tổ chức theo ngành chuyên môn hẹp, ít học trò, đổi thành trường trung học.

2. *Nên sáp nhập các trường đại học và cao đẳng sư phạm vào các đại học tổng hợp.* Có lợi cả về chi phí và đào tạo, bởi vì phần môn học (lịch sử, văn chương, v.v...) các sinh viên có thể học cùng với sinh viên khác (tiết kiệm người và chỗ dạy) chỉ phải tổ chức phần đào tạo nghề nghiệp thôi. Nếu học trò đông thì có thể truyền các bài học qua TV, ra-đi-ô, v.v...

3. *Quản lý bộ và các đại học lớn bằng máy tính điện tử,* không cần nhiều người nhưng cần người biết nghề. Nên cho người có đủ trình độ về tin học đi học kinh nghiệm quản lý giáo dục ở vài nước gần Việt Nam. Học không có nghĩa là sẽ theo cách làm việc của họ một cách máy móc.

4. *Đại học mở* xưa nhất và có tiếng nhất là Open University ở Anh. Nên cho người đi học kinh nghiệm của họ.

5. *Đại học khu vực* nên dạy và nghiên cứu về những hoạt động kinh tế cần được mở mang trong vùng, chẳng hạn cà phê và chăn nuôi ở Tây Nguyên, đánh cá ở vùng biển, v.v... Nhà trường có thể ký hợp đồng với xí nghiệp để nghiên cứu về một vấn đề nhất định, một đảng tăng thu nhập của mình, một đảng cho sinh viên sát thực tế, học và hành.

6. Cho mở *đại học tư* với điều kiện là các giáo sư có văn bằng tối thiểu là cao đẳng (3 năm). Giảng dạy phải theo nguyên tắc của đại học công lập, nghĩa là mỗi giai đoạn học, người dạy phải có bằng cao hơn : một người cử nhân dạy người học để thi cử nhân, không dạy cao học.

Đại học tư không được cấp văn bằng có tính cách quốc gia. Những văn bằng này chỉ có đại học công lập mới được cấp. Muốn được phải đi thi ở trường công. Đó là một cách kiểm tra và đánh giá đại học tư.

Cho giáo sư trường công dạy trường tư miễn là làm tròn nhiệm vụ của mình ở trường công. Nhà nước đặt chuẩn cho mỗi cấp giáo sư : bao nhiêu giờ dạy mỗi tuần, bao nhiêu giờ nghiên cứu, bao nhiêu giờ làm việc hành chính, tiếp sinh viên, v.v...

7. Những hợp đồng với *công ty ngoại quốc* đầu tư vào Việt Nam nên có một khoản quy định họ phải đào tạo cán bộ và công nhân Việt Nam trong ngành của họ.

III Quy trình, nội dung, chất lượng

1. Như tôi đã nói trên, vì khoa học kỹ thuật thay đổi nhanh, *không nên kéo dài quá mỗi giai đoạn học.* Dạy cho biết cách học, tự học, hơn là dạy nhiều, nhồi sọ. Không phải ở Mỹ Master cần 2 năm mà ta cũng theo 2 năm. Nên hoạch kế chương trình theo mục tiêu của mỗi nghề (một giáo viên trung học về sử địa cần dạy những gì, bằng cách nào?...), chú không nên đặt ngay từ đầu rằng cử nhân phải 4 năm, master phải 2 năm thêm, v.v...

Dĩ nhiên, có 2 điều kiện cơ bản : *trình độ kiến thức của người giảng dạy và phương tiện vật chất.*

Để khuyến khích người giáo sư tiến bộ trong nghề Nhà nước nên đặt giải thưởng hay tiền thưởng những công trình nghiên cứu và dựa trên đó mà thăng chức. Ngược lại, một người giáo sư mà không nghiên cứu (không viết bài, viết sách khoa học) thì có thể bị loại.

Phương tiện vật chất gồm thư viện, TV, ra-đi-ô, băng, v.v... Ngoài sự dạy ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh¹) phải có chương trình lớn dịch các sách và bài báo quan trọng cho sự nghiệp xây dựng kinh tế, xã hội, văn hoá của đất nước.

3. *Đánh giá đại học* rất khó. Thường thường người ta đánh giá theo số lượng và chất lượng tác phẩm khoa học của giáo sư, sự tham gia của họ vào những công tác quốc gia và quốc tế. Có nước tổ chức những uỷ ban chuyên đi đánh giá đại học : mỗi uỷ ban gồm 5-6 người chuyên về những ngành dạy ở đại học mà họ sẽ đi đánh giá.

Ở nước ta trong tình hình hiện giờ, phương sách giản dị nhất là xem kết quả của sinh viên trong thi cử quốc gia. Tôi không tán thành các công nghệ “hiện đại” (tests, chấm thi tự động, v.v...) rất máy móc, không cho biết khả năng lý luận và suy nghĩ của thí sinh.

4. *Tuyển sinh đại học.*

Có thể tuyển sinh theo cách này :

– Xem hồ sơ và điểm của thí sinh trong 2 hay 3 năm cuối cùng của trung học, để loại những người có trình độ quá thấp ;

– tùy theo trường thí sinh muốn vào, coi trọng những điểm đã được trong những môn có quan hệ : chẳng hạn trường y cần giỏi hoá, vật lý, toán ; những môn này không cần nếu muốn học văn.

– nếu thí sinh không đồng ý với quyết định của uỷ ban tuyển sinh thì cho phép thi viết.

Paris, 28.12.1993

Lê Thành Khôi

Giáo sư danh dự Khoa học giáo dục
Đại học Sorbonne.

(1) Nên dạy hai tiếng từ trung học : bắt buộc tiếng Anh, cho chọn : tiếng Pháp, Trung Quốc, Đức, Nga, Tây Ban Nha.

Tìm đọc

Hộp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277, Garden Grove
CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện, 15 Place
Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Bùi Chí Vinh

Mùa xuân ngán ngủi

Giao thừa anh hái lộc non
Dè đầu đông quá môi son dính người
Lúc đi một, lúc về đôi
Đêm mơ nóng rục mặt trời trên vai.

Mùng một không dám bói bài
Đem dưa hấu xẻ làm hai bói tình
Ruột dưa đỏ tựa tim anh
Thưa em, nhất định điềm lành đầu năm.

Mùng hai anh ghé cổ nhân
Đình xưa, sân cũ, chu thần ở đâu ?
Cành khô, lộc rụng rồi sao ?
Đôi môi trên áo nát nhàu vệt son...
(Tuổi Trẻ, Xuân 94)

Thanh Thảo

Bô-rit Pa-stec-năc

*Cơn giông buổi chiều
những chiếc lá áp mặt vào cửa kính
những cây thông cúi đầu nín nhịn
mưa rất to
những cây thông vượt mặt
trước mỗi trận đòn oan nghiệt*

*khuôn mặt trắng xanh ấy
thiên thần hoang dại
một đứa bé không có gì tự vệ
ngoài thơ*

*thơ cần cho ai
không cần cho ai
nào biết
thở bằng thơ
cho tới chết*

*mùa hè nở bất ngờ
khoảng không chọt loè tia mắt
những dòng thơ rền vang
lụi tắt
mưa
mưa
mưa ào ạt*

khu vườn tuyết đối yên lặng

Một đề nghị xây dựng thư viện ở Việt Nam

Nguyễn Ứng Long *

Trong tài liệu “ Về hiện trạng đại học Việt Nam ”¹ của Vụ đại học, Bộ giáo dục và đào tạo, những vấn đề được đề cập chia làm bốn phần :

- mạng lưới đại học ;
- qui trình đào tạo đại học ;
- nội dung, phương pháp, chất lượng ;
- huy động tài chính cho giáo dục đại học.

Ngoài ra còn một phần phụ gồm những vấn đề Vụ đại học đề nghị Việt kiều góp ý kiến.

Riêng trong phần “ Nội dung, phương pháp, chất lượng ”, tài liệu cũng cho biết thư viện đại học lạc hậu, nghèo nàn khiến cho, một mặt, giáo chức thiếu điều kiện nâng cao trình độ và cập nhật hoá kiến thức, và mặt khác, sinh viên không có điều kiện để đào sâu, tra cứu độc lập.

Để giải quyết, tài liệu chủ trương :

- xây dựng thư viện trung tâm cho có đủ sách và dịch vụ thông tin hiện đại ;
- viết và dịch sách giáo khoa cho sinh viên.

Đó là chủ trương hợp lý. Ở đây tôi chỉ xin góp ý về vấn đề xây dựng thư viện.

Trong hoàn cảnh bình thường, thư viện đại học là bộ phận hữu cơ của đại học. Không thể hình dung một đại học mà không có thư viện. Cùng với số lượng và phẩm chất của ban giảng huấn, nó là một trong những tiêu chuẩn thiết yếu được dùng để đo lường và thẩm định giá trị của đại học. Chính vì vậy mà để nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu, người ta không ngừng tăng cường khối lượng tài liệu và hiện đại hoá dịch vụ thư viện.

Tại các nước phát triển, song song với thư viện đại học lại có mạng lưới thư viện công, thư viện nhi đồng tại các thành phố, các xã. Mục tiêu của nó là cống hiến miễn phí những tin tức, những kiến thức về các mặt của đời sống, của khoa học và kỹ thuật để giúp cho người dân theo dõi thời sự, trau dồi văn hoá, mở rộng hiểu biết, nâng cao phẩm chất đời sống. Khác với thư viện đại học, thư viện công đón tiếp mọi người, mọi giới không phân biệt tuổi tác, trình độ học vấn, v.v... Với sứ mệnh một đại học bình dân – hiểu theo nghĩa mở rộng của cho mọi người, mọi tuổi, mọi trình độ – nó biểu hiện một niềm tin dân chủ vào khả năng tự học và tự thăng tiến của người công dân.

Hai hệ thống thư viện đại học và công, tuy độc lập với nhau, nhưng kết lại thành một toàn bộ phong phú, hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển văn hoá giáo dục của xã hội.

Nhưng thư viện là một đầu tư dài hạn và tốn kém. Vì vậy, tại một nước đang phát triển như Việt Nam, với phương tiện

eo hẹp, và với nhiều vấn đề to lớn và cấp bách cần được đối phó cùng một lúc, việc phát triển thư viện cần được kế hoạch hoá trên qui mô cả nước để bảo đảm :

- sự ăn khớp chặt chẽ với chiến lược giáo dục và đào tạo ;
- sự phát triển nhịp nhàng, đồng bộ của mọi vùng, mọi địa phương trên bình diện văn hoá giáo dục ;
- tránh phí phạm tài nguyên nhân lực.

Trong cách nhìn đó, tôi xin đề nghị chính phủ Việt Nam thành lập một “ Ủy ban quốc gia phát triển thư viện ”, thành phần gồm :

- đại diện Bộ giáo dục, đào tạo và Bộ văn hoá ;
- các viện trưởng đại học ;
- đại diện ban giảng huấn đại học ;
- giám đốc thư viện quốc gia ;
- đại diện các quản thủ thư viện đại học và thư viện công ;
- giới chức hành chính các vùng và các thành phố lớn ;
- v.v...

Ủy ban có nhiệm vụ :

- thực hiện một cuộc điều tra về hiện tình thư viện trong cả nước (thư viện đại học, thư viện quốc gia, thư viện công) ;
- soạn thảo và đệ trình chính phủ một dự luật về “ Kế hoạch phát triển thư viện trong thời gian 1995 - 2025 ” ;
- theo dõi, đôn đốc, và phối hợp việc thực hiện kế hoạch sau khi dự luật được quốc hội biểu quyết thành luật ;
- vận động sự yểm trợ trong và ngoài nước cho việc thực hiện kế hoạch ;
- báo cáo định kỳ cho quốc hội về tiến trình thực hiện kế hoạch.

Bạn đọc có thể thắc mắc tại sao kế hoạch lại phải cần quốc hội biểu quyết. Xin thưa rằng một kế hoạch dài hạn nằm trong khuôn khổ chiến lược phát triển quốc gia, cần được đặt trên nền tảng pháp lý vững vàng, từ đó mới có điều kiện để :

- tranh thủ ngân sách đúng mức ;
- thực hiện đúng kế hoạch bất kể những thay đổi về nhân sự ;
- huy động sự yểm trợ trong và ngoài nước.

Thiết tưởng cũng cần lưu ý rằng trong kế hoạch, ưu tiên số một và trường kỳ là đào tạo một đội ngũ chuyên viên thư viện có bằng cao học (Master) và tiến sĩ (Ph. D) về thư viện. Với khả năng chuyên môn của họ, họ sẽ là cái xương sống của kế hoạch và sẽ thực hiện kế hoạch đúng theo yêu cầu². Không đặt đúng vấn đề này, thì các nỗ lực dù to lớn đến mấy, cũng dễ trở thành mâu thuẫn, luẩn quẩn, phí phạm.

Kết luận :

Đề nghị trên đây chỉ là một khung cho hành động. Để trở thành khả thi, nó cần sự đóng góp ý kiến của các giới chức liên hệ. Dầu sao thì ngày hôm nay hơn bao giờ hết, dân tộc Việt Nam thêm khát tin tức và hiểu biết. Đáp ứng mau mắn nhu cầu đó là bảo đảm tương lai lâu dài của dân tộc.

N. U. L.

¹. Diễn Đàn, 1.1.94, số 26, tr.10 - 12,14.

². Tại bắc Mỹ, Anh và Úc, các quản thủ thư viện đều có bằng Master hoặc Ph. D. ; tại Pháp, đa số quản thủ thư viện và chuyên viên tư liệu (documentaliste) có bằng cử nhân hoặc cao học.

* Chuyên viên thư viện

Đất nước Việt Nam sau hai năm "bung ra"

Nguyễn X.T.

Trong số **Diễn Đàn** tháng 10.93 tôi có dịp viết về "Việt Nam sau hai năm mở cửa du lịch", thuật lại cảm tưởng về một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng như Hoa Lư, Bích Động, Ngũ Hành Sơn...

Hôm nay tôi muốn thuật tình trạng những nơi xa xôi hẻo lánh của đất nước mà người trong nước, ngay cả người làm báo cũng không đặt chân đến, có thể vì thiếu phương tiện giao thông, tài chính.

Lào Cai :

Cách Hà Nội 340 km về hướng Tây Bắc. Thị trấn bị tàn phá sau chiến tranh với Trung quốc năm 1979. Cầu Cốc Lếu bị đánh sập chưa sửa lại. Trước khi đến biên giới khoảng 10 km một trạm kiểm soát chặn xe hỏi giấy hành khách kỹ càng (tháng 8.92).

Trước khi đến biên giới khoảng 15km tôi ngừng ăn cơm bên đường, một quán ăn khang trang rộng rãi so với các quán miền Bắc. Máy vô tuyến phát ra bằng video vừa quay xong ở Cali cách đó hai tháng với những bản nhạc thịnh hành trước 75 (*Cây đàn bỏ quên* của Phạm Duy). Chủ nhà là một thiếu phụ xinh đẹp trạc 30 tuổi đơn đũa cơm nước. Hai bé trai kháu khỉnh khoảng 8 - 5 tuổi và chồng cũng ra nói chuyện. Người chồng cụt hai chân quá nửa đùi, nằm xe lăn đẩy tay. Chị cho biết anh thuộc lực lượng địa phương bị thương năm 79. Sau đó chính quyền phát động chiến dịch "lấy chồng thương binh là yêu nước". Chị và nhiều cô gái khác đã vào các bệnh viện "tự nguyện" chọn một người làm chồng. Đến nơi các anh nằm trên giường, chum chôn đến cổ. Cô chỉ ai thì lấy người đó. Người chị chọn vào loại thương binh nặng nhất.

Sau đó chính quyền cấp cho hai vợ chồng một số vốn và phụ cấp mỗi tháng. Cộng với số tiền buôn bán gia đình này sống tương đối thoải mái.

Đọc theo biên giới, và rải rác nhiều vùng hoang dã miền Bắc (Gần Sapa, Cao Bằng...) có nhiều cư xá do chuyên gia, cố vấn Liên Xô xây lên khi trước để ở với gia đình trong lúc sang công tác ở Việt Nam. Đa số đều không được bảo trì nên nhanh chóng loang lổ, dơ bẩn. Nếu giữ gìn tốt đó có thể là những khách sạn tươm tất.

Móng Cái - Trà Cổ :

Từ Hạ Long đi lên phía bắc, qua Cẩm Phả (mỏ than, thành phố đầy bụi than đen) Tiên Yên. Càng đi về phía biên giới, dấu tích trận đánh 79 càng nhiều : người tàn tật, nhà mới xây, nhà sập chưa xây lại hoặc mang dấu đạn... Từng đoàn minibus hiệu Toyota mới tinh nối đuôi nhau chạy sang Trung quốc : đó là xe nhập từ cảng Hải Phòng để bán lậu sang Tàu, mỗi chiếc lời ít nhất gấp đôi.

Móng Cái, thị trấn địa đầu của Việt Nam về phía Đông Bắc. Bên kia sông là thị trấn Đông Hưng của tỉnh Quảng Đông. Dân chúng, hàng hoá tấp nập lên đò xuống đò thông thương. Ngồi ăn

sáng trước cửa "douane" nghe tivi phóng ra video vừa quay xong ở Mỹ, Pháp với nhạc vàng và những ca sĩ vừa vượt biển.

Móng Cái đã thành bình địa năm 1979. Không còn di tích một căn nhà cũ. Cả một vùng đất bằng phẳng đang mọc lên một loạt hàng trăm căn nhà lầu mới loại luxe : lát đá hoa cương (marbre), cửa sắt, balcon... Khác hẳn nhà tranh vách đất của các tỉnh lỵ nhỏ. Tiền đâu ? Ai xây ? Để làm gì ? Nghe nói chính quyền địa phương xuất tiền đầu tư xây chỗ ăn chơi cho dân Tàu bên kia biên giới qua giải trí.

Cách Móng Cái 12 km về phía đông là biển Trà Cổ. Sách vở giới thiệu là một bãi cát mênh mông hoang vắng đến bên kia biên giới. Quả là một bãi biển dài vô tận nhưng trên bờ là một độc túp lều lá, trong đó các chị em ta hành nghề cho khách Trung quốc. Họ sang đây đi từng đoàn xe bus, chỉ toàn đàn ông, ở chơi năm bảy ngày. Để đáp ứng thị trường mới xuất phát này, một hotel bê tông cốt sắt đang được xây, chưa xong, nhưng đầy ắp khách Tàu. Ở hotel không xài đôla, frăng hoặc đồng Việt Nam, chỉ biết tiền Trung quốc (yuan). Nhân viên không biết nói tiếng Mỹ (chuyện lạ ở Việt nam) chỉ biết tiếng Tàu. Chúng tôi bèn chui vào nhà dân ở nhờ. Ấy thế mà lại biết được nhiều chuyện. Các chị vui vẻ hồn nhiên kể chuyện "làm ăn" : phá trình tương đương 480 \$US (tháng 8.92) đi khách một chuyến 100 000 đồng (khoảng 45frăng). Một trò đặc biệt mà Việt kiều nên lưu ý : rủ các cô đi tắm biển cũng phải trả 100 000 đồng.

Các chị khen khách Trung quốc hào phóng trong chuyện ăn chơi. Riêng tôi thấy các anh nông dân Trung quốc này ăn uống nhồm nhoàm, cười to nói lớn, khạc nhổ ngay dưới chân bàn thật thô bỉ.

Tôi chợt nhớ đến vợ chồng anh thương binh ở Lào Cai. Không hiểu phải nghĩ thế nào. Đất nước Việt Nam thật là muôn mặt.

Đây vì chính sách hạn chế sinh đẻ, người Tàu thiếu đàn bà, nên sang Việt Nam chơi. Chuyện các cô gái quê vùng biên giới bị bắt cóc hoặc bị gạt để bán sang Tàu xảy ra thường ngày.

Khi xe du khách đến bờ biển, một chị dẫn mỗi đưa ngay vào một túp lều. Các cô đổ xô ra kêu ơi ơi, giành giật... bằng tiếng Tàu... Tôi sẽ trở lại Trà Cổ một ngày gần đây để xem các chị nói tiếng Mỹ, Pháp, Nhật... đến đâu.

Lạng Sơn :

Phải đi nốt cửa ải thứ ba của miền Bắc. Lạng Sơn cách Hà Nội 170 km. Đường nhựa do Trung quốc lúc còn "anh em" xây rất tốt (mỗi lần xâm lăng họ đều qua con đường này). Phong cảnh tuyệt đẹp. Qua ải Chi Lăng, một bia đá ghi lại chiến tích chém Liễu Thăng, nhưng gần đó người ta đang phá núi để lấy đá vôi xây dựng !

Gần đến cửa Nam Quan (bây giờ là Hữu Nghị Quan) là thị trấn Đồng Đăng.

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Thị trấn Đồng Đăng nằm bên hai bờ sông Kỳ Cùng. Con sông nhỏ, đẹp lặng lẽ như đa số những giòng sông ở Việt Nam (trừ sông Hồng và Cửu Long). Phố Kỳ Lừa vẫn còn đó : một con phố rất nhộn nhịp vì là nơi tiêu thụ hàng hoá buôn lậu từ Trung Quốc sang. Ở đây có hai ngõ sang Tàu : Ai Nam Quan là đường chính thức trái nhựa, có trạm kiểm soát chính thức của hai nước. Về phía tây khoảng 1km là đường bộ bằng đất, trèo qua các đỉnh núi cheo leo trơn trượt rất nguy hiểm. Mỗi ngày từ sáng tinh sương đến nửa đêm từng đoàn người gồng gánh chân đất (hoặc dép râu) vượt qua vùng "no man's land" này chuyển những kiện hàng lậu. Chỉ trượt chân là rơi xuống vực thẳm.

Thị trấn này phần thịnh nướm nướp dân tứ xứ đổ đến làm công việc này.

Từ chùa Tam Thanh (thật ra là một hang đá to, trong đó có nhiều tượng Phật và một sư cô giữ hương khói) nhìn ra trước mặt là một mỏm đá cao. Trên mỏm đá về phía trái có tượng nàng Tô Thị bây giờ là tượng giả do tay người nặn và gắn lên. Tượng đá thiên tạo đã đổ cách đây ba năm : chính quyền địa phương cho phép nổ phá núi lấy đá, làm nàng Tô Thị không đứng đợi chồng được nữa, tượng nhân tạo nhỏ hơn và không giống ngày xưa.

Động Nhị Thanh cũng thờ phượng, nhang đèn sầm uất. Tiếc rằng chung quanh các chùa không được quét dọn bảo trì. Mùi phóng uế, nước tiểu làm mất phần trang nghiêm.

Sầm Sơn :

Người lớn nói với tôi về Sầm Sơn với những ca tụng, thương nhớ... Vậy thì ta đi xem cái “ huyền thoại ” này ra sao.

Khoảng đầu những năm 80 tôi đi xe đạp từ thị xã Thanh Hoá ra Sầm Sơn : hơn 12km đường trải nhựa. Hai bên hai hàng dừa tàu lá reo trong gió. Cảnh đồng quê như tranh vẽ... tuyệt đẹp. Sầm Sơn : một bãi cát không trắng lấm nhưng mênh mông, xa xa vài mỏm đá và một căn nhà lâu đang cất để làm chỗ nghỉ mát cho công nhân gương mẫu.

Tháng 8.1992 : hai hàng dừa bị đốn không còn một cây.

Lý do : Dân số tăng nhanh nhưng số nhà không tăng. Dân không có tiền để tự xây phố lâu. Đất ruộng không động đến được. Vì vậy dân chiếm rẻo đất rộng khoảng 2m từ bờ đường đến bờ ruộng (và cũng là chỗ mọc của hàng dừa) để xây túp lều che mưa cho cả gia đình : không điện nước, không phương tiện vệ sinh. Chiều rộng mặt đường chỉ đủ hai xe ô tô tránh nhau. Lũ tay lái là xông vào nhà bên đường ngay.

Đến Sầm Sơn, tôi dụi mắt : một thành phố nghỉ mát đã mọc lên trên bãi cát, nhưng không theo một đồ án thiết kế gì cả. Các lều lá nhô ra đến gần nước. Bãi cát đầy rác. Du khách ăn quà (nhất là con ghẹ mới luộc còn nóng hổi) thì khạc ngay xuống đất. Đi dạo hay tắm có thể đứt chân. Tất cả bãi biển Việt Nam không có thùng rác (có thể vì để ra thì bị mất cắp). Những quán là nơi buôn bán nhậu nhẹt. Tối là nơi tá túc của cả gia đình. Vì mọc quá mau, không có quán nào có phòng vệ sinh, cả một vùng Sầm Sơn hôi thối mùi phóng uế.

Những khách sạn do các cơ quan, các bộ... bỏ tiền kinh doanh (giàu nhất là các cơ quan liên hệ với quân đội, công chánh). Khách sạn lớn nhất xây đầu 90 đã loang lổ, nhờn nhột vì không bảo trì, quét dọn. Bàn billard ở phòng tiếp tân được dùng để thermos, giỏ đồ ăn, quần áo...

Phòng nhảy có dàn nhạc sống và chuyên chơi nhạc Mỹ.

Chỉ có dân Việt Nam đến nghỉ mát ở Sầm Sơn. Theo ước lượng khoảng dưới 1% dân số Việt Nam có phương tiện đi hè, dù chỉ 2-3 ngày một năm. Nếu đi được là vì dùng xe cơ quan, đi công tác, là cán bộ gương mẫu được thưởng... Nếu khoảng 2% (tức 1,5 triệu người) đi hè thì các bãi biển, thắng cảnh sẽ ra sao ?

Đêm xuống phòng trọ của phái nam được đặc biệt chiếu cố : Các “ chị em ” đã dòm ngó lúc họ mới đến. Các chị đập cửa rầm rầm đòi thăm, làm khách chung quanh không ngủ được. Giá ở đây “ cây nhà lá vườn ” chỉ 20 000 đồng thôi (gần 10 frăng)

Vịnh Hạ Long :

Du khách quốc tế đều mơ một ngày đến vịnh Hạ Long. Ít người Việt Nam được đặt chân đến, dù ở Hà Nội, vì giá sinh hoạt, hotel ở đây đặc biệt cao. Nước biển Hạ long màu xanh cẩm thạch nhưng hơi đục. Ban đầu tôi nghĩ đó là phù sa, sỏi mòn của các núi đá qua thời gian. Sau khi tắm và lặn (plongée) dính đầu, tôi mới phát hiện là nước bị ô nhiễm : các tàu biển của Nhật, Trung quốc... đi ngang Việt nam, đậu ngoài khơi và làm

vidange (thải dầu khí, nước dơ...) thả hồ ở kỳ quan thứ tám của thế giới. Các nhà trách nhiệm có biết và cho phép chuyện này ?

Bắc Ninh :

Quê hương quan họ, vùng đất của folklore, của những cô gái đẹp và nơi gìn giữ nhiều truyền thống văn hoá của nước ta. Những năm 80 tôi còn thấy ăn Tết cổ truyền : cây nêu, cái đu... Làng Đình Bảng vẫn giữ được nguyên vẹn. Bên cạnh đình là một ao to, nơi hội họp của các cô gái trong làng ra giặt giũ, vo gạo...

Tháng 8.92 : Ao đã lấp để lấy chỗ họp chợ. Nước không có chỗ thoát nên sau cơn mưa bùn ngập đến mắt cá. Đi qua chợ (tức là trước đình) vô cùng lầy lội. Ở đây cũng như các nơi khác, không đủ nhà ở nên chỗ nào không phải là đất ruộng thì nhà mọc loạn xạ. Cây dừa, cây đa bị đốn hết.

Ở Thanh Hoá, khoảng cách giữa sông Mã và bờ đê đã mọc khối nhà. Bất kể ngập lụt có thể xảy ra mỗi khi nước lũ.

Ở Hà Nội các chung cư mọc lên xa trung tâm (Láng Thượng, Láng Hạ). Nhà nước lấp ao hồ để xây nhà nhưng không dự trù hệ thống thoát nước. Qua một trận mưa nước tràn ngập cả vùng đến nửa bắp chân. Ngay ở những khu cư xá loại sang như khu quân đội ở Đống Đa dành cho gia đình các tướng lãnh.

Bãi biển Sa Huỳnh :

Ít ai biết đến vì chung quanh không có người ở. Núi Trường Sơn đến đây nhô ra đến gần bờ biển.

Tháng 8.92 : chỉ có một hotel và quán nhỏ đón khách lữ đường.

Tháng 8.93 : suốt dọc đường mọc lên san sát quán lá trên vài km (dân chúng phát hiện là du khách đến đây hay ngừng lại tắm biển, chụp hình) và dĩ nhiên họ ở đây, phóng uế, đổ rác trên bãi cát. Trẻ con chạy theo ăn xin... Không thể nào ngừng xe được nữa.

Đèo Hải Vân :

Phong cảnh vẫn còn nguyên vẹn (nghe nói có một dự án xây hotel ở chân đèo), làng đánh cá Lăng Cô vẫn chưa ô nhiễm vì đòla. Nhưng trên đỉnh đèo đã xuất hiện (tháng 8.93) một trạm sáng Elf với đặc điểm là mặt đường đầy dầu nhớt đen thui. Và đông người bán quà, ăn xin (tháng 8.92 : không có gì ở đây cả) đến nỗi không dám thò đầu ra xe.

Còn công an, quân đội ở đâu ? Trên suốt quốc lộ số 1 từ Nam ra Bắc, khoảng 20km có một xe công an đậu im lìm. Mỗi xe hàng lậu đi ngang đều ngừng lại. Chị lái buôn bước xuống, vui vẻ tươi cười đến “ thông cảm ” với công an. Vì vậy các xe hàng, xe đồ ở Việt Nam thường chở quá tải để “ amortir ” khoản chi phí không nhỏ này. Tài xế Việt Nam rất giỏi, đường không xấu và không nguy hiểm. Nhưng vì bắt buộc chở quá nặng xe dễ mất thăng bằng gây tai nạn và những tài xế vô tội bị lãnh đủ (hoặc mất mạng, hoặc bị chủ mắng, hoặc công an hạch sách)

Những giòng trên đây chỉ muốn ghi lại một số điều mắt thấy tai nghe, những biến chuyển quá mau của Việt Nam chỉ sau hai, ba năm tiếp xúc với nước ngoài. Mỹ vừa bỏ cấm vận. Tôi mong rằng chúng ta – người Việt Nam trong và ngoài nước – lưu ý để đồng đòla (hay yen, hay frăng, hay yuan...) không mau chóng biến Việt Nam thành một Trà Cổ, Móng Cái hay Sầm Sơn khổng lồ.

N.X.T.

hoa ngày thường

Nguyễn Lộc

Trên máy bay đi Huế, giữa nhiều ý nghĩ ngón ngang, chợt bật ra trong tôi câu hỏi của một anh bạn về vụ xáo động gần đây ở Huế, liên quan đến một số tu sĩ và tín đồ Phật Giáo. Cũng đã khá lâu rồi, nhân đọc hai bản tin, một do cơ quan thông tấn nhà nước Việt Nam gửi đi, một do một tổ chức tư nhân hoạt động về “ nhân quyền ” ở hải ngoại phổ biến, anh nhắn hỏi xem tôi có may mắn biết chút gì thêm về sự hư thực bên trong. Lúc ấy tôi nhắn ngay cho anh biết là tôi cũng chỉ được biết “ nội vụ ” qua cũng hai bản tin anh có.

Hình như lúc ấy anh có nửa đùa, nửa thật cho rằng cứ lấy trung bình cộng của hai bản tin thì chắc sai số sẽ nhỏ đi ! Và tôi đồng ý. Sau đó, bận bịu lắm thứ, tôi quên bẵng bài toán cộng rồi chia đôi kia ! Cuộc sống bon chen đã không dành cho tôi thì giờ để hỏi đi hỏi lại về một sự thật không gắn liền với áo cơm của bản thân và gia đình mình.

Hôm nay, có dịp về Huế. Và tạm ở “ bên trên ” cuộc đời với cao độ vài ngàn mét trong vài chục phút, nghi vấn về thực giả chợt quay về. Đột ngột nhưng có lẽ không tình cờ. Trong mấy hôm ở Saigon, có người đã nói với tôi về vụ “ lộn xộn Phật giáo ” ở Huế. Đó là một người không quan tâm lắm về tôn giáo. Giọng chán ngán, anh ấy “ thuật lại ” thái độ hung hăng của một tu sĩ bị thu hình “ tại trận ” và chiếu lên tivi. Tôi nghe lơ đãng. Tin lơ mơ, ngờ lơ mơ... Tin của truyền hình nhà nước. Chỉ có một nguồn, không lấy trung bình cộng được. Anh bạn tôi ở Saigon, theo tôi biết, không có lý do gì để “ ghét ” Phật giáo. Anh cũng không có lý do gì để “ yêu ” chính phủ. Mặt nào đó, anh ta là một người ngoài phố khá tiêu biểu. Vậy thôi. Lúc ấy cái đồng hồ sinh học trong tôi còn đang chạy theo giờ Cali. Dật dờ nửa thức nửa ngủ, cái máy “ tranh luận ” của tôi hình như không còn đủ “ pin ” để chạy.

Về đến Huế tôi lại bận bon chen trở lại cuộc đời ngay, dù là cái bon chen ở nhịp chậm theo kiểu “ *slow motion* ”. Cũng vui, buồn, giận ghét lằng xằng. Lại quên chuyện thực hư cũ mất đôi ngày. Chộp được mấy ngày nắng “ hưu chiến ” giữa mùa mưa dầm của Huế, ai lại có thì giờ ngồi nhắm nháp nghĩ suy chuyện cộng trừ nhân chia ? Và lại, cái cuộc đời đang diễn ra ngoài kia không gợi nhớ tới bài toán ấy. Phải đi ra phố, phải đi thăm lăng, thăm chùa. Phải đi nhìn cái cầu Trường Tiền đã được sửa xong chưa để về báo cáo lại với vợ. Năm trước cô ấy về, cầu vẫn sửa chưa xong. Ôi, cái nhịp cầu quá dài, sửa mãi không xong.

Một người bạn và tôi đèo nhau bằng Honda đi thăm nhiều nơi. Thong thả chạy qua những ngõ trúc ngoại ô Huế mà cứ ngỡ mình có thể làm thơ, viết văn về Huế. Lại luôn lỏ qua

các con phố chợ đông đúc, đánh một “ tua ” quanh vòng thành khu cung cấm cũ, thử xem khu gia cư của vua chúa mình ngày xưa rộng bao nhiêu. Trầm trở con đường đi bộ lát gạch đang được xây quanh vòng thành đại nội. Thắc mắc tại sao mái ngói vừa được lợp mới ngay sát nhau lại có hai màu quá khác nhau ? Dựa vào thực tế trước mắt, bạn tôi cương quyết chống dùng chữ “ trùng tu ”. Đến chụp ảnh cạnh tượng các quan văn võ trầm mặc, kiên nhẫn đứng ở sân châu, lại thắc mắc tại sao tượng các vị quan triều có tầm vóc nhỏ như vậy ? Chẳng lẽ các cụ ta — kể cả các cụ làm quan võ — lại nhỏ thấp như vậy ? Rồi vì chẳng có ai thông thạo ở kề bên để hỏi cho ra ngọn ngành, lại bỏ qua. Lại một chuyện thực hư chẳng có gì quan trọng !



Người đàn ông ấy có cái vẻ thu hút riêng của ông. Khuôn mặt cương nghị, mắt sáng. Màu da ngăm đen khoẻ mạnh. Tôi có cảm tưởng như ông vừa qua một mùa hè làm lưng cật lực ngoài đồng, ngoài ruộng. Những dấu chân râu xanh bó cầm làm tăng vẻ trượng phu. Sự kiện ông là một nhà sư hình như có nhân cái nét thu hút kia thêm lên. Kể cho chúng tôi nghe việc ông về đây vất vả xây dựng lại ngôi chùa, giọng ông ẩn chứa phong vị hào sảng, thoả chí của một người khai hoang. Có chút gì lãng mạn trong giọng nói.

Lạ người, lạ cảnh, tôi lơ đãng ngồi tham dự cuộc đàm đạo. Nửa phần nghe đối thoại, nửa phần dành cho sự vật chung quanh. Ngôi vườn ngoài kia xanh um, tươi mát sau những trận mưa dai của Huế. Mấy cây kiểng giấu giếm ở hờ những chăm chút kỹ khu của người trồng cây. Trong mùa hè qua ? Sự nhàn nhã, cái nhịp chậm của cuộc sống bỗng làm tôi thấy thềm thường, ao ước. Những tục lụy phần nào đã được gác bỏ ngoài cổng tam quan tự nhiên nổi cộm lên trong lòng tôi. Không phải tôi nghĩ về cái thành phố nhỏ chút nữa đây tôi sẽ quay trở lại, mà là một thành phố lớn hơn, xa hơn, cách nhiều giờ bay, như một chốn trở về vừa hết sức thân yêu, đầm thắm, vừa đượm phần chua chát, cực lòng của một cuộc sống không hoàn toàn lựa chọn.

Nhà sư bắt đầu nói về vụ “ biểu tình ” của Phật tử ở Huế. Ông đề cập đến đúng chuyện người nam tu sĩ trẻ mà hình ảnh đã được chiếu đi chiếu lại nhiều lần trên tivi cả nước. Giọng bình thản, ông cho biết “ chú ” ấy đang cả tiếng ngăn cản để đồng bào đừng vì nóng giận mà có những hành động quá trớn. Và chú ấy cũng kêu gào « *Thả thầy tôi ra !* ». Tức là, ông phủ nhận lời cáo buộc người tu sĩ trẻ tuổi kia “ sách động quần chúng ” bạo hành, hoặc đốt xe cảnh sát như cơ quan truyền thông nhà nước mô tả. Cách nói của ông là nói về một sự đã rồi, và cái giá đã phải trả. Có thoáng chút phiến muộn trong giọng nói của con người tu hành ấy. Thoáng như làn khói mỏng. Tôi chạnh nghĩ tới điều ông nói lúc mới vào câu chuyện : cái khó khăn ghê gớm trong việc từng con người chúng ta phải ứng phó lại với lực dục thất tình của bản thân. Ông vừa cười vừa nói : Nếu bảo tôi đừng tham năm ba đồng thì dễ dàng hết sức. Nhưng, nếu bảo tôi đừng tham năm ba triệu thì có lẽ khó hơn.

Vâng, sự cám dỗ còn có cái “ cường độ ” của nó. Và sự căm giận chắc cũng thế thôi ! Anh bạn tôi ở Sài Gòn trách nhà tu “ nhẩy chơi chơi ” trong vụ “ biểu tình ”, dù không ác cảm, anh vẫn nhìn sự việc bằng con tim bình tĩnh, “ vô can ” của mình. Vâng, còn sự khác nhau ở cái cường độ nữa. Tự dưng tôi thấy việc nhà sư trẻ kia có thật sự chịu thua cái “ nộ ” của mình chẳng qua cũng là ở cái cường độ của nổi uất ức. Vấn đề là làm sao hoá giải, làm nhẹ đi cái cường độ của sự phẫn nộ trong lòng người.

(xem tiếp trang 22)

Khi mất tư cách mà không mất tư cách

Đơn Hành

Bài *Tư cách người đảng viên và guồng máy đảng* (Diễn Đàn số 26) đã khiến một số độc giả bực mình, tưởng đó là bài chửi bới cho sướng miệng, thậm chí nhục mạ toàn bộ những người cộng sản Việt Nam. Tôi ngạc nhiên. Tôi không biết chửi, dù một cách văn hoa. *Diễn Đàn* cũng chưa hề thoả mạ một cá nhân hay một tập thể nào. Vậy, có hiểu nhầm? Đọc lại bài, tôi thấy có câu có thể gây sự hiểu nhầm ấy (nếu có sự hiểu nhầm), do một chi tiết trình bày.

Đọc tin về dự thảo chỉ thị (đã phải rút lại) của ban bí thư trung ương đảng cộng sản Việt Nam: « đảng viên không được tiếp khách nước ngoài (Việt kiều cũng như người ngoại quốc) tại nhà riêng, phải tiếp ở ngoài, với sự có mặt của ít nhất một người khác, khi gặp không được dùng ngoại ngữ, mà phải nói tiếng Việt, gặp xong phải báo cáo », tôi nhận xét: « Chấp nhận những điều ấy, đảng viên trở thành người mất tư cách, không còn cá tính của con người. »

Mất tư cách ở đây có nghĩa mất cá tính (*individualité, personnalité*) của con người, như câu tiếp vạch rõ. Còn « mất tư cách » cũng có nghĩa là « mất dạy ». Kích thước văn hoá của ngôn ngữ ở đó. Đối với người Việt, ngay tư cách của ta cũng chỉ hình thành qua một quá trình giáo dục bám rễ vào thời « con dại cái mang », « ăn hiền ở lành, để lại phúc đức cho con cháu », v.v. Biết thế, tôi nhấn mạnh tư trong cụm từ « mất tư cách », và viết thêm câu sau cho thật rõ nghĩa. Thày cô biến thành « mất tư cách », tuy không thay đổi ý, nhưng đã bớt thận trọng. Tiếc thay, ngày nay, sự thận trọng ấy, tuy vô duyên, vẫn cần thiết. Nếu ta "hiểu" « mất tư cách » là « mất dạy », đương nhiên, cả đoạn sau mất tính chất suy luận, biến thành một chuỗi chửi bới cho đã miệng, không đáng có mặt trên *Diễn Đàn*. Ngược lại, hiểu đúng nghĩa câu văn, đoạn sau là đề tài đáng suy nghĩ.

Một tổ chức trong đó con người sống với nhau trong sự tôn trọng cá tính của từng người là gì? Là một hình thái tổ chức nhân bản. Tự nó đòi hỏi dân chủ, nhân quyền. Ngược lại, một tổ chức tiêu diệt đời sống riêng, cá tính của con người, là một tổ chức phi nhân, một cái máy. Tự nó đòi hỏi sự độc quyền, độc đoán. Một hình thái tiêu biểu của loại tổ chức ấy là quân đội. Trong quân đội, người lính mau chóng biến thành một đơn vị trừu tượng, một con số. Ai có dịp xem phương pháp luyện tập thủy quân lục chiến của Mỹ sẽ phải khiếp đảm. Chúc năng đầu tiên và cơ bản nhất của quân đội, khi phải dùng đến, là giết người. Để con người có thể làm việc ấy, có hai cách: 1) Biến nó thành một cái máy giết. 2) Tranh thủ nó bằng những giá trị (lý tưởng, đạo đức, lòng yêu nước, v.v...) mà nó quý hơn cả mạng sống của nó và của đồng loại. Bình thường, người ta dùng cả hai điều ấy để luyện quân. Con người không thể gượng làm một cái máy 24 giờ trên 24, năm này qua năm khác. Do đó, khi lâm trận thực thụ, khi khả năng giết người và thí mạng trở nên hiện thực, cái máy giết người kia sẽ rệu rạo

ngay nếu con người thật trong nó thiếu niềm tin và ý chí. Điều đó giải thích sự bất lực của các lực lượng quân sự khổng lồ, có trang bị và tổ chức hiện đại, trước những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, thí dụ như Mỹ ở Việt Nam, Liên Xô ở Afghanistan. Điều đó cũng giải thích vì sao, trong thời chiến, những đợt chỉnh huấn của đảng cộng sản Việt Nam trong quân đội luôn luôn nhẹ nhàng hơn trong các lãnh vực khác, và càng xuống gần cơ sở càng bớt căng. Lòng yêu nước của quần chúng, của đảng viên cơ sở, chính là bùa hộ mạng cho guồng máy đảng. Ngược lại, nơi nào đảng an toàn độc quyền, nơi ấy chỉnh huấn quyết liệt, « một mất, một còn ».

Hy sinh là một đức tính cần thiết trong chiến tranh. Người ta hy sinh cái gì? Đời sống riêng, cá tính của mình. Để hoà mình vào một guồng máy hữu hiệu, nhờ có kỷ luật thép. Điều khốn nạn của chúng ta là hoàn cảnh bất bình thường ấy đã trở thành nếp sống bình thường của cả dân tộc suốt 30 năm, ngốn cả một đời người, nghiền nát một, thậm chí hai, ba, thế hệ. Không phải tình cờ mà năm 1989, chuẩn bị đại hội nhà văn, nhiều nhà văn, như Nguyễn Minh Châu, sau một đời kháng chiến, đã thổ lộ: chúng ta đã đánh mất cái tôi của mình, biến thành lính gác tư tưởng, minh họa đường lối, v.v. Mất cái tôi, chính là mất tư cách, biến thành một con ốc trong một guồng máy. Cái tôi ấy, cái tư cách ấy, chính là tự do của con người hình thành trên cơ sở nền văn hoá nó thừa kế. Do đó, một tổ chức cấu tạo bằng những con người đã mất cái tôi, mất tư cách, không thể là một tổ chức nhân bản. Do đó, khuynh hướng « tự nhiên » của nó là tiêu diệt luật lệ, tiêu diệt văn hoá, vì luật lệ, dù dưới dạng viết hay dưới dạng truyền thống, là mối quan hệ giữa người với người được xây dựng trên cơ sở những giá trị phổ cập của một nền văn hoá. Con người không mất dạy vì nó ích kỷ, chỉ biết lo cho mình. Nó tự nhiên, như mọi sinh vật, thế thôi. Nó trở thành mất dạy, nó mất dạy, khi nó đánh mất, khi nó bị tước đoạt cái tôi mà cha mẹ, anh em, bè bạn, làng xóm, thầy cô, tổ tiên, và nhân loại đã trao lại cho nó trong quá trình nó học làm người, biến thành người.

Từ thời cải cách ruộng đất tới nay, có hai chính sách mà guồng máy quyền hành nắm họng đảng cộng sản Việt Nam thi hành liên tục và ráo riết, với tất cả các phương tiện chính trị, vũ trang, kinh tế, hành chính, giáo dục, v.v... là:

1/ Tiêu diệt « chủ nghĩa cá nhân », trước hết ở ngay người đảng viên, sau đó trong toàn xã hội.

2/ Tiêu diệt văn hoá, tiêu diệt những điều kiện tái sinh và phát triển ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật...

Cũng không phải chuyện tình cờ.

Ta có thể tìm hiểu tình hình đất nước qua nhiều khía cạnh, kinh tế, xã hội, quân sự, giáo dục, v.v. Những điều ấy ít khi thành vấn đề. Chúng có vẻ khách quan, và thực sự có một khía cạnh khách quan, khách quan của thống kê, của những con số. Ta cũng có thể, và cần, tìm hiểu tình hình nước ta qua những giá trị của nó. Rất dễ thành vấn đề. Những giá trị ấy hoàn toàn không thể đo bằng những con số, chúng lại hay thể hiện qua những sự kiện nhỏ nhoi của cuộc sống thường ngày, và ý nghĩa của chúng gắn bó mật thiết với từng cá nhân, từng thân phận. Tuy thế, chúng thể hiện « linh hồn » của một dân tộc tái sinh và phát triển qua sự đối thoại và cư xử hàng ngày giữa người với người. Tại sao một chuyện bình thường như thế, ở ta, lại dễ thành vấn đề? Phải chăng vì nó quá thiết thân với ta, vì sự tan nát của lý tưởng, niềm tin, tình cảm, sự bế tắc tư tưởng, có khi ngay trong đời sống xã hội, gia đình, cá nhân, đã

đẩy những vấn đề ấy vào vùng cấm địa ?

Trong bài *Đàm thoại về chủ nghĩa xã hội mácxít*, (Diễn Đàn, số 24 (1/1993) Lữ Phương (cựu thứ trưởng bộ văn hoá trong Chính phủ cách mạng lâm thời CHMNVN) có nhận định : điều kló khăn nhất, khi muốn chuyển mình ra khỏi chủ nghĩa xã hội, ở chỗ nó « đã xây dựng cơ ngơi của nó trên sự tàn phá toàn bộ vốn liếng của con người », « nó đã tạo ra một khoảng trống huếch hoác về tinh thần », khiến con người e ngại « lao vào việc tự khẳng định mình một cách kiên nhẫn », vì « ... chính sự nô lệ về ý thức hệ ấy đã tạo ra cái cơ chế làm cho những người dũng cảm trở nên hèn hạ, những người thông minh trở nên ngu đần, những người đầy lý tưởng trở nên những kẻ sa đoạ tệ hại, nó làm cho đất nước sa lầy trong trì trệ, mất động lực phát triển và bị giạt sang bên lề của cuộc sống của một nhân loại đang vùn vụt về tương lai ». Có lẽ không mấy ai nghi Lữ Phương thuộc loại người ưa chửi đổng.

Tôi không hoàn toàn tán thành những phân tích của Lữ Phương về học thuyết mácxít. Nhưng tôi công nhận, phân tích hậu quả của chủ nghĩa xã hội hiện thực như thế vừa đúng đắn, vừa sâu sắc. Và cần khẳng định, dự án chỉ thị của ban bí thư trung ương của đảng cộng sản Việt Nam chứng minh rằng « sự tàn phá toàn bộ vốn liếng của con người » đang tiếp diễn. Trước những sự kiện tày trời mà Lữ Phương vạch mặt, trước sự kiện nhà nước Việt Nam, một mặt nhất nhất thực hiện những hạch sách của Mỹ đối với chuyện khoảng 2600 quân nhân Mỹ mất tích trong chiến tranh (và tôi quý trọng sự thiết tha của con người đối với người đã chết) để Mỹ chấm dứt cấm vận, mặt khác coi thường hàng triệu bộ xương vô chủ của người Việt, từ mọi phía, đang mục nát trong lòng đất của ta và « kinh tế thị trường », khái niệm bất lực và khốn nạn nhất của tư duy « hiện đại », hai câu : « đảng viên vô tư cách, đảng vô nhân cách, Nhà nước vô luật lệ và nhân dân vô văn hoá gắn liền và hỗ trợ nhau. Đó là lôgic nội tại của mọi « chính » quyền toàn trị. » chỉ đáng coi như một lời mời suy luận, vì ta có quyền, có bốn phận, tự hỏi : sau ba mươi năm chiến tranh, sau mấy chục năm thống trị của guồng máy đảng cộng sản, chúng ta, người Việt — cộng sản, chống cộng, thờ ơ, ầm ục và núc nủ — còn là người ở mức độ nào ? Đối với những độc giả ầm ục vì mấy luận điểm trên, và đối với ai vội vã thích chí, tôi xin thoải mái thưa : đối với tôi, tư tưởng của Marx (chứ không phải lập luận của guồng máy đảng cộng sản Việt Nam) còn nhiều giá trị nhân bản cần thiết cho tương lai, và học thuyết của ông (chứ không phải lối diễn giải, lạm dụng và thực thi của guồng máy đảng cộng sản Việt Nam) còn nhiều điểm cần thiết để tìm hiểu thời đại này, thời đại thống trị của chủ nghĩa tư bản. Nếu ai tặng tôi « huân chương » cộng sản, trong nghĩa đó, tôi vui vẻ chấp nhận. Và cũng xin nhắc lại : đã từ lâu, ngay trong những bài đăng trong báo này, tôi phân biệt rõ ràng mấy triệu người cộng sản Việt Nam với guồng máy đảng. Không phải bất cứ ai, bất cứ lúc nào, cũng chỉ là một bản sao hay một con rối của Staline. Tôi tự hào đứng tên trong ban biên tập *Diễn Đàn* vì *Diễn Đàn* cho phép những câu hỏi như thế. Tôi cũng tin rằng, độc giả của *Diễn Đàn* không ngại những vấn đề như thế được đặt ra. Ngoài ra, ở xứ Pháp này, ở khắp thế giới, và ở ngay nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa (rất hiện thực) Việt Nam hôm nay, không thiếu lời ngọt ngào, « văn minh », sẵn đón người Việt và người gốc Việt — hiện thực ? Có những lúc, cái hiện thực ấy đáng tạm lùi, nhường chỗ cho một chút ưu tư.

Đón Hành

hoa ngày thường

(tiếp theo trang 20)

Đàng khác, hình như kẻ ngoài phố, như anh bạn tôi, cũng có một thứ chuẩn mực riêng nào đó về cái cung cách để một tu sĩ Phật giáo biểu hiện sự bất bình của mình thì phải. Quạt phùng nổi tức giận kia lên biết đâu cũng là xô đẩy cái nhục thân của kẻ thiện tâm bật thành ngọn lửa ? Về đây, tôi càng tin rằng bản tin nhận được của hải ngoại cũng chỉ mang nửa sự thật.

Tôi cũng được cho biết sự việc không đơn giản. Khi chiếu đoạn băng video thu hình nhà sư trẻ kia cho người dân cả nước được thấy, cơ quan truyền thông của nhà nước đã làm đúng như vậy : cho thấy. Thấy mà không được nghe phần âm thanh. Nhà sư trẻ kia kêu gào những gì ? Phần ấy đã được thay bằng những lời “ thuyết minh ” của người viết tin. Và chính cái phần trần thuyết không lấy gì minh bạch kia đã tước đoạt của không ít người xem-nghe tivi, trong đó có anh bạn thân của tôi ở Saigon, một nửa sự thật. Vì lẽ đó, đã có người đâm ra ác cảm với người tu sĩ trẻ “ đầy vẻ sân si ” kia !

Nhà sư có nói thêm : Chú ấy còn trẻ nên rất hăng hái. Có lẽ ông tránh chen vào đó một ý khen chê, dù thật nhỏ. Ông cũng nói thêm về phiên toà sau đó, “ xét xử ” mấy tu sĩ và tín đồ Phật giáo. Ông có đến dự kiến, với tư cách đồng đạo và đồng song với một trong những tu sĩ bị cáo buộc. Ông mô tả một số chi tiết về phiên toà, nhưng chỉ nghe được một lúc, tôi chợt thấy mình thật thờ ơ với những chi tiết ông kể. Phiên toà ? Xử ai ? Ai xử ?

Hai mảnh tin, hai cái nửa sự thật, trôi dạt lênh đênh trong ý nghĩ tôi. Không, tôi vẫn không thể cộng chúng được thành cái phần sự thật nhỏ mà tôi tìm gặp ở đây...



Sau đó, nhà sư đưa chúng tôi đi dạo quanh khuôn viên chùa. Ông vui vẻ khoe mấy giò phong lan “ ngoại ”. Những cánh hoa màu tím nhạt thật đẹp. Bàn tay ông nâng niu, giọng ông ân cần giải thích cách chăm sóc sao cho lan nở nhiều hoa. Khung cảnh trước mặt tôi sao mà thanh nhàn, thư thả. Và ngay trong lúc ấy, cái vô nghĩa của phiên toà ông nói lúc nãy trở về trong suy nghĩ của tôi. Tôi hình như cảm nhận được cái bất bình của nhà sư, của đồng đạo ông, của tín đồ bàng bạc đây đó trong cái thanh tịnh, hiền hoà của Huế. Ngay trong cái không khí mà những cánh hoa mỏng manh kia đang thổi, và tôi đang thổi, có những phân tử li ti của một thứ thuốc nổ. Nó không đậm đặc đến ngột ngạt như một số người mong muốn. Nó không hùng hực như một số người đang cố tin, hoặc đã cố thổi bùng lên. Đồng thời, nó có thật, rất thật, dù đang bị cái màu tím nhã nhặn, cái mùi hương thoang thoảng của mấy cụm phong lan kia xô dạt, che mờ.

Tôi tự hỏi, nếu sáng nay không có bọn chúng tôi lên viếng cảnh chùa, gợi hỏi những điều xao động, liệu hôm nay có phải là một ngày bình thường của nhà sư ?

Tôi e rằng, với cuộc đời đang diễn ra quanh ông, rất khó để ông tìm ra một ngày bình thường mà không nhờ đến sắc hương của những cụm hoa. Trên đường về tôi như còn nghe tiếng ông giảng về hai chữ “ vô úy ”. Không khí vào buổi xế chiều đã xen vào chút lạnh.

Nguyễn Lộc

2-94

Hoa ngày thường : chủ mượn từ tựa một tập thơ của Chế Lan Viên.

Sự Chấm Dứt Của Huyền Thoại Xã Hội Đại Đồng

NGUYỄN THU

Lời nói đầu

Được đào tạo tại Tây Âu tôi lại ước mơ khi thành tài quay trở về phục vụ tổ quốc với hy vọng thực hiện tại quê hương xã hội chủ nghĩa một lý tưởng mà tôi nghĩ rằng chủ nghĩa tư bản kỹ trị không có khả năng giải quyết cho tầng lớp trí thức của mình : *nhất thể hoá trong sự nghiệp khoa học giữa chính trị và chuyên môn*, hay nói khác đi tìm một chính nghĩa để đem tài trí phục vụ. Trong suốt cuộc hành trình gần bốn thập kỷ đi tìm chân lý giản đơn nói trên, kể từ lúc thoát ly cuộc sống phù hoa của một gia đình tư sản gốc gác khoa bảng để bước vào đời, trải qua nhiều năm tháng vừa kiếm sống vừa học tập vừa tham gia phong trào tranh đấu đòi hỏi dân chủ hoà bình của sinh viên Sài Gòn, cho đến khi trưởng thành trở thành giáo sư khoa học tại Âu Châu, rồi có cơ hội trở về quê hương và làm việc tại Hà Nội, định mệnh cuộc đời hình như muốn tôi đóng vai trò một lũ hành đi sát bên lề các bộ máy quyền lực đương thời để có đủ thời gian và sự tỉnh táo quan sát khách quan con người, cuộc sống thuộc các thể chế chính trị khác nhau của đất nước cũng như nghiên cứu nghiêm túc những ý thức hệ đối kháng mà giai cấp thống trị sử dụng như cơ sở thượng tầng của các chế độ.

Đến tuổi tri thiên (*) tôi nhận thức rõ ước mơ nhất thể hoá “chính trị - chuyên môn” nói trên chỉ là một trong muôn vàn huyền hoặc nảy sinh từ huyền thoại xã hội đại đồng mà các tầng lớp thống trị — phong kiến xưa kia cũng như cộng sản hôm nay — đã hư cấu ra để ru ngủ và lừa dối thành phần trí thức, một bộ phận nhân dân có đầu óc phê phán mà họ chưa bao giờ tin tưởng thực sự. Người trí thức tiến bộ Việt Nam — qua nhiều thập niên trong hoàn cảnh éo le của một đất nước liên tục phải chống ngoại xâm giành lại chủ quyền trong tình hình phức tạp của cuộc đối đầu một mất một còn giữa hai khối tư bản và cộng sản — đã bắt buộc phải chấp nhận con đường xã hội chủ nghĩa do đảng cộng sản chủ trương, và như một qui luật lịch sử đã đặt lại vấn đề dân chủ, tự do và hoà hợp dân tộc trong công cuộc phục hưng kinh tế đất nước sau mỗi lần chiến thắng kẻ xâm lược, cũng như cay đắng nhận hồi âm quen thuộc là sự đàn áp, vùi dập nhân quyền không thương tiếc của bộ máy bạo lực chuyên chính vô sản.

Sau gần một thế kỷ bành trướng và củng cố các nhà nước vô sản trên một phần ba nhân loại, chủ nghĩa cộng sản đã hiện nguyên hình dưới dạng một đế quốc hùng mạnh về quân đội và công nghệ quốc phòng nhưng yếu kém về kinh tế, không đủ khả năng xây dựng một xã hội cơm no áo ấm cho

mọi tầng lớp nhân dân, luôn luôn phải áp dụng bạo lực để bảo vệ đặc quyền của các đảng viên thuộc tầng lớp thống trị.

Trung Quốc và Việt Nam là hai trong vài thành trì cuối cùng của hệ thống tan rã nói trên đã phát lại ngọn cờ huyền thoại xã hội đại đồng kiểu nông dân Á Đông dưới chiêu bài “xã hội chủ nghĩa mang màu sắc riêng từng dân tộc”, với hạ tầng kiến trúc là một nền kinh tế thị trường tiểu thủ công nghiệp nhỏ và thượng tầng kiến trúc i si là một nhà nước chuyên chế do đảng cộng sản độc quyền thao túng và được bảo vệ bởi một hệ thống bạo lực với quyền hành vô hạn. Biến cố Thiên An Môn năm 1989 biểu lộ như bước đầu của một chuỗi khủng hoảng tất yếu mà một chế độ mang nhiều mâu thuẫn nội tại và thiếu nhất quán về mặt ý thức hệ sẽ phải đương đầu liên tục cho đến khi sụp đổ hoặc biến dạng hoàn toàn như trong trường hợp Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây.

Vận hội chung của tổ quốc Việt Nam chưa bao giờ sáng sủa và nhiều hy vọng hơn lúc này : nền văn minh Việt-Mường cỗi nguồn nhiều tính nhân bản của dân tộc ta nhìn chung gần gũi với xu thế hoà bình của một nhân loại hậu cộng sản, Việt Nam tuy bị chậm trễ về trình độ phát triển so với các nước trong vùng nhưng lại có lợi thế về mặt vị trí địa dư - chính trị, có ưu điểm về mặt dân trí đồng đều, ngôn ngữ thống nhất, do đó sẽ được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng kinh tế cực nhanh của bè bạn Đông Nam Á để cất cánh vươn lên kịp thời. Chúng ta cần phải tìm ra một con đường phát triển trong hoà bình và hoà hợp sao có thể tiếp thu các lối sống và trào lưu tư tưởng từ bên ngoài mà vẫn bảo vệ được mọi bản sắc và giá trị văn hoá độc đáo của các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam, từ đồng bằng phì nhiêu đến các vùng cao nguyên hẻo lánh. Vấn đề trọng dụng trí thức và khai thác tiềm năng kinh tế, khoa học kỹ thuật của cộng đồng hàng triệu đồng bào đang sinh sống tại hải ngoại phải được nâng lên hàng quốc sách trong công cuộc xây dựng đất nước và con người Việt Nam của thế kỷ 21.

Trên quan điểm đa nguyên hiểu như là một tiếp cận bản thể từ một thực tế kinh qua bởi chính bản thân và sẵn sàng đón nhận, trao đổi với mọi chính kiến khác biệt, chúng tôi trình bày trong tiểu luận này một số ý kiến cơ bản về sự chấm dứt giai đoạn huyền thoại đại đồng, giấc mơ chính đáng từ thuở vua Hùng dựng nước của người nông dân với nền văn minh lúa nước, và đề xuất một con đường tiến tới chân lý ước mơ của dân tộc trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 : Đất nước Việt Nam làm sao để sau khi có độc lập, tự do và dân chủ, xây được một nền kinh tế và quốc phòng hùng mạnh, có đủ trí tuệ để làm chủ sức mạnh này, có đủ nhân ái để sống hiểu hoà và bình đẳng với bạn bè năm châu trong một thế giới hoà bình.

Đầu hè Ất Dậu

Nguyễn Thu là bút hiệu của một Việt Kiều đã cùng gia đình hồi hương cách đây 14 năm, vào cuối năm 1979, khi những hồi hồi 1975 đã trôi qua, những chiến cho cải tạo, chiến tranh biên giới phía bắc, chiến tranh Campuchia, thuyền nhân, cấm vận.

Vào mùa thu năm 1979 tôi và vợ thân yêu được sứ quán nước ta tại Paris thông báo đã có quyết định của Hội đồng Bộ trưởng cho phép chúng tôi hồi hương. Từ khi miền Nam được giải phóng cho đến lúc chuẩn bị hành trang lên đường về nước phục vụ tổ quốc, tôi đã có dịp về thăm quê hương hai lần. Lần thứ nhất vào tháng tám năm 1975 với niềm vui lớn được gặp lại sau hai mươi hai năm xa cách anh chị em ⁽¹⁾ tại Hà Nội nơi chôn rau cắt rốn và được bước thong dong trên vỉa hè Sài Gòn nơi ghi nhớ bao nhiêu kỷ niệm đấu tranh chính trị và tình yêu tuổi trẻ, lần thứ hai cùng các đồng nghiệp tại Âu Châu về dự Hội nghị Toán học lần thứ ba vào năm 1977. Những ấn tượng buồn vui của hai chuyến về thăm nhà ấy sẽ ám ảnh tôi suốt đời giống như kỷ niệm đám tang mẹ tôi vào một chiều cuối xuân mưa rơi xám xịt cánh đồng Vọng năm chạy loạn về làng. Tôi còn nhớ như in bầu trời thủ đô Vientiane oi ả dưới sức nóng 39 độ C buổi tối mùa thu năm 1975 ấy và như trong một cơn mộng du tôi ngồi chờ chuyến bay hàng tuần duy nhất của Air France để trở lại Âu Châu mà lòng nặng trĩu hình ảnh một Hà Nội chật hẹp, lụp sụp, xanh xám và bụi bặm, hình ảnh những đứa cháu gầy còm ngồi bốc cơm nguội ăn dưới ánh đèn tù mù mỗi khi đêm về tương phản với các bữa cơm chiều dài ê hề những đĩa thịt lợn mỡ mà tôi rất sợ..., tôi cũng không quên được những bộ mặt của các nhà toán học Việt kiều từ khắp năm châu tại Hội trường Đại học Bách khoa năm 1977 ấy, sững sờ vì bị bỏ bom bằng bài diễn văn khai mạc hội nghị dài ba tiếng đồng hồ đầy tính huấn dụ về các phương pháp làm toán phục vụ nhân dân của vị đại tướng ủy viên bộ chính trị phụ trách khoa học kỹ thuật.

Sở dĩ tôi phải dài dòng như vậy để thấy rằng vợ chồng tôi đã không ngây thơ xa rời thực tế và quyết định trở về nước trong một phút bốc đồng, vả lại vào cái thời điểm mà lá vàng đang phủ kín những bước đi quen thuộc trong khu đại học Orsay năm 1979 xa xưa ấy thì những tin tức về sự suy sụp nhanh chóng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa sau khi Việt Nam bị Tây Phương cắt viện trợ vì đánh chiếm Cambốt đã lác đác thấy đăng tải trên báo chí cũng như hình ảnh những chiếc thuyền buồm rách nát chở người tị nạn tấp vào các bờ biển Đông Nam Á đã trở thành quen thuộc trên màn ảnh nhỏ. Sau này khi bình tâm suy nghĩ lại tôi cho rằng thái độ đã điều và khiêm nhường của giới trí thức tiến bộ sống ở nước ngoài trước những cường điệu và ảo tưởng của chương trình phục hưng kinh tế đất nước trong dự thảo nghị quyết đại hội IV Đảng cộng sản Việt Nam có nguyên nhân sâu xa hơn truyền thống “ gọi dạ bảo vâng ” của các phong trào Việt kiều thân cộng : có lẽ do lòng tự hào dân tộc bất ngờ được ve vuốt quá đáng sau chiến thắng mùa xuân năm 1975 nên chúng tôi đã mộng mị để trước tiên tự lừa dối mình và sau đó là bè bạn năm châu !

Với đảng cộng sản Việt Nam “ sự thật lịch sử ” có lẽ đơn giản hơn nhiều : bất chấp thực tế phũ phàng của một miền Bắc nghèo nàn và lạc hậu sau hơn bốn mươi năm xây dựng xã hội chủ nghĩa, các lãnh tụ chóp bu của họ đã thấm nhuần nguyên tắc cai trị theo kiểu “ cứ nói dối đi nói dối lại một điều ” ắt người ta sẽ phải tin và họ cũng hiểu rất rõ đa số nhân dân là nông dân nghèo do đó không hề có ý niệm cũng

như không ao ước được hưởng một nền pháp chế dân chủ theo nghĩa hiện đại trừ khi giai cấp đông đảo này được giáo dục để ý thức rõ đó là con đường duy nhất ít tốn xương máu và nước mắt có khả năng mang lại cơm no áo ấm và công bằng xã hội cho họ và con cháu họ.

Lênin đã nói phải “ phân tích cụ thể một tình hình cụ thể ” và bản thân tôi đã thể nghiệm nguyên lý duy vật biện chứng sơ đẳng này ba ngày sau khi đặt chân lên đất Hà Nội vào năm 1975. Còn chưa quên những buổi sáng mờ mịt sương mù của miền Nam nước Đức, tôi rất thích thú được thả bộ vòng quanh hồ Hoàn Kiếm rực rỡ nắng thu vàng, bất thành hình bị nghẽn lại cùng đám đông lớn nhón người đi xe đạp và đi bộ tại ngã tư Bà Triệu - Lý Thái Tổ (mà thời Pháp thuộc gọi là ngã tư bót hàng Trống). Lúc ấy vào khoảng giờ Ngọ và không khí oi nồng ngọt ngào mùi da người, mùi quần áo thiếu xà phòng tắm giặt, cả đám người bị chặn trên vỉa hè lẫn mấy anh công an trẻ tuổi canh giữ lòng đường đều khẽ nhại mồ hôi dưới những hàng khẩu hiệu nền đỏ chữ trắng “ chào mừng bà thủ tướng Ấn Độ ” căng ử rữ ngang phố. Bất thành hình một chị phụ nữ đẩy xe đạp ào qua đường kéo vài bác đứng tuổi dáng nông dân tranh thủ bám theo, một tiếng còi rít lên kèm theo tiếng hét ngọng nghịu “ Dừng lại ! ”, tiếng dép nhựa quét sần sệt và tiếp theo là những chiếc dù cui màu trắng vun vút trên đầu trên cổ xô đẩy họ trở về vị trí ban đầu. Chị phụ nữ lạnh chân kịp lủi vào đám đông bên kia đường nhưng cũng không quên ngoái cổ nở một nụ cười trừ, tôi cũng không bao giờ quên được mớ tóc sổ rũ rợi và vệt sữa ố thấm trên ngực áo của người đàn bà không quen biết này. Trái với linh tính nhạy cảm của một sinh viên đã từng đấu tranh tại Sài Gòn và đã nhiều lần chứng kiến những phản ứng bùng nổ của quần chúng trước sự đàn áp thô bạo, đám đông nhanh chóng trở lại im lặng, nhẫn nhục và thêm nửa tiếng chờ đợi thì đoàn xe volga bóng lộn có mô-tô hộ tống một cách quê kệch ầm ầm chở vị nguyên thủ quốc gia “ tư bản ” chạy qua. Mãi nhiều năm sau này khi đọc những phân tích của García Marquez về tâm lý người nông dân Nam Mỹ và về phương cách cai trị bằng huyền thoại của các chế độ độc tài tại vùng bán cầu kém phát triển này tôi mới hiểu rõ được sự khác biệt về tâm lý và phản ứng tự nhiên của một quần chúng kiểu miền Bắc Việt Nam với quần chúng sống trong một xã hội mà nhân quyền là một thành phần cuộc sống như ở Âu châu hoặc là một mục tiêu tranh đấu như ở miền Nam trước đây.

Đó là một đêm hè năm 1982, bầu trời oi bức và biển lặng trong vịnh Hạ Long, vợ tôi, cháu gái nhỏ và gia đình người bà con Việt kiều sau một ngày phà xe vất vả đang thiêm thiếp trong phòng khách sạn, tôi ngồi đón gió ngoài ban công, lơ đãng nhìn cảnh sơn thủy hùng vĩ ẩn hiện mờ mờ dưới ánh trăng và như thường lệ trăn trở thăm kín về cuộc sống bế tắc trước mắt, về tương lai vô vọng của đất nước. Về nước đã được gần ba năm, hai vợ chồng chúng tôi biểu lộ quyết tâm hoà mình vào cuộc sống đời thường của đồng bào lao động bằng cách cố gắng ăn ở đúng theo tiêu chuẩn được đảng và nhà nước phân phối nhưng mặt khác phấn đấu làm việc theo đúng cường độ quen thuộc tại Tây Âu. Sau một thời gian tôi thất vọng vì nhận thấy các đồng nghiệp và nghiên cứu sinh

trẻ tuy vẫn tham dự đều đặn các buổi xêmine do tôi chủ trì nhưng cường độ tập trung làm việc ngày càng trở nên yếu hơn, điều mà phải hơn ba năm sau tôi mới hiểu ra khi mà trọng lượng của bản thân đã sụt mất năm kilô (2). Kể từ đó tôi thông cảm sâu sắc với những khó khăn về đời sống cũng như mọi bế tắc về tâm tư của bè bạn và học trò, ngoài nghiên cứu và giảng dạy chuyên môn tôi tập trung thấu thập các thông tin trên báo đài cũng như mở rộng tầm tiếp xúc với nhiều thành phần xã hội để tìm cho ra nguyên nhân của sự tương phản giữa thực tế nhùn tận mắt hàng ngày với những chiếc bánh vẽ mà các nhà lãnh đạo đã tuyên truyền suốt hơn ba mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những quan sát và phân tích cụ thể trường hợp cụ thể xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tích lũy và đè nén qua năm tháng trong đáy lòng đột nhiên bùng lên, thặng hoa trong đêm hè đáng ghi nhớ đó : con người khoa học trong tôi bị thôi thúc phải hệ thống hoá chúng lại để có thể vạch ra những tư tưởng chủ đạo cho một hướng đi mới trong tương lai và đó là nguồn gốc của bản tiểu luận này !

Chúng ta không thể hiểu thấu đáo tính phi lý của sự tồn tại lâu dài một hình thái kinh tế - xã hội siêu thực kiểu Kafka, phi nhân kiểu phong kiến Á Đông tại các nước như Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Cuba...nếu không nghiên cứu kỹ lưỡng những huyền thoại kiểu mới — rất nhất quán với huyền thoại thiên hạ đại đồng, giấc mơ Nghiêu Thuấn muôn thuở của giai đoạn cộng sản nguyên thủy (3) — mà chủ nghĩa cộng sản đã tái sinh trên các quốc gia chậm tiến này. Đối với trường hợp Việt Nam những huyền thoại mới này cần được sử dụng như những kính viễn vọng đặt tại nhiều vị trí và nhiều góc độ khác nhau trong phương pháp luận đi tìm câu trả lời cho câu hỏi sau, hầu có thể đúc kết một kinh nghiệm lịch sử xương máu cho con cháu trong sự nghiệp đi tìm một đường lối xây dựng đất nước thoả mãn những ước vọng sâu xa của dân tộc cũng như đáp ứng những giá trị nhân bản muôn thuở của nền văn minh loài người :

“ Tại sao trải qua hơn bốn thập kỷ xây dựng nửa đất nước xã hội chủ nghĩa trên miền bắc nước ta, chúng ta đã tiến tới một loại xã hội hoàn toàn xa lạ với các thuần phong mỹ tục đầy nhân ái của nền văn minh Việt-Mường cổ nguồn, mất hết các chuẩn mực đạo đức cổ truyền vay mượn của Trung Quốc từ nghìn năm như Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, loại trừ mọi yêu cầu chính đáng về độc lập tư pháp, tự do báo chí, tự trị đại học...do giới trí thức tây học tiến bộ khởi xướng qua phong trào Nhân văn Giai phẩm năm 1956 để sau cùng chuẩn bị cả đất nước bước vào ngưỡng cửa thế kỷ 21 với một trình độ khoa học kỹ thuật quá thấp kém so với trình độ chung của thế giới, với một lối sống thực dụng cơ hội, thô bạo và nghèo nàn ? ”

1. Huyền thoại giải thích tiến hoá các hình thái xã hội trong lịch sử loài người bằng thuyết đấu tranh giai cấp

Bản chất tiến hoá của thiên nhiên sống bao gồm các quần thể thực và động vật, từ đơn giản nhất như các đơn bào đến phức tạp nhất như xã hội loài người, đã hàng triệu triệu năm tuân thủ định mệnh khắt khe của quy luật *đào thải - hoàn*

thiện hoá theo xu thế tích cực làm tiêu ma những thành phần vô dụng hoặc không thích nghi được và hoàn thiện hoá các thành phần tiến bộ sao cho hệ thống vận động và phát triển trong một quân bình sinh thái ngày càng tinh vi và hoàn hảo hơn. Trong quá trình quan sát các quần thể động vật ở mức độ vi mô người ta dùng danh từ *luật rừng* để gọi quy luật phổ quát nói trên nhưng thực ra đối với tiến hoá loài người — một động vật tri thức được cảm xúc của bản thân và đồng loại đồng thời có khả năng truyền đạt chúng qua ngôn ngữ — nhân loại đã rất sớm trong lịch sử tiến hoá của mình thoát ra khỏi thời kỳ tiền sử đã man bằng những sáng tạo về công cụ lao động, bằng cách phân vùng lãnh địa và tổ chức bảo vệ thiên nhiên cùng các nền văn minh tồn tại trong biên giới của nó.

Trải qua chế độ phong kiến tập quyền, trong đó hoàng đế hoặc quân vương hay sứ quân thay trời hành đạo chặn dất thần dân, sang đến chế độ dân chủ tư sản mà bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cuộc cách mạng 1789 đã xác định về quyền bình đẳng trước luật pháp, quyền tự do ngôn luận, quyền chọn lựa thể chế chính trị của mỗi công dân thì ý niệm về quốc gia với lãnh thổ và biên giới đã phát triển như một hình thái văn minh cơ bản của nhân loại luôn luôn gắn liền với quá trình tiến hoá của các hình thái kinh tế xã hội các dân tộc. Lịch sử của đất nước Việt Nam tóm lại phải chăng là một quá trình khẳng định chân lý vang vọng nghìn thu từ lời hịch *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* với chứng minh là sự thất bại của Trung Nguyên sau hàng nghìn năm đồng hoá cũng như sự đầu hàng của chủ nghĩa thực dân Pháp sau hàng thế kỷ đô hộ và sự tháo lui cay đắng của nước Mỹ, một đế quốc giàu mạnh nhất trong lịch sử loài người ?

Marx và Engels là những học giả đầu tiên sử dụng phương pháp biện chứng của Hegel để phân tích lại lịch sử tiến hoá của hình thái kinh tế - xã hội loài người trên quan điểm vĩ mô và đã xây dựng luận điểm duy vật lịch sử sau:

“ Tính mâu thuẫn (hoặc mất cân bằng) thường trực trong hình thái kinh tế - xã hội đương thời, giữa một bên là lực lượng sản xuất (bao gồm con người lao động và công cụ sản xuất) đã phát triển đến độ tiên tiến và bên kia là quan hệ sản xuất đã lỗi thời, là động lực thúc đẩy sự tiến hoá của xã hội loài người.

Trong lịch sử loài người mâu thuẫn nói trên được giải quyết thông qua hình thức đấu tranh giai cấp giữa một bên là người lao động trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội và bên kia là người tư hữu công cụ sản xuất (hoặc cả lực lượng sản xuất như trong giai đoạn nông nô) cố duy trì quan hệ sản xuất lỗi thời. Cách mạng xã hội tất yếu bùng nổ và một hình thái kinh tế-xã hội tiến bộ sẽ ra đời nhằm thiết lập một quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Sau chế độ cộng sản nguyên thủy (3) loài người đã trải qua hai cuộc cách mạng xã hội lớn :

- Cuộc cách mạng phong kiến lật đổ chế độ nông nô để thay thế bằng chế độ quân chủ tập quyền,

- Cuộc cách mạng tư sản năm 1789 lật đổ chế độ quân chủ để thay thế bằng chế độ tư bản ”.

Duy vật lịch sử là một quan điểm lịch sử mới mẻ và tiến bộ vào đầu thế kỷ 19, và cũng như bất cứ lý thuyết khoa học giá trị nào nó cho phép chúng ta trên con đường đi tìm chân lý — trong một lĩnh vực nhất định nào của tri thức — nhích lên một cao độ bên trên các quan điểm đương thời để soi sáng thêm một bước vào chân trời vô tận và mờ mịt tiếp giáp với màn đêm của vô vàn bí mật tồn tại trong thiên nhiên và xã

hội loài người. Ưu điểm của lý thuyết duy vật lịch sử thể hiện trong cách giải thích vĩ mô và nhất quán lịch sử tiến hoá của xã hội loài người, tuy nhiên dự báo mang tính tất định cũng như đánh giá thú yếu vai trò của yếu tố “lãnh thổ - quốc gia” trong thuyết của Marx và Engels đã bị nhiều trường phái sử học khác phê phán.

Tuy nhiên Marx cũng là một nhà kinh tế học lỗi lạc hiểu theo nghĩa hiện đại : đứng trước những khủng hoảng triền miên của nền kinh tế thị trường cũng như cảnh bóc lột lao động trắng trợn của chế độ tư bản đương thời, ông đã dành suốt cuộc đời phân tích các dữ kiện thấu thập được và đã phát hiện ra chu kỳ khủng hoảng của nền kinh tế tư bản. Ông đã giải thích nguyên nhân sâu xa hiện tượng này trong tác phẩm vĩ đại *Tư bản luận* như là hệ quả tất yếu của quy luật mâu thuẫn *lực lượng / quan hệ sản xuất*. Nếu chỉ tổng kết và đánh giá sự nghiệp khoa học của nhà học giả Karl Marx — trên quan điểm *nhân vô thập toàn* của phương đông, hoặc đa nguyên nếu muốn nói một cách thời trang — thì sau hơn một thế kỷ chúng ta đã có đầy đủ dữ kiện về sự thử thách lý thuyết của ông trong thực tế để phân biệt rõ ràng đâu là phần các giả định đã trở thành quy luật và đâu là phần cần loại bỏ và như vậy tên tuổi ông phải có thể được đánh giá một cách dễ dàng như là một nhà kinh tế cổ điển thiên tài.

Điều trớ trêu và bi thảm cho lịch sử nhân loại hàng thế kỷ sau là Marx và Engels đã sử dụng phát hiện nói trên làm nền tảng cho *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* mà hai ông đã xây dựng cho phong trào công nhân đương thời. Trong tuyên ngôn này hai ông đã khẳng định chế độ tư bản đang ở giai đoạn tổng khủng hoảng và dự báo công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ xảy ra ngay trước mắt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, đảng của giai cấp công nhân tiên tiến.

Bản thân ông cũng như Khổng tử trước đây đã mắc sai lầm khi rời cương vị một học giả để trở thành một nhà chính trị muốn cải tạo thế giới nhiều hơn trước mắt bằng học thuyết của mình — và điều này không hiểu có phải là một sai lầm muôn thuở của loài người trong tham vọng xây dựng một trật tự thế giới theo cái nhìn dân tộc hoặc giai cấp cực đoan ? — và cả hai đều trải qua các thất vọng và thất bại cho đến cuối đời, và mĩa mai thay như một quy luật lịch sử cả hai đều đã tạo ra cơ hội để những kẻ mưu bá đồ vương đời sau mau chóng huyền thoại hoá học thuyết của họ thành những trang giáo điều để chinh phục thiên hạ hay nói một cách chua chát như Lỗ Tấn là học thuyết của họ đã được sử dụng như một hòn gạch để gõ vào cánh cửa lịch sử.

Một khi cánh cửa lịch sử đã mở cho các triều đại phong kiến tập quyền, Nho Giáo đã thống trị Trung Hoa với các giáo điều khuôn vàng thước ngọc trong gần hai nghìn năm và Lỗ Tấn khi ôn cố tri tân đã phát hiện thấy cảnh người ăn thịt người trong từng hàng sử xanh nước ông, tương tự như vậy sau thời đại Khổng Tử hơn hai nghìn năm các đảng cộng sản bônsevic giành được chính quyền trên một phần ba nhân loại và sử dụng học thuyết của Marx làm nền tảng lý thuyết cho biết bao công cuộc thí nghiệm đẫm máu về cải cách xã hội, cải cách tư sản, cải cách ruộng đất, cách mạng văn hoá... trong gần một thế kỷ trước khi tan rã thảm thương !

Trở lại vấn đề đánh giá lại học thuyết Marx như là một lý thuyết khoa học xã hội chúng ta thấy rằng những tư tưởng chủ đạo của ông cần được xem xét lại trên góc độ huyền thoại / sự thật :

a) Marx đã coi nhẹ yếu tố quốc gia / dân tộc trong luận điểm cách mạng vô sản toàn cầu, coi Âu châu ở giai đoạn tư bản chiếm hữu là trung tâm điểm của mọi mâu thuẫn cách mạng vô sản, coi vấn đề biên giới quốc gia với nhà nước trong đó là một yếu tố bảo thủ trong quá trình cách mạng và sẽ tự tiêu vong khi chủ nghĩa cộng sản đã thống trị nhân loại. Logic trên đã đưa ông đến dự báo cuộc cách mạng vô sản đầu tiên do giai cấp công nhân lãnh đạo sẽ bùng nổ tại nước Đức để tam đế chế nơi mà mâu thuẫn lực lượng / quan hệ sản xuất của tư bản chủ nghĩa xảy ra gay gắt nhất lúc bấy giờ. Trớ trêu thay cách mạng vô sản đầu tiên lại bùng nổ gần nửa thế kỷ sau tại nước Nga phong kiến nông nghiệp cách xa Tây Âu cả địa dư lẫn trình độ công nghiệp và đã do đảng cộng sản bônsevic của Lênin lãnh đạo, một đảng mà các lãnh tụ hàng đầu đều xuất thân từ giới trí thức hoặc đảng cấp thượng lưu nước Nga đương thời.

Sau khi chiến thắng chủ nghĩa phát xít, Roosevelt và Stalin đã chia chác lại biên giới vùng ảnh hưởng của hai siêu cường ở châu Âu tại Hội Nghị Yalta với kết quả là hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu như Tiệp, Hung, Ba Lan, Bungari,... đã ra đời do sự tiếp tay của Hồng quân với các đảng bônsevic địa phương hơn là do một cuộc cách mạng cướp chính quyền của giai cấp công nhân theo như dự báo của Marx.

Lênin đã nhanh chóng bổ sung thiếu sót về vai trò của quốc gia / dân tộc trong học thuyết Marx bằng quan điểm “*đế quốc là con đẻ của chủ nghĩa tư bản*” và đối trọng liên minh các nước đế quốc bằng “*đệ tam quốc tế*”, một liên minh quy tụ dưới sự lãnh đạo của Liên Xô tất cả các quốc gia theo phe chủ nghĩa xã hội do đảng các bônsevic nắm quyền. Về luận điểm của Marx cho rằng cần thiết thay thế, một khi cách mạng vô sản thành công, nền chuyên chính tư sản bằng nền chuyên chính vô sản, Lênin đã bổ sung thêm huyền thoại “*nền chuyên chính vô sản sẽ tồn tại trong suốt giai đoạn xã hội chủ nghĩa và sẽ tự tiêu vong khi nhân loại bước sang giai đoạn xã hội cộng sản*”, một giáo điều đã cho phép tất cả các đồ đệ của Marx và Lênin kể từ Stalin, Mao ... cho đến Ceausescu trở thành những tên độc tài khát máu nhất trong lịch sử. Bản kiểm điểm nội bộ thú nhận những tội ác của Đảng cộng sản Liên xô trong thời Stalin do Khrushchev tung ra sau này, cũng như các văn bản sửa sai về cải cách ruộng đất của Đảng cộng sản Việt Nam hay các bản tường thuật về vụ án xét xử nhóm bốn tên của báo chí Trung Quốc ... đã tự nói lên sự thật sau : trong chín mươi năm bành trướng và củng cố của chủ nghĩa cộng sản các huyền thoại “*quốc tế*” và “*chuyên chính*” đã được sử dụng như những giáo điều mà nhân danh chúng chủ quyền và quyền lợi của biết bao nhiêu dân tộc nhỏ bé hiền hoà đã bị chà đạp không thương tiếc, sinh mạng và nước mắt của biết bao nhiêu triệu thường dân vô tội đã bị hy sinh oan uổng !

b) Marx đã đưa ra một quá trình tất định cho lịch sử tiến hoá của xã hội loài người, nghĩa là một quá trình mà tương

lai có thể được mô tả một cách toàn diện khi ta biết quá khứ và hiện tại. Quá khứ đã được lịch sử ghi chép lại đầy đủ hoặc thiếu sót tùy theo từng vùng phát triển của trái đất và đã được nhiều quan điểm sử học giải thích theo nhiều cách khác nhau mà trong đó, như chúng ta đã nhận xét, duy vật sử quan cũng như những học thuyết khác đều có những nét độc đáo cũng như những thiếu sót riêng.

Qua tác phẩm vĩ đại *Tư bản luận* Marx mô tả rất khoa học xã hội tư bản ở giai đoạn cơ khí đương thời với các mâu thuẫn nội tại, ông đã sai lầm cơ bản ở khâu khẳng định đó là hình thái sau cùng của nền sản xuất tư bản và mô tả tương lai từ trạng thái giả định tĩnh này của chủ nghĩa tư bản. Có lẽ quy luật tiến hoá của lịch sử không thể là tất định vì cả Marx lẫn các đối thủ của ông (4) không một ai hình dung nổi chứ chưa nói gì đến dự báo về các cuộc cách mạng năng lượng nảy sinh từ các phát minh phá vỡ hạt nhân, cũng như cuộc cách mạng tự động hoá sản xuất và quản lý xã hội nảy sinh từ các phát minh về điện tử và tin học trong các nước tây phương ở thế kỷ 20 này. Ở ngưỡng của thế kỷ 21 khi mà tổ chức xã hội và đời sống con người đã hoàn toàn đổi mới bởi hai cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật nói trên thì ý niệm về các giai cấp trong xã hội — hiểu theo nghĩa cộng đồng những cá nhân lao động trong một lĩnh vực nhất định nào đó của nền sản xuất với đối tượng lao động được xác định rõ ràng — cũng đã thay đổi về chất đến độ nhiều quan điểm của Marx đương nhiên trở thành lỗi thời, không còn ý nghĩa.

Mỗi cỗ máy cơ khí trong công nghiệp của thời đại Marx đều phải vận hành trực tiếp bởi một hay nhiều kíp thợ kiểu như quy trình công nghệ mà chúng gọi ta là thủ công hiện nay, do đó luận điểm về giai cấp công nhân của ông — như là giai cấp làm chủ thực sự quá trình sản xuất và tất yếu sẽ làm cách mạng xã hội để lật đổ chế độ tư bản với quan hệ sản xuất lỗi thời và tiến lên làm chủ vận mạng nhân loại — chỉ thực sự mang tính khoa học và thực tiễn khi chế độ tư bản còn ở giai đoạn kém phát triển. Trái lại với xu thế tự động hoá hoàn toàn các quy trình sản xuất, như trong công nghiệp sản xuất thiết bị vi điện tử hoặc công nghiệp sản xuất ô tô hiện nay, người ta thường thấy những nhà máy vắng bóng các công nhân *xương thịt* mà chỉ còn các rô-bốt với kỹ sư vận hành các bảng điều khiển. Vấn đề tồn tại của đảng cộng sản như đảng của giai cấp công nhân tiên tiến trong một xã hội với nền sản xuất tự động hoá — trong đó không còn tồn tại ý niệm công nhân theo nghĩa của Marx — sẽ ra sao?

c) Thực ra xã hội văn minh hiện nay với tính tự động hoá cao, xã hội hiện đại, tồn tại nhờ tính trí tuệ của những người điều khiển phần kỹ thuật và tính tự giác cao của những công dân bình thường sống trong đó. Chưa bao giờ nhân loại đạt được một hình thái xã hội với tiềm năng thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người cao như vậy nhưng bù lại cũng phải trả giá bằng một hệ điều khiển cực kỳ mong manh và dễ bị tổn thương, chỉ cần tưởng tượng một người tâm thần hay say rượu vô tình cắt đứt một chùm cáp quang hay làm nổ một trạm điện tại trung tâm Tokyo chúng ta khó có thể hình dung nổi hết những hậu quả về kinh tế, tài chính và xã hội gây ra bởi hành động vô trách nhiệm này. Trong một xã hội với xu thế phát triển như vậy giai cấp trí thức, hiểu theo nghĩa cộng

đồng những người lao động nắm đầy đủ tri thức và trí tuệ để quản lý xã hội cũng như giải quyết những phức tạp do nó sinh ra, ngày càng được khẳng định như là một bộ phận quan trọng của lực lượng sản xuất. Từ sau đại chiến thứ hai quan điểm sử dụng lao động trí thức tại Tây Âu đã thay đổi nhiều lần song hành với các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật nói trên, từ vị trí mua bán lao động của một người làm thuê thời thế đã nâng nhiều kỹ sư thành những thành viên có quyền quyết định trong các hội đồng quản trị những tập đoàn tư bản lớn cũng như nhiều giáo sư đại học đã kiêm nhiệm địa vị chủ nhân các hãng công nghệ cao cấp, trong khi tại các nước xã hội chủ nghĩa một mặt người ta lớn tiếng phê phán những tiến bộ nói trên là *kỹ trị*, mặt khác tiếp tục phủ nhận vai trò điều khiển lực lượng sản xuất của giai cấp trí thức bằng biện pháp chặn dất và đe dọa họ với mọi loại tội tổ tông như kiểu “*thành phần tiểu tư sản lập trường bấp bênh*” cần sự lãnh đạo chính trị của “*công nông*” thì mới hy vọng nên người (5).

Phải chăng đây là một trong những lý do chính dẫn đến sự cách biệt ngày càng lớn về trình độ công nghệ trong sản xuất, và về ứng dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống giữa một bên là các nước Âu Mỹ với bên kia là các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, kéo theo sự sụp đổ không thể tránh khỏi của Liên Xô và các chư hầu? (*còn tiếp*)

NGUYỄN THU

CHÚ THÍCH của TÁC GIẢ

(1) Năm 1972 vì chờ đợi quyết định cho phép về thăm bố ốm nặng mà tôi lỡ dở cùng một lúc Hội nghị xác suất Nhật-Liên Xô tại Kyoto và cơ hội gặp lại bố để lần cuối cùng!

(2) Khẩu phần ăn và nhu yếu phẩm của tôi được cấp theo bì C, gồm 13 kg gạo, 3 kg cá-thịt mỗi tháng, nghĩa là thuộc loại cao cấp và có giá trị tính bằng hàng hoá gấp đôi khẩu phần các đồng nghiệp trẻ!

(3) Hình thái xã hội tiền sử trong đó con người với công cụ sản xuất thô sơ chỉ có khả năng lao động để sống còn và không tạo nổi một giá trị thặng dư nào do đó xã hội không tồn tại khả năng “*bóc lột giá trị thặng dư*”.

(4) Chỉ có Jules Verne với trí tưởng tượng phi thường của một nhà văn viễn tưởng mới hư cấu được các cuộc thám hiểm trong không gian, dưới đáy đại dương hay trong lòng trái đất một cách gần với các thực tiễn khoa học hiện đại.

(5) Tại Việt Nam chính trị đóng vai trò thống soái và là lãnh vực độc quyền của đảng cộng sản, đảng của liên minh công-nông trong khi “*thành phần trí thức*” bị đặt ra ngoài rìa!

CHÚ THÍCH của DIỄN ĐÀN

(*) Tuổi năm mươi, theo sách *Luận ngữ: ngũ thập nhi trí thiên mệnh* (năm mươi tuổi biết mệnh trời).

Đã phát hành số 1 tạp chí

ĐỐI THOẠI

THẢO LUẬN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM

P.O. BOX 4692 GARDEN GROVE, CA 92642, ☎ (714) 509-7253

Chủ bút: Nguyễn Hương

Giá báo 1 năm (6 số):

Bắc Mỹ: USD 36 (*hạng tư*), USD 48 (*hạng nhất*)

Các nước khác: USD 48 (*đường thủy*), USD 60 (*đường bay*)

điện ảnh

Thuở Trời Đất đảo điên...

Oliver Stone là một nhân vật khá đặc biệt. Từ gần mười năm nay, ông liên tục khơi lại những vết thương của một “cuộc chiến tranh vô đạo” đã huỷ hoại sự “trong trắng” của nước Mỹ. Và luôn luôn đi ngược dòng: trong khi Hollywood mắc chứng Rambo, thì ông làm phim *Trung đội* (*Platoon*, 1986), khi nước Mỹ du dương theo điệu nhạc viết lại lịch sử của Reagan và Bush, thì ông cho ra *Sinh ngày mùng 4 tháng 7* (1989). Và bây giờ, khi nước Mỹ đổ bộ trở lại Việt Nam, bằng đô la thay vì đại bác, Stone phát hành *Trời và Đất* (*Heaven and Earth, Entre ciel et terre*). Tác giả giải thích: « Hai phim trước của tôi mô tả sự gớm ghiếc của chiến tranh viễn chinh nhìn từ góc độ những binh nhì GI và phản ánh sự chấn thương của cựu chiến binh. Sự khiếm khuyết lớn nhất của điện ảnh Mỹ là cái nhìn từ phía bên kia: người Việt Nam đã trải qua cuộc chiến tranh như thế nào (...). Trong não trạng văn hoá Mỹ hiện nay, có một xu hướng khá bỉ ổi là muốn nhìn lại cuộc chiến tranh như một cuốn truyện tranh comics, với những người hùng Mỹ lật ngược thế cờ, giành lại thắng lợi cuối cùng. Và trong bối cảnh ngu xuẩn vô tiền khoáng hậu ấy, hàng trăm người Việt Nam, không mặt không tên, bị giết một cách hăng say, thịt nát xương tan, không lúc nào được coi là con người ». Chính để trả lại cho “phía bên kia” bộ mặt và tên gọi con người mà Oliver Stone đã phóng tác từ hai cuốn tự truyện của bà Phùng Thị Lệ Lý*, kể lại cuộc đời của một phụ nữ nông dân Trung Bộ kinh qua ba mươi năm đàng đẵng chiến tranh “đất trời đảo lộn...”.

Thật không biết dùng chữ gì để tả cuộc đời của Bảy Lý: từ cuộc chiến tranh của Pháp sang cuộc chiến tranh của Mỹ, chị đã hứng chịu đủ điều, như phải trả chồng chất bao nhiêu duyên nợ tiền kiếp. Bị kéo vào Mặt trận, chị bị nguy quân bỏ tù, tra tấn; ra tù thì bị nghi là phản bội, một cán bộ Việt cộng giả bộ xử tử trước khi hãm hiếp; trốn ra Đà Nẵng tị nạn thì bị một tư sản quyến rũ rồi bỏ rơi; đứng đường bán rong rồi bán thân nuôi miệng; lấy một trung sĩ Mỹ thuộc lực lượng tuyệt mật (*Blank Ops*); theo chồng di tản sang Mỹ năm 1975; bươn bả trong “*American way of life*” (lối sống Mỹ) riết rồi cũng thích nghi được còn anh chồng hoàn toàn bị “nổ cầu chì” (cuối cùng tự tử); Bảy Lý nhảy ra kinh doanh, và sau mười lăm năm ly hương, trở về thăm làng cũ... Sống sót, sống còn, Bảy Lý là hiện thân của một nhân loại bất diệt. Một đề tài có thể trở thành “*Chiến tranh và Hoà Bình*”, hay ... tiểu thuyết ba xu.

Tiếc thay, *Trời và Đất* không phải là “*Chiến tranh và Hoà Bình*”. Sau khi đã ca ngợi sự dũng cảm của Oliver Stone, chẳng lẽ lại phải nói toạc móng heo về nghệ thuật điện ảnh của ông? Nhà đạo diễn cũng đã thừa nhận: « Tôi không nhẹ nhàng chút nào. Tên họ tôi là Stone, nặng như hòn đá ». Thật đúng như vậy. Stone quay phim như người ta đốn cây

bằng máy cưa. Hình ảnh nện vào thần kinh người xem: Vixi bị quăng từ trực thăng xuống đất, lưới lửa na-pan xuyên chéo màn ảnh hoành tráng, cái tủ lạnh khổng lồ trong phòng bếp Mỹ mở toang, tênh hênh phô trương lực phủ ngũ tạng trước con mắt choáng ngợp của Bảy Lý... Ai đã xem *Sinh ngày mùng 4 tháng 7* mà vẫn thoát chết chắc còn nhớ Oliver Stone đã đồng hoá xúc động với bạo động, thậm chí *hystérie*, như thế nào rồi. Ở đây cũng vậy, đố ai tìm ra một chút xúc động chân thực. Hình như Stone cũng cảm thấy điều này nên đã cần cù chêm vào những hồi cảnh chiếu chậm (*flash-backs au ralenti*), phong cảnh muôn màu, âm nhạc du dương cồng kèn... Một thú “*Cuốn theo chiều gió*” thoảng mùi nước mắm. Xem một lúc, khán giả chợt thấy mình trở thành con ma xó ngồi đếm những tai hoạ dồn dập lên đầu vai chính, như người ta ngồi đếm điểm trong một trận đấu khúc côn cầu (*base-ball*).

Phải nói là ngồi chịu trận 140 phút, đầu óc có để ra những ác ý hay hoài nghi cũng là chuyện dễ hiểu. Chẳng hạn, có thể hoài nghi về sự thành thực của Oliver Stone. Câu hỏi của tôi xuất phát từ một khuyết điểm thật khó tưởng tượng của cuốn phim: từ đầu chí cuối, dân “bản xứ” nói tiếng Mỹ hay hơn Mỹ. Từ anh *nyak* (nhà quê) đến bà chủ ba Mèo, qua ông chính uỷ Việt Cộng, tất cả đều *chia động* từ lâu lâu, *regular, irregular verbs*, đủ thời, đủ thức; thỉnh thoảng muốn điểm một chút màu sắc lôcanh mới xỏ ra vài câu tiếng Mỹ bồi (*GI number one! Me, good girl!*), sau đó lại thao thao trở về ngôn ngữ của Shakespeare. Kết quả là một sản phẩm kỳ dị hết sức. Bạn có thể phản bác: thế sao trong phim cao bồi, người da đỏ cũng nói tiếng Anh của lính áo xanh? Thưa không. Tôi chỉ xin đơn cử một thí dụ gần đây nhất: trong phim “*Nhảy múa với đàn sói*”, người Sioux nói tiếng Sioux. Nghĩa là trong một cuốn phim *western* bình thường, Kevin Costner đã dám làm (tôn trọng người da đỏ, chấp nhận nguy cơ thất bại thương mại) cái điều mà Oliver Stone không dám trong một tác phẩm có tham vọng *sám hối*. Tính toán thương mại còn lộ rõ trong bảng phân vai: thủ vai Bảy Lý là Lê Thị Hiệp, một cô gái Việt Nam tị nạn, nhưng thủ vai cha mẹ Bảy Lý lại là S. Ngor (một người Cam Bốt đã đóng trong phim *Cánh đồng những xác chết — La déchirure*) và Joan Chen, một diễn viên Mỹ gốc Hoa chuyên đóng những phim thám hiểm loại *Le sang des héros*... Trước đây, người ta có thể khó chịu khi thấy Stone quá say sưa với vai trò “nhà điện ảnh chính thức” của cuộc chiến tranh Việt Nam (“*Người khác có thể giàu tưởng tượng, chú tôi, tôi làm phim theo hồi ức, vì tôi đã sống cuộc chiến tranh đó*”...), nay sự khó chịu ấy bỗng trở thành thắc mắc, ngần ngại: *Trung đội* (*Platoon*) và *Sinh ngày 4.7* đều là những phim hái ra Oscar và dollar... Stone đã tuyên bố: « *Trời và Đất không phải là phim chót của một bộ ba phim. Với cuộc chiến tranh ác mộng ấy, tôi có thừa chất liệu để làm ba chục cuốn phim* ». Trời ơi đất hỡi, tha cho nhau là vừa!

Đỗ Thống

(bản dịch của Kiến Văn)

* Le Ly HAYSILIP: *When Heaven and Earth changed places và Child of War, Woman of Peace*, DoubleDay Publishing Co. Bản dịch Pháp ngữ của R. Mehl: *Entre le Ciel et la Terre*, Ed. du Seuil, 1993.

Hội họa

Phỏng vấn

hoạ sĩ

Phạm Ngọc Tuấn



Phạm Ngọc TUẤN là một hoạ sĩ có tranh triển lãm thường xuyên từ những năm 70 ở Pháp, Nhật, Mỹ và một số nước Âu châu. Trong nhiều năm anh vừa vẽ vừa hành nghề trong ngành *Design* ở Paris. Hiện nay, anh làm giám đốc một trường mỹ thuật dạy về nghệ thuật truyền thông [*Communication visuelle*] ở Paris. Trường này do anh và chị **Maryse Eloy** sáng lập cách đây hơn mười năm.

Dưới đây là bài phỏng vấn do Hoài Văn thực hiện, qua đó anh Tuấn giải thích về đợt tranh mới của anh hiện đang được trưng bày ở **Centre Culturel Franco-Vietnamien**, 24 rue des Ecoles, 75005 Paris, từ 3/03 đến 3/04/94.

Diễn Đàn : Anh có thể định nghĩa tóm tắt nghệ thuật tranh của anh ?

Tuấn : Tranh của tôi thuộc trường phái trừu tượng. Ngôn ngữ của nó là ký hiệu : ngoại vật và tâm tư được diễn tả qua những ký hiệu trừu tượng (*signes*). Những ký hiệu này được định hình dưới dạng tĩnh hoặc động và được thể hiện dưới hình thức những bố cục và hình thể đối xứng (*symétriques*), hoặc không đối xứng (*non symétriques*).

ĐĐ : Quan niệm nghệ thuật của anh qua những đợt tìm tòi từ những năm 70 cho đến nay có những gì thay đổi ?

Tuấn : Từ năm 70, tranh của tôi có qua vài đợt tìm tòi, tuy nhiên cái gốc chung vẫn là những ký hiệu. Tranh những năm 70 thì hình như tròn trặn, thu gọn thành một khối, có thể nói : nhập định như nhà tu hành. Đến năm 80 thì mặt tranh lại như một khoảng không gian vô hạn có những phóng xạ bay qua và để lại những vết sáng chợt ẩn chợt hiện. Tôi nắm bắt những tín hiệu chợt thoáng hiện ở một thời điểm nào đó với

cái nhìn và cảm xúc của mình lúc đó và không bao giờ quên ghi chép lại. Những tín hiệu này mặc dầu lắng đọng trong tiềm thức, nhưng không phải bất di bất dịch, mà luôn luôn thay đổi cũng như bản thân cái nhìn, bản thân sự suy nghĩ của tôi qua thời gian. Trên mỗi bản phác thảo bao giờ tôi cũng ghi rõ ngày tháng. Có những hình hoạ tôi đã phải sửa đi chữa lại trong hàng sáu bảy năm mới đạt được trình độ tương đối hoàn chỉnh hiện nay về mặt hình thể cũng như về màu sắc.

ĐĐ : Đối với nhiều người nghệ thuật trừu tượng, nói chung, thường khó hiểu, khó cảm nhận. Anh có thể giải thích hiện tượng này như thế nào ?

Tuấn : Đứng trước bức tranh trừu tượng có người tự hỏi hoạ sĩ vẽ gì, muốn nói gì, nghĩ ngợi gì ? Bản thân người hoạ sĩ cũng chỉ có thể trả lời một cách chung chung mà thôi, vì cốt nghĩa tranh không phải tùy thuộc ở hoạ sĩ, mà ở người xem tranh. Thực vậy, tranh là hiện vật ít ngôn ngữ nhiều nghĩa, tín hiệu trong tranh đưa ta vào một thế giới riêng tư của hoạ nhân, hiến cho người xem nhiều tầm nhìn khác nhau tùy theo hiểu biết, học vấn của từng người.

Từ thời đại đồ đá, con người muốn truyền đạt thông tin hoặc ghi lại những ý tưởng của mình đã vẽ lên vách đá trong các hang động những hình hoạ tượng hình và những ký hiệu trừu tượng. Rồi do ngày càng muốn nói lên, hoặc ghi lại những ý của mình một cách rõ ràng, chính xác hơn, nên đã phải tìm tòi sáng tạo ra một cái gì để diễn đạt. Cái gì ấy chính là chữ viết. Chữ viết lúc phôi thai cũng chỉ là những hình hoạ dễ đọc dễ nhớ để truyền đạt thông tin. Sau này khi tư tưởng trở thành phức tạp hơn thì những hình hoạ tượng hình lúc đầu cũng biến thể để nhường chỗ cho những ký hiệu trừu tượng nhưng giàu nghĩa hơn. Tranh trừu tượng cũng theo cái đà tiến hoá đó. Thực ra, cái gì cũng vậy, muốn biết muốn hiểu thì phải chịu khó tìm tòi học hỏi.

Hoạ sĩ trừu tượng không tự giam mình trong tháp ngà, trái lại, muốn diễn tả tâm tư mình qua những hình hoạ sâu sắc hơn. Tranh không chỉ vẽ phong cảnh, người, vật, một cách hời hợt, nông cạn, mà là dấu ấn đặc thù của hoạ sĩ. Người xem tranh không bị ràng buộc bởi những chi tiết hay cái nhìn bóp méo hiện thực của hoạ sĩ. Giá trị của tranh trừu tượng là ở trong hình thể, màu sắc, chất liệu và, qua đó, cấu tạo tư duy của người vẽ. Từ lúc khởi thủy tranh trừu tượng (1910) cho đến nay, 80 năm đã qua. Giờ đây chắc không còn mấy ai thắc mắc về vấn đề hiện thực hay không hiện thực nữa.

ĐĐ : Anh vẽ tranh với mục đích gì ? Nghệ thuật của anh có những đóng góp như thế nào trong lĩnh vực mỹ thuật và trong các ngành sinh hoạt xã hội khác ?

Tuấn : Tôi vẽ tranh là vì yêu đời, yêu người, yêu thiên nhiên, muốn ghi lại trên giấy, trên tranh những nhận xét vui buồn ở thời đại mình sống. Từ những năm đầu ở trường Mỹ thuật Hà Nội cho đến lúc tìm thấy con đường riêng, cách diễn tả riêng của mình là một chặng đường dài. Tôi đã từng làm giám đốc mỹ thuật những hãng Publicis, Havas Conseil (Paris), giám đốc mỹ thuật báo Marie Claire, Moto Revue, vẽ kiểu xe cho hãng Renault, vẽ cảnh trí và quần áo cho

Théâtre de la Ville (Paris), Opéra de Strasbourg, Ballet Théâtre Contemporain... Tranh của tôi có mặt ở Musée d'Art Moderne de Paris, Musée de Grenoble, Fondation Stuyvesant (Hà Lan)... Hiện nay, tôi đang cùng với Maryse Eloy, làm giám đốc trường chuyên nghiệp về *Communication visuelle* và *Design graphique* (tạm dịch : *Truyền thông thị giác và Thiết kế hoạ hình*).

ĐD : Anh có những nhận xét gì về nền hội hoạ thế giới hiện nay ?

Tuấn : Nền hội hoạ thế giới vẫn cứ thay đổi như cuộc sống, nghĩa là vẫn có những mode theo nhau càng ngày càng mau. Một cái mode có thể sống độ vài ba năm rồi lại bị lớp sau chèn lên. Tuy vậy cái đẹp vẫn trường tồn muôn thuở.

ĐD : Còn về nền hội hoạ Việt Nam ở trong và ngoài nước ?

Tuấn : Tôi ít có dịp được xem tranh của các hoạ sĩ Việt Nam ở trong nước, ngoài mấy cuộc triển lãm ở Paris, nên xin miễn không nói đến. Còn những anh em Việt Nam ở nước ngoài có những người có tài. Tôi ước mong một ngày nào gần đây sẽ có những cuộc triển lãm được tổ chức ở trong nước với tranh của các hoạ sĩ Việt Nam hiện sống ở nước ngoài.

(Phỏng vấn do Hoài Văn thực hiện ngày 4/02/1994 tại xưởng vẽ của hoạ sĩ Phạm Ngọc Tuấn tại Paris)

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc Hoa Kỳ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 50 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo *Diễn Đàn*.

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Trong sáu tháng cuối năm 1993, cuốn tiểu thuyết **NỖI LOẠN** của Đào Hiếu ⁽¹⁾ đã nổi lên như một sự kiện văn học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cuốn sách được đông đảo người đọc biết đến không nhờ giá trị nghệ thuật của nó mà vì phản ứng của những người cầm quyền sau khi cuốn sách được phát hành. Trong chùng mực nào đó, có thể gọi “ vụ án **NỖI LOẠN** ”, bởi vì đã có lời buộc tội đăng trên báo chí, cuốn sách đã bị tịch thu ⁽²⁾ và tác giả đã bị bắt giam và truy tố ⁽³⁾. So với các vụ án văn nghệ trước kia, đây chỉ là một vụ án nhỏ, song nhìn chung không có gì thay đổi về phương pháp của nhà cầm quyền dùng để triệt hạ một tác phẩm : tác phẩm bị kết án, tác giả bị đi tù, song tác giả không được quyền giải thích công khai về tác phẩm của mình. Chỉ có một điều là ở cuối thế kỷ thứ hai mươi này việc bỏ tù một nhà văn vì tác phẩm của họ không còn dễ dàng như xưa nữa !

Trong lần về thăm Việt Nam vừa qua tôi có dịp nói chuyện với nhà văn Đào Hiếu cũng như nhiều người có thẩm quyền trong giới văn nghệ ở Sài Gòn về cuốn sách và các sự kiện chung quanh nó. Khi đó khả năng anh bị bắt giam đã được nêu ra. Trở lại Âu châu được tin anh bị bắt thật, tôi tự thấy có trách nhiệm giới thiệu những lời trao đổi với anh mà tôi ghi được. Như một chứng từ ! Như quyền trả lời của một người bị buộc tội. Phải nói ngay rằng đây không phải là một phân tích về nội dung cuốn sách ; xin dành phần đó cho bạn đọc hay các nhà chuyên phê bình văn học. Trước khi đi vào phần trao đổi, có lẽ cần nói đôi điều về tác giả cũng như bối cảnh của vụ án.

I/ Tác giả : Đào Hiếu sinh năm 1946 tại Tây Sơn, tốt nghiệp Đại học Văn khoa Sài Gòn năm 1972. Trước 1975 tham gia phong trào đấu tranh của sinh viên, viết văn với bút hiệu Biên Hồ cộng tác với *Bách Khoa*, *Điện tín*, *Tin văn*. Hiện nay là biên tập viên Nhà xuất bản Trẻ, hội viên Hội nhà văn Việt Nam. **NỖI LOẠN** là cuốn sách thứ 14 của anh từ sau 1975. Vợ anh cũng sống trong nghề làm báo. Tiểu sử Đào Hiếu được ghi trong tuyển tập **TIẾNG HÁT NHỮNG NGƯỜI ĐI TỐI** ⁽⁴⁾.

II/ Những sự kiện chung quanh : Câu hỏi đầu tiên đến với mọi người là tại sao **NỖI LOẠN** bị “ đánh ” khi, xét về nội dung và so sánh với một vài tác phẩm khác cùng thời có nội dung “ phủ nhận quá khứ ” hay “ bôi nhọ chế độ ” một cách cơ bản và triệt để hơn, sâu sắc và nghệ thuật hơn. Có thể hiểu được điều này từ một vài sự kiện sau đây :

NỖI LOẠN được phát hành vào đầu tháng 5/1993, ngày 9 tháng 6/1993 báo Sài Gòn Giải Phóng đăng bài báo phê phán đầu tiên. Trong khoảng thời gian đó, Quốc hội bàn về “ Luật xuất bản ” và thông qua luật này ngày 7/7/1993. Theo cách nói của một nhà thơ, luật xuất bản ra đời nhằm “ siết yết hầu văn nghệ sĩ ”. Để ngăn cản mọi dây dưa kêu la của văn nghệ sĩ, nhà nước cần một thí dụ xấu điển hình để biện minh. **NỖI LOẠN** đã được chọn làm con vật tế cho luật xuất bản vì có lẽ nó ra đời không những đúng lúc mà còn hội đủ vài điều kiện cần để chính quyền ra tay :

1. Tác giả **NỖI LOẠN chưa phải là một nhà văn nổi tiếng.** Thật vậy khó đánh một Phạm Thị Hoài vừa in sách ở nước ngoài ⁽⁵⁾, vì nhà văn nữ này đã được biết đến ở ngoài Việt Nam, hay một Lê Lưu vì cuốn truyện **LÀNG CUỘI** ⁽⁶⁾ được xuất bản cùng một lúc với **NỖI LOẠN**, vì tác giả **THỜI XA VẮNG** đã có ít nhiều tiếng tăm trong nước. Đào Hiếu không phải là đảng viên và không có chức vụ quan trọng. Dự luận người đọc sẽ ít xôn xao.

Chung quanh cuốn tiểu thuyết

NỔ LOẠN

của

Đào Hiếu

Đoàn Giao Thuỷ



Henri Matisse

2. Trong **NỔ LOẠN** có vài trang tả cảnh ái ân táo bạo. Rất phù hợp để huy động quần chúng chống văn hoá đồi trụy ! Chưa nói đến việc đánh vào cảm quan thâm kín của nhiều cán bộ đảng viên, dù chẳng phản đối gì về các chi tiết khác của câu chuyện, khó chấp nhận được việc một cán bộ cách mạng làm tình thua một người lính nguỵ !

3. Nhà xuất bản Hội nhà văn đã vi phạm thủ tục xuất bản khi tự ý sửa tên **NỔ LOẠN** thành **NỔ OAN** với mục đích để cho dễ duyệt bởi cục xuất bản, nhưng sau đó vẫn phát hành với tên **NỔ LOẠN**. Nói cách khác không có giấy phép xuất bản cuốn **NỔ LOẠN**. Thêm một chuyện buồn cười trong sinh hoạt văn học Việt Nam.

Việc đánh **NỔ LOẠN** được triển khai trên hàng chục tờ báo trung ương và địa phương. Hãng hải nhất phải kể báo *Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Sài Gòn Giải Phóng, Văn Nghệ TPHCM...*

a/ Một số nhà văn, nhà báo cần lấy điểm với lãnh đạo chính trị.

b/ Một số tờ báo cần đề tài giật gân để tăng số phát hành (7).

c/ Không thể không nói đến yếu tố “ ân oán giang hồ ” trong làng văn, làng báo. Có người muốn qua **NỔ LOẠN** triệt hạ Nhà xuất bản Hội nhà văn ; cũng có người muốn qua Đào Hiếu để đánh Nhà xuất bản Trẻ và qua đó Thành đoàn thanh niên. Mối ân oán giang hồ giữa hai báo *Tuổi Trẻ* và *Công an TPHCM* ngày càng chùng chắt ! (8).

Một điều đáng nói : thêm một lần nữa hiện ra vài nhà văn nhà báo – thối còi sẵn sàng đóng vai trò công tố kết án đồng nghiệp. Điển hình trong sự kiện **NỔ LOẠN** là ông Vũ Hạnh ký tên Năm-Tu-Huýt trên báo *Công an* (9).

Nhìn chung, chính quyền đã đạt thành công tốt đẹp trong vụ này vì chẳng có một ai ở Việt Nam lên tiếng bảo vệ tác phẩm hay tác giả (10). Câu hỏi còn lại là chính quyền sẽ đi tới đâu trong lần thị uy với giới văn nghệ sĩ này. Có lẽ số phận của Đào Hiếu cũng là số phận của đại đa số dân đen, tùy thuộc vào sự vui buồn của vài quan chức nào đó ở trên cao !

III/ Trao đổi với nhà văn :

Đoàn Giao Thuỷ (ĐGT) : Trong hoàn cảnh nào anh đã thai nghén cuốn **NỔ LOẠN** ?

Đào Hiếu (ĐH) : Trước nay tôi thuộc loại tác giả có sách bán ế nhất nước, có lẽ do tôi đã chọn những đề tài khô khan (*Giữa Con Lóc, Người Tình Cũ*, viết về phong trào sinh viên), hoặc vì tôi thích xây dựng nhân vật khác thường (*Vua*

Mèo, Hoa Đại Lang Thang, Kẻ Tử Đạo Cuối Cùng), hoặc xây dựng những chuyện tình khác đời (*Vượt Biển, Trong Vòng Tay Người Khác, Nổ Loạn*), do đó truyện của tôi không gần gũi với độc giả bình thường nên sách bán chậm. Bây giờ thì người ta đổ xô nhau đi tìm...

NỔ LOẠN viết về một bi kịch của tình yêu và hôn nhân, một đề tài cũ. Cái mới nằm trong sự phát triển tính cách nhân vật trong bối cảnh lịch sử nơi xảy ra bi kịch này. Vì người phụ nữ bị bung bít về chuyện tình yêu trong xã hội miền Bắc trước đây ; không có cuộc hôn nhân nào quái đản như cuộc hôn nhân mà nhân vật Ngọc trải qua. Ngọc đã bị bung bít, cấm đoán và đàn áp. Thế là Ngọc nổi loạn : trong tình yêu, hôn nhân, trong gia đình và tình dục. Tại sao không ? Hai mươi năm bị bung bít, chà đạp tình cảm và nhân phẩm thì nổi loạn trong tình dục là một phát triển tất yếu khi Ngọc có được một mối tình. Vài ba đoạn ngắn rả rác tả về quan hệ nam nữ là những đoạn tôi viết mượt mà và thơ mộng nhất. Tôi rất thích những đoạn này bởi chúng đầy ngẫu hứng trong đó phải tinh tế mới thấy được tính nhân đạo của một sự hiến dâng trọn vẹn trong tình yêu.

ĐGT : Bởi thế anh đã bị kết án là bôi lọ miền Bắc, xuyên tạc sự thật...

ĐH : Sự nghèo nàn lạc hậu và sự bung bít của xã hội miền Bắc trong những năm 60-70 là một thực tế. Nhiều bạn bè miền Bắc đều cho rằng tôi đã viết rất thật. Xin nhấn mạnh : những người biên tập và duyệt in **NỔ LOẠN** là những nhà văn có tiếng ở miền Bắc.

ĐGT : Nhiều người cho rằng **NỔ LOẠN** là một “ tác phẩm dịch vụ ” chủ yếu để kiếm thêm chút tiền cho nhà xuất bản. Hình như tác giả không những phải bỏ tiền in mà còn phải trả tiền cho nhà xuất bản ?

ĐH : Ai am hiểu về thị trường sách văn học ở Việt Nam đều biết rằng in tiểu thuyết trong lúc này là vì yêu thích văn học chứ không để kiếm lời. Rất nhiều nhà văn in sách để tặng bạn bè. Tôi vẫn coi văn học là một sản phẩm cao cấp. Sách của tôi đều bán rất chậm vì tôi không viết theo thị hiếu và phần lớn đều in ở những nhà xuất bản lớn có uy tín như Nhà xuất bản Hội nhà văn, nhà xuất bản Văn học, nhà xuất bản Văn nghệ...

ĐGT : Trong **NỔ LOẠN** các nhân vật đều bế tắc ở đường đời, song nhân vật “ thiện ” là một sĩ quan cải tạo còn các nhân vật “ ác ” là cán bộ đảng viên. Anh có ý thức đó là một sự khiêu khích với nhà cầm quyền ?

ĐH : Thông thường nhà văn lấy một mẫu nào đó ở đời để tạo ra nhân vật. Nhân vật này hay nhân vật kia chẳng qua cũng bắt nguồn từ những cái mẫu ngoài đời mà thôi. Tôi không có ý khiêu khích ai cả.

ĐGT : Dường như Hội nhà văn, bạn bè anh và giới văn nghệ không có phản ứng nào trước chiến dịch phê bình **NỔ LOẠN** ?

ĐH : Bạn bè tôi thì nhiều ; người yếu bóng vía thì hỏi tôi có ăn ngủ được không, bao giờ thì đi tu ; họ xúi tôi trốn. Có người cho rằng tôi sẽ bị treo bút, bị khai trừ ra khỏi Hội nhà văn. Một số bạn bè miền Bắc thì không hiểu báo chí Thành phố làm dữ như vậy với mục đích gì, có ai đứng đằng sau muốn triệt hạ nhà xuất bản Hội nhà văn chẳng ? Còn tôi, tôi đóng vai khán giả. Tôi ngồi hàng ghế dưới hút thuốc lá và thỉnh thoảng vỗ tay !

ĐGT : Cách đây mấy năm ông Nguyễn Văn Linh kêu

gọi văn nghệ sĩ hãy “ tự cứu mình... ”. Song có lẽ ai cũng vẫn còn sợ, thấy cô đơn và chỉ biết chờ đợi. Liệu anh có thể tiếp tục viết lách khi bị kỷ luật hay đi tù ?

DH : Khi ông Linh kêu gọi văn nghệ sĩ “ hãy tự cứu mình ” hay “ đừng uốn cong ngòi bút ” thì đó là cách nói hoa mỹ để bảo văn nghệ sĩ hãy tuyên truyền tốt hơn cho chính sách đổi mới của đảng... Trường hợp các báo Văn Nghệ, Sông Hương, Cửa Việt... thì chẳng qua các anh em ấy tưởng lầm là ông Linh nói thật, thế thôi. Tôi chưa hề viết một bài chống tiêu cực nào vì đó là trò trẻ con. Thật ngây ngô khi nghĩ rằng mình không uốn cong ngòi bút khi viết loại văn chương đổi mới. Thời đó tôi đã cho ra đời những nhân vật mang nhiều tính cách viển vông, chế giễu và quay mặt với cuộc sống quanh mình (*Vua Mèo*) hoặc cuồng tín một cách dễ thương, chết ngu ngốc và thánh thiện (*Kẻ Tử Đạo Cuối Cùng*), hay số phận đui mù của một trí thức đi theo cách mạng (*Người Tình Cũ, Hoa Đại Lang Thang*). Tiếc thay, dạo đó người ta đổ xô tìm đọc văn chương chống tiêu cực, văn chương đổi mới. Đó là sự giải toả ẩn ức. Quần chúng luôn là đám đông tội nghiệp ; họ nhẹ dạ và bị lừa liên tục. Nhà văn phải nói cho đám đông biết điều đó. Đương nhiên là dù trong hoàn cảnh nào tôi cũng phải viết. Tôi ghét chính trị và nghi ngờ cuộc sống nên các nhân vật của tôi cũng vậy...

DGT : Gần đây nhiều tác giả đã gửi tác phẩm của mình ra nước ngoài để in vì không có nhà xuất bản trong nước nào nhận in. Anh có nghĩ rằng đây là điều cần làm ?

DH : Đó là một lối thoát cho những tác phẩm có giá trị. Luật xuất bản vừa được ban hành có quá nhiều điều cấm kỵ cho người cầm bút.

DGT : Có người cho rằng xã hội Việt Nam như một trại khổng lồ của những người bị bệnh tâm thần, luôn phải sống với sự nhân đôi nhân cách. Có cơ sở gì để hy vọng rằng xã hội Việt Nam sẽ tiến đến chỗ bình thường hơn, sống thật hơn với suy nghĩ và tình cảm của con người ?

DH : Sống giả là một hậu quả tất nhiên của một xã hội không có tự do tư tưởng. Con người sẽ sống thật hơn khi được tự do tư tưởng và khi nhiều mặc cảm tự ti được xoá bỏ. Nghĩ cho cùng, những người lên án NỔI LOẠN, ngoài động cơ chính trị và cơ hội, còn bị sự chi phối âm thầm của một mặc cảm nào đó về tình dục. Một người yếu về tình dục cũng như một nhà nước yếu về dân chủ và nhân quyền thường chột dạ khi người khác nói về các điều này. Cần phải bồi dưỡng cho họ, dạy cho họ tập thể dục để họ mạnh mẽ, bớt mặc cảm, bớt chột dạ. Xã hội sẽ tự do hơn, dễ chịu hơn, thật hơn.

DGT : Anh đã tham gia nhiều năm trong phong trào sinh viên Sài Gòn. Hơn hai mươi năm sau, bạn bè anh đang sống như thế nào ?

DH : Năm 1988 tôi viết cuốn *Người Tình Cũ*. Nhân vật chính là một trí thức tham gia các phong trào cách mạng tại đô thị miền Nam trước đây. Đó là một cuộc dẫn thân lãng mạn, thi vị và đầy huyền thoại và cuối cùng anh trở thành một người dân chài. Suốt đời anh đi tìm một lý tưởng và anh đã gặp sự cô độc ở chặng cuối cùng. Dĩ nhiên là có nhiều người trong phong trào hiện nay làm quan lớn, song đó chỉ là số ít thôi.

DGT : Nhiều người cho rằng Việt Nam đang thay đổi. Anh cảm nhận sự thay đổi này như thế nào ?

DH : Sự đổi mới hiện nay ở Việt Nam là một sự đổi mới về kinh tế chứ không phải chính trị, tư tưởng. Nếu có

“ thoáng ” hơn trong xuất bản và báo chí (so với thời kỳ bao cấp) thì cũng chỉ thoáng về cách kinh doanh (báo chí có quảng cáo, có chống tiêu cực, xuất bản có cho tư nhân bỏ vốn...) chứ hoàn toàn không thoáng trong tư tưởng. Tóm lại vẫn phải viết một chiều và trong phạm vi đảng cho phép.

DGT : Thường trong một biến động lịch sử của một dân tộc hay trong giai đoạn xây dựng hoà bình, tầng lớp trí thức đóng một vai trò quan trọng. Gần đây, anh Phan Đình Diệu có viết rằng “ ở Việt Nam hiện nay chưa có một giai cấp trí thức ” (1). Là một nhà văn, anh nghĩ sao ?

DH : Tôi nghĩ nhận định này hoàn toàn đúng. Tôi muốn thêm rằng, văn nghệ sĩ – trí thức Việt Nam đa số là hèn. Song song với sự “ trung dũng kiên cường trong chiến đấu ” thì sự hèn hạ và khiếm nhược cũng được rèn luyện trong quá trình tham gia cách mạng. Phần lớn trí thức được thuần hoá. Miếng cơm manh áo và sự an phận đã thắng tất cả. Nó vô hiệu hoá trí thức và biến trí thức thành những người tầm thường. Đó là điều tệ hại hơn cả.

DGT : Thành thực chúc anh được nhiều sức khoẻ và nghị lực để chống chọi với bão táp đang tới.

Đoàn Giao Thuý
(Sài Gòn 9.1993 - Bỉ 12.1993)

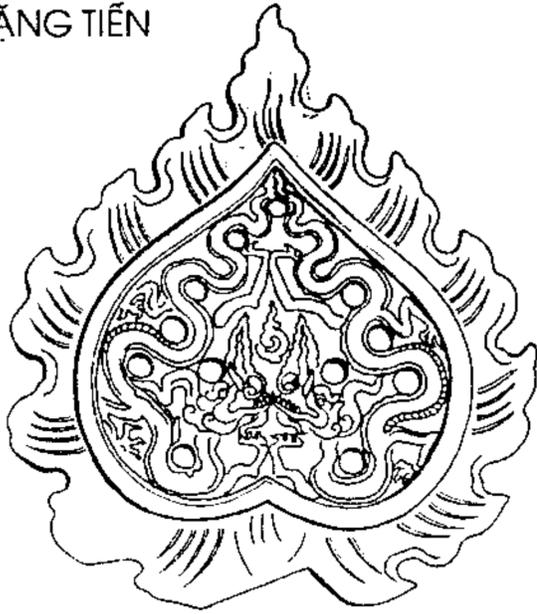
Chú thích :

- (1) NỔI LOẠN, Đào Hiếu, Nhà xuất bản Hội nhà văn, 4.1993.
- (2) Ông Trần Hoàn, Bộ trưởng Văn hoá ra lệnh tịch thu NỔI LOẠN vào ngày 20.7.1993.
- (3) *Diễn Đàn* số 24, 11.1993, trang 7 (cũng trong đoạn đó, chúng tôi đưa tin nhà cầm quyền đã phải trả tự do cho Đào Hiếu, DD)
- (4) *Tiếng Hát Những Người Đi Tôi*, tuyển tập văn nghệ phong trào sinh viên học sinh miền Nam trước 1975, nhà xuất bản Trẻ, 1993, trang 257.
- (5) *Diễn Đàn*, số 20, 6.1993.
- (6) *Chuyện Làng Cuối*, Lê Lựu, Nhà xuất bản Hội nhà văn, 7.1993.
- (7) Đây là một thực tế. Số phát hành các báo ở TP HCM trượt dốc trong năm qua. *Tuổi Trẻ* còn dưới 100.000 tờ so với hơn 250.000 tờ vào năm 1988-1989 ; *Phụ Nữ TP HCM* dưới 70.000 tờ. Tuần báo *Văn Nghệ* phát hành trên cả nước chỉ được 25.000 tờ, còn *Văn Nghệ TP HCM* chỉ dưới 8000 tờ. Chỉ có *Công An TP HCM* là bán chạy nhờ tin giật gân, hình sự.
- (8) Nổi tiếng nhất là việc ông Phan Thanh nguyên trưởng phòng hình sự công an TP HCM bị tán gia bại sản vì loạt bài báo *Tuổi Trẻ* về ổ mại dâm Đường Sơn Quán (1990). Trục tiếp hơn, khi ông Huỳnh Bá Thành, tổng biên tập báo *Công An* qua đời vào tháng 4.1993, Đào Hiếu có viết một bài văn tế bạn và truyền miệng trong giới văn nghệ Sài Gòn. Dù không có ác ý, một vài lời lẽ châm chọc đã không được bỏ qua... Nếu tôi không lầm, báo *Tuổi Trẻ* không hề đưa tin về NỔI LOẠN.
- (9) Năm-Tu-Huyết là một bút hiệu của nhiều người viết báo *Công An*. Song có nhiều dấu hiệu để nghĩ rằng các bài báo về vụ NỔI LOẠN là của ông Vũ Hạnh. *Ironie du sort*, vào những năm 60, Chu Tử làm nhà văn-thời còi cho cảnh sát tổng giam Vũ Hạnh, còn hiện nay Vũ Hạnh giành cầm tu huyết thời đồng nghiệp. Phải chăng đó là mục đích làm cách mạng của ông ?
- (10) Dĩ nhiên phải nói đến những người được “ lời ” trong vụ này là những lái sách in lậu, bán lậu cuốn NỔI LOẠN trước và sau khi sách bị tịch thu. Người viết bài này đã phải mua cuốn sách với giá 150.000 đồng vào đầu tháng 9.1993 tại Sài Gòn trong khi giá ghi trên sách chỉ 15.000 đồng !
- (11) *Diễn Đàn* số 20, 6.1993.

Thơ Hoàng Cầm
TRUYỀN THỐNG & HIỆN ĐẠI (IV)

Men đá vàng

ĐẶNG TIẾN



Một lời quan họ bay lên đốc

Năm 1956 Hoàng Cầm sáng tác và in tập thơ *Tiếng hát quan họ*. Thời gian này, anh phụ trách bài vở cho *Giai phẩm Mùa Xuân*, đã tìm ra và tự ý cho đăng bài thơ *Nhất định thắng của Trần Dần*, ngòi thuốc nổ vụ án *Nhân văn – Giai phẩm* về sau. Trần Dần bị bắt, Hoàng Cầm viết hồi ký *Con người Trần Dần* để bênh bạn, đăng trên báo *Nhân văn* số 1 giữa tháng 9.1956. Bài báo khá dài, phản ánh không khí văn nghệ, chính trị thời đó, đã được Georges Boudarel dịch trọn vẹn ra tiếng Pháp¹. Sau đó, Hoàng Cầm còn có bài thơ *Em bé lên sáu tuổi* (1956) và vở kịch thơ *Tiếng hát* (1957) nổi tiếng vì tính cách phản kháng.

Nhắc lại chuyện cũ để tìm hiểu động cơ của tác giả khi làm tập thơ *Tiếng hát quan họ*, lấy một chủ đề cũ để làm một tập thơ mới, trong không khí đấu tranh chính trị thời đó. Về hai tập *Giai phẩm*, Hoàng Cầm đã “tự hào”: « Tuy chưa phải là những sáng tác xuất sắc, nhưng ít ra nó cũng nêu được một vấn đề gì. Có vấn đề xã hội trong thơ Văn Cao, có vấn đề chống công thức trong thơ Lê Đạt (...) Bài thơ *Nhất định thắng của Trần Dần* ít ra nó cũng khác với lối làm thơ một chiều... »². Thế còn Hoàng Cầm, người đã có tập thơ in chung với Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần? *Tiếng hát quan họ*, ngoài giá trị tâm cảm, nhất định phải có giá trị phản kháng.

Về tâm cảm, Hoàng Cầm sinh ra trong một gia đình quan họ, lớn lên trên quê hương quan họ, tập thơ ca ngợi một khía cạnh đặc sắc trong một vùng văn hoá. Nhưng tiếng hát còn là hình tượng: nó biểu dương cho nền văn nghệ tự do, bình đẳng, độc lập trước chế độ xã hội phong kiến. Thời điểm đầu 1955, Hoàng Cầm đòi quyền độc lập đó, trong một “*đề nghị chính sách văn nghệ*”² và tố giác thứ văn chương cung đình

Vịnh người đi cày bằng đá
Không nói năng gì sau đuôi trâu

Bên kia sông Đuống, tr.107

Đây là một khuynh hướng quan trọng trong thơ Hoàng Cầm, chúng tôi chưa đào sâu, không phải là vì không thấy hay né tránh, nhưng vì khuôn khổ và tính cách của bài viết.

Tôi sẽ trở lại vào một dịp khác.

Tiếng hát quan họ nêu lên vai trò, tính cách của văn nghệ trong cuộc sống. Trước hết, nó nhận làm một thành phần nhỏ của cuộc đời:

Chép hết bài ca chưa hiểu hết lòng người

Dụng được bài ca chưa xây dựng cuộc đời

Bên kia sông Đuống, tr.117

Nhưng nghệ thuật làm cho cuộc sống cao lên, rộng ra và đẹp hơn:

Tiếng hát quan họ

Và trai gái quê tôi trẻ đẹp vô cùng

Nhảy khỏi vòng nia

Nhảy sang vòng nong

Từ hòn đá ném ao vòng tròn rộng mãi

(...) *Vòng nhỏ*

Vòng to

Đến vòng nào nữa

Chân mây mở rộng từng mùa

Bên kia sông Đuống, tr.118

Cuộc đời là những vòng tục luy, có hình thể quy định như những vòng nong, vòng nia hay vô định và bất tận như khi ta ném hòn đá xuống ao. Nghệ thuật giúp con người nổi rộng những vòng nghiệp chướng. Vòng nong, vòng nia là hình ảnh của nông thôn mà nhà thơ đã tích lũy; động tác *nhảy khỏi, nhảy sang* nhắc lại cảnh múa sạp của dân tộc Tây Bắc mà Hoàng Cầm đã dày công nghiên cứu và cải biên thành nghệ thuật trình diễn chuyên nghiệp, thời anh chỉ huy Đoàn văn công Tổng cục chính trị. « Tôi đã nâng số lượng sạp từ 2 lên 8 cây, từ 2 diễn viên gõ sạp lên 8 và từng đoạn luân phiên với diễn viên múa, vào nhảy để 8 anh chị em khác ra ngồi gõ. Sau chiến thắng Na Sản Tây Bắc 1953 tôi lại bổ sung (...) Toàn bộ tiết mục đã trở thành một khúc vũ hội tung bùng (...) Múa quạt ở vùng xuôi hoà với múa xoè ở Tây Bắc, lượn của Đông Bắc quyện cả với múa nón của Trung Du (...) không nét nào trùng lặp với nét nào; các đường cong, nghiêng, thẳng của hình thể, phải đi đúng khuôn nhịp, không một đường uốn lượn nào được phép trật nửa bước ra ngoài »³.

Nghệ thuật ở đây tạo điều kiện cho con người *nhảy khỏi vòng nia, nhảy sang vòng nong* của cuộc sống. Quan họ cũng vậy thôi, là một nét đẹp xưa, quyến rũ và mong manh:

Mẹ kể chuyện ngày xưa xa lắm

Tháng tám ao hồ mát lạnh

Làng quê còn náu lại hương sen

Hai mươi gái trai

Thả một con thuyền

Song song mười đôi

Mắt nhìn trong mắt

Nón nghiêng tầm tắp

Ngày mai ai chắc được gần ai

Bấy nhiêu con mắt

Cùng hát một câu

Nghe giọng biết người chung thủy

Bên kia sông Đuống, tr.98

Quan họ, trước tiên, là tình bạn. Có gì đẹp bằng tình bạn thủy chung? Đôi bạn quan họ không được kết hôn với nhau. Năm mươi năm sau khi đi lấy chồng xa, cô gái vẫn *nhớ giọng, người gầy như nhánh mai*:

Rồi chị Tư tay bông tay bế

Mỗi năm một lần về quê hương
Đến thăm anh Năm so giọng cũ
Hát hết tuần trăng không hết thương

Bên kia sông Đuống, tr.103

Đẹp bao nhiêu những con người chung tình với một giọng hát, ngọn gió qua cầu :

Mẹ xưa đối bà, con nay đối mẹ
Tình không đối được nhịp cầu

Bên kia sông Đuống, tr.100

Làm thơ, rất khó mà nói đối được lâu.

Cuộc đời, ở đâu, thời nào cũng vậy, đan kết những tranh chấp, bon chen. Tiếng hát quan họ giải thoát : so lời sánh giọng, người hát không nề hà hai chữ được thua :

Hát thì ba mươi sáu giọng bổng trầm
Tìm những anh chàng hát thua
(...) Chúng ta sẽ ước làm chồng

Ngày hội năm sau
Anh sẽ bắc giàn hoa lý
Mời em về ngồi nghỉ
Khi nào em hát thua anh

Bên kia sông Đuống, tr.99

Nghệ thuật, trong một giây lát nào đó, giải phóng con người nhọc nhằn và nhục nhằn, ra khỏi xã hội phong kiến đen ngòm :

Trai gái trong xã
Rút ống chân khỏi mực đen ngòm
Chạy ra bến sông khoả ánh trăng mát rợi
Tiếng hát cất lên nhuộm mùi hoa bưởi

Bên kia sông Đuống, tr.109

Câu thơ Hoàng Cầm không hiện thực, không đúng với thực tế quan họ và xã hội. Không ai thoát thân chạy ra bờ sông mà hát. Hát quan họ phải có nơi, có lúc, vào đám, vào hội, theo nghi thức, theo lề lối, áo khăn, lời thưa tiếng gửi ; làm gì có chuyện hát ào ào chân khoả ánh trăng. Nhưng câu thơ đúng với biểu tượng văn nghệ : nhiệm vụ văn nghệ là giải phóng con người ra khỏi áp bức của những chế độ hay những hoàn cảnh, thực tại éo le. Trong chùng mực nào đó, quan họ giải phóng giai cấp : cô gái quan họ dù có lúc trở thành Ý Lan phu nhân hay Bà chúa Chè thì bản thân quan họ vẫn khẳng định “ *Tiếng hát không biết đi vòng rào* ” và công phá những thành lũy của phong kiến

Tiếng hát chiều nay đá lắng tai nghe
Muốn cựa mình đổ xuống
Nghiến vụn toà lâu gác ngưỡng
Xây nên trăm bực gập ghềnh
Để em có đường lên núi tìm anh

Bên kia sông Đuống, tr.114

Vẫn là cái nhìn lý tưởng hoá. Tách rời ra khỏi xã hội, trong khuôn khổ những hội hè, tiếng hát quan họ giải phóng con người về nhiều mặt — kể cả giai cấp. Những liền anh liền chị là những nông dân hay thị dân nghèo kết nghĩa bằng nghệ thuật, không phân biệt địa vị. Giới khoa bảng, quan lại và tư sản không tham dự vào những sinh hoạt dân dã bình đẳng và phi giai cấp ấy. Người hát kết bạn, luyện giọng, tổ chức, sáng tác, trình diễn, thưởng thức và phê phán, làm thành một xã hội khép, với những lề lối, quy luật, tư duy, rung cảm riêng : quan họ là một ốc đảo giữa xã hội nông nghiệp phong kiến, và tồn tại lâu dài, phần nào, nhờ thoả

hiệp. Hoàng Cầm cũng thừa nhận điều đó khi anh tố cáo gay gắt xã hội phong kiến qua cụ tiên chỉ gian xảo và tàn ác.

Văn nghệ quan họ có giá trị nhất định và giới hạn nhất định. Nếu xem thơ Hoàng Cầm là niềm u hoài, vọng lại một nền văn hoá đã vang bóng, thì chúng ta có được nhiều bài thơ hay, giữ lại và truyền đi những tình hay ý đẹp về quê hương, đất nước. Nếu xem *Tiếng hát quan họ* như một hoài bão, thậm chí một thông điệp văn nghệ, thì chúng ta cần cập nhật hoá nó, bằng nhiều tác phẩm khác. Thời điểm gian nan 1956 tại Hà Nội, Hoàng Cầm làm được những bài thơ như vậy là đầy sĩ khí. Tôi không tiện nói nhiều về khuynh hướng phản kháng trong *Tiếng hát quan họ* vì không hợp với nội dung bài này. Từ ấy đến gần đây, dù bị cô lập và cấm đoán in ấn, anh vẫn âm thầm sáng tác và tạo được tác phẩm giá trị, làm giàu làm có cho dòng thơ Việt giữa hai bờ truyền thống và hiện đại. Bằng tác phẩm và bằng cả cuộc đời, tác giả *Bên kia sông Đuống* đã đóng góp vào cuộc đấu tranh giải phóng văn nghệ, mãi cho đến lúc “ *nghe lửa reo mòn tuổi tác* ”.

MEN ĐÁ VÀNG : những mảnh đời rạn vỡ

Men đá vàng là tập thơ có sắc thái và địa vị riêng biệt trong tác phẩm Hoàng Cầm. *Truyện thơ về người thợ gốm Bát Tràng* làm năm 1973 in 1988, gồm phần dẫn nhập bằng văn xuôi thi vị, 13 trang và bốn chương thơ tự do, diễn tả tâm tình bốn nhân vật, ba người thợ gốm : cô gái Phong Kiều, người chồng, người cha và một người bạn đục đá. *Truyện kể* : người chồng mê chơi đi hoang, người vợ chờ mong hoá đá ; chồng về hối hận khóc than, nước mắt thấm vào tuôn đá, bột đá hoà lệ thành *men đá vàng*, người cha *nghệ sĩ tạo hình* nung lửa tạo nên men gốm, trên đó cô gái Phong Kiều hồi sinh dưới hình tượng nghệ thuật : « *Từ chiếc bình men rạn nổi hình con phượng muôn màu ngậm mặt trắng nghiêng, cô gái Phong Kiều vươn vai đứng dậy (...)* Trong bản tình ca hoà tấu tuyệt diệu của âm thanh, màu sắc, đường nét núi sông cây cỏ, Phong Kiều múa rêu bần tay làm hoa mưa hoa nắng. Cụ Hồng Châu đắm nhìn công trình sáng tạo tuyệt vời của con người Việt Nam và của chính mình » (tr. 20-21).

Dụng tâm tác giả khá rõ : một mặt ca ngợi nghệ thuật làm gốm lâu đời của quê anh, qua đó, anh nêu lên quá trình gian khổ của lao động nghệ thuật. Mặt khác, anh muốn dựa vào hư cấu đậm màu huyền thoại để thí nghiệm một ngôn ngữ thi ca mới, bằng cú pháp, nhịp điệu và hình ảnh khác lạ. Khi dồn hết tâm can vào việc kiến tạo ngôn ngữ, Hoàng Cầm cũng đã giải bày nhiều tình cảm riêng tư : *Men đá vàng* có lẽ là tác phẩm Hoàng Cầm mang nhiều ẩn ức và u uẩn nhất.

Trong việc suy nghĩ, biên khảo về thơ trước đây, trong một thời gian dài, đã xa, tôi có chịu ảnh hưởng nhà bác học Gaston Bachelard, về những mạch thơ tuôn ra từ thể chất, từ không gian, từ *tứ tượng* trong vũ trụ quan phương Tây : đất, nước, lửa và không khí. Khi đọc thơ Hoàng Cầm về nghề gốm, tự nhiên, tôi nhớ lại Bachelard : gốm là hợp thể giữa đất và nước, thành hình trong ngọn lửa bùng trong không khí. Bachelard lại có những trang tuyệt vời về ngọn lửa tình và lửa đục⁴ thêm vào những suy nghĩ sâu sắc, độc đáo về thao tác quấy bột, gột hồ, nhào bột dầy men⁵. Gốm, từ vô thể biến thể thành hình thể, từ chất liệu vô tri hoá thân trong ngọn lửa, trở thành đường nét, màu sắc mang tâm tình, suy tư, mơ ước của con người. Đẹp quá. Tôi mang ngọn lửa trần gian soi vào thi phẩm *Men đá vàng*.

Tôi cũng có ít hành trang khác. Trong *Về Kinh Bắc*, Hoàng Cầm đã có những chùm thơ về ngũ hành : kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Lại có chùm thơ về thực vật : Cỏ, Cây, Lá, Quả, về không gian : Gió, Nước, Khói, Sương, chúng tỏ có lúc nào đó, nhà thơ đã suy nghĩ về chất liệu, tư duy từ chất liệu. Trong cội nguồn thi hứng của anh, phải chăng đã có những giấc mơ thành hình từ thể chất, như Bachelard đã nói ?

Và khi chọn nghề gốm để biểu trưng cho nghệ thuật, phải chăng lúc đầu — hay trong tiềm năng — Hoàng Cầm muốn tìm về những chất liệu sơ khai và “ ánh lửa sơ sinh ” để nhào nặn nên một tác phẩm mới ? Nghề gốm Bát Tràng là cơ hội lý tưởng, là truyền thống của quê hương mà anh thuộc lòng ngõ ngách. Nghề gốm đòi hỏi cần lao, kỹ thuật, nghệ thuật và... may mắn, vì những thành quả bất ngờ gợi nên cõi huyền bí của thiên nhiên, chiều sâu tạo vật. Hòn đất vươn lên theo ngọn lửa, hoá thân thành chim muông, hoa lá, những rồng chim phượng nổi, “ màu son của đất pha ánh biếc của nước non (...) màu vàng của ngô lúa pha ánh hồng của những rặng đông huyền thoại ” (tr.18). Có cả tình yêu và tình dục bập bùng trong ánh lửa. Cô gái Phong Kiều, hình ảnh hoàng tử của Nàng Thơ âu yếm với ba người đàn ông cùng một lúc, cầm tay người chồng đã “ ngày đêm canh sức lửa ”, kề vai người bạn thợ đá, “ ôm cả hai vai anh, run rẩy đặt môi hôn lên vầng trán ”, và “ đắm thắm nở nụ cười quyến rũ ” (tr.21) với chàng tuổi trẻ ái mộ nàng trên con đường đi tìm tình yêu và nghệ thuật.

Muốn đạt tới kết quả đó, bàn tay thao tác đã tư duy. Trí tuệ có khi chỉ nổi dài tư duy của bàn tay. Nhào nặn thể chất, rung cảm bằng thể chất, bàn tay tiếp xúc, khám phá, mơ mộng và sáng tạo ngoài sự tham dự của trí tuệ. Đây là bài học của người thợ gốm “ mùi ngón tay chai tạc vỏ ngựa vàng cổ lý ”.

Một tiểu phẩm thủ công, khi vươn đến nghệ thuật, cũng đòi hỏi tâm huyết :

Xương đất quánh ngà ngà pha lệ đỏ
 Bụng gan hồng thạch
 Dạ kim cương
 (...) Nghe
 lửa réo lò hồng
 em nín vai anh mê ly
 từng li ti mi li đất chín

Men đá vàng, tr.32-34

Đến lúc người cha nghệ sĩ tạo hình truyền lệnh :

Men màu đâu ? Lên ngôi !
 Men nâu lên
 mình nịch vóc lực điền
 vương ngô lúa
 tròn ao cá chép
 vương mùa xanh
 tròn tiếp mùa vàng
 (...) Men rạn lên ngôi
 tia máu đan mảnh che bão táp
 Nẻo người đi chẳng chịt mấy mụm năm
 ngang dọc nước sông Hồng

Men đá vàng, tr.46-48

Từ chuyện gốm Bát Tràng, Hoàng Cầm đã sa đà vào phong cảnh đất nước quê hương, qua địa lý, lịch sử, cho Văn Lang, Hồng Bàng, lớp lớp cánh cung căng mùa dân tộc hát,

tiếng trống đồng Ngọc Lũ vang đến Sao Đẩu Sao Ngưu... Nhưng anh mỗi lúc một xa chủ đề trung tâm, là... cái lò nung gốm.

Truyện người thợ gốm lẽ ra sẽ giản dị là chuyện hai bàn tay tạo tác, đào luyện, nhào nặn, nung đúc một chất liệu dẻo dai, gắn bó, bền chắc keo sơn, thành những đồ sành đồ sứ men ngọc men nâu nổi tiếng từ thời Trần thời Lý. Nhưng người đọc không thấy được sự hình thành của nghệ thuật qua những tác phẩm vững chãi, rắn rỏi với thời gian, mà chỉ thấy sau nhiều đợt hô phong hoán vũ, những chia ly, tan tác chủ yếu là tâm sự Hoàng Cầm, người cha xa con, người chồng âu hận, người bạn hồi tâm. Những tình cảm đó đáng kính đáng trọng, lời thơ tế nhị hơn những bài tâm sự sau này trong tập *Lá diêu bông* (1993), nhưng vẫn làm loãng men đá vàng trong chủ đề. Hoàng Cầm yếu đuối, lạc đường vào tâm sự và lỗi hẹn với Đá Vàng ; anh làm lỡ cuộc tình bỏng rát giữa lửa hồng và đất mịn.

Điều còn lại trong *Men đá vàng* sẽ là niềm nhớ mong da diết của người cha :

Thương con đúng thương
 đá vàng men gọi ngồi thương
 Con hỏi Phong Kiều về đó
 Men màu mơ giọt đỏ đọng lòng tay
 rôm máu mẹ cha sinh
 Thương con chín thương
 đá vàng men gọi mùi thương
 Con hỏi Phong Kiều về đó

Men đá vàng, tr.50

Hay bản tình ca tha thiết của người yêu :

Đá hãy lên men
 Nổi khúc tiêu bông cánh nhọn
 Em nhớ thương ai
 Ta làm mưa đưa trầm ngải
 Trái ngàn xanh về hàn đắp hồn đau
 Sớm đã da non hồng phấn dậy thì
 Em xót thương ai
 Ta làm ánh chớp (...)
 điu sợi tóc mai về thềm mai lất phất
 Em mong chờ ai
 Ta làm rơm ổ
 Chiều thu ru lá đỏ ấm vai gầy

Men đá vàng, tr.60

Men đá vàng mong được hiểu theo nghĩa thứ hai : lớp men nhớ nhưng trắng lên kỷ niệm đau thương những cuộc đời tan tác, hơi men đắng cay bốc lên từ cảnh đá nát vàng phai, bình tan gương vỡ. *Men đá vàng* khô se manh áo tân hôn cuối giường em gửi lại (tr.39). Tác phẩm là những mảnh tan vỡ của ngôn từ, rạn nứt từ cuộc đời ngang trái.

Đặng Tiển

Noël 1993

¹ Georges BOUDAREL, *Cent Fleurs écloses dans la nuit du Vietnam*, nxb. Jacques Bertoin, Paris 1991, tr. 26 đến 46.

² Hoàng Cầm, *Con người Trần Dần*, *Nhân Văn* số 1, từ 10 đến 20 tháng 9.1956, Hà Nội, tr. 2 và 4.

³ Hoàng Cầm, *Tử Phác với điệu Múa Sạp*, *Tạp chí Âm nhạc*, Hà Nội số 4-1993 Xuân 1993.

⁴ Gaston BACHELARD, *La psychanalyse du feu*, Gallimard, Paris 1949, chương 4.

⁵ Gaston BACHELARD, *L' eau et les rêves, Essai sur l' Imagination de la matière*, José Corti, Paris 1964, tr. 142-154.

Xuân Quỳnh
Hoa Cỏ May

Cát vàng, sông đầy, cây ngấn giọt
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa
Tên mình ai gọi sau vòm lá
Lời cũ em về nay đã thu
Mây trắng bay đi cùng với gió
Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ
Đắng cay gửi lại bao lời cũ
Thơ viết đôi dòng theo gió xa.
Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may
Áo em sơ ý cỏ găm đầy
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói
Ai biết lòng anh có đổi thay ?

Võ Quê

Thơ tặng một đàn tranh

Đêm sông Hương thuyền ta bỗng bẽnh
Nhiếp phách buồn thu lạnh
Khúc nam bình sâu lắng
Không có em thánh thót đàn tranh

Em ra đi bỏ lại dòng xanh
Bỏ lại bạn bè tri kỷ
Ai đồng điệu nơi góc trời xa xứ
Với em như phương này ?

Khuya lênh đênh thuyền trôi đăm say
Anh chệnh choáng kiếm tìm giọt nhớ
Cung khuyết cung đầy
Mười sáu dây trăn trở
Chừ em đàn ai nghe ?

Giữa hồn em còn một dấu quê ?
Bờ tre xanh trước nhà em gió lên rười rượi
Mỗi tối anh đưa em về vội
Con đường nghiêng theo tiếng xẹ lăn

Mười sáu dây tình tự mỏng mảnh
Em không còn ở lại
Rớt vào lòng anh những giọt buồn khắc khoải
Cung bổng cung trầm
Chừ em đàn ai nghe ?

Sông Hương
Vu Lan 1990
Văn Nghệ số 2 (1994)

Phùng Quán

Trầm

Thoạt nhìn tưởng củi mục
Cháy lên mới thấy thơm
Kiếp trước trầm đích thực
Anh hùng và thi nhân
1988

Trăng

Trăng du đãng ngủ nhờ thêm lạnh
Muốn mời vào, nhà không chiếu chấn
Tỉnh giấc trăng đi còn để lại
Nước mắt đầy thêm tạ cố nhân

Nguyễn Duy

Được yêu như thể ca dao

Bao giờ cho tới ngày xưa
yêu như các cụ cho vừa lòng ta
cái thời chưa nhiễm SIDA
yêu lẫn yêu lóc la đà đã chưa

Được yêu như các cụ xưa
cũng trăng gió cũng mây mưa ào ào
được yêu như thể ca dao
đủ phờ phạc đất đủ lao đao trời

Tây Tàu cũng thế thì thôi
y chang cay đắng ngọt bùi khổ đau
không trầu mà cũng chẳng cau
làm sao cho thắm môi nhau thì làm

22.12.1993

(SGGP, Xuân 1994)

Lê Thị Kim

Kinh chiều

Gió rờ dại xui em rờ dại
Theo gió tìm lối hẹn ngày xưa
Chỉ còn đó vườn lá xanh thối thức
Tiếng nói cười âm vọng tím chiều mơ

Em vẫn thích đóng đinh mình trong kỷ niệm
Không có anh và cũng chẳng cần ai
Mình em hát với lòng em nỗi nhớ
Với mối tình cứu rỗi đời em ơi
10.12.1993
(Văn nghệ TPHCM Xuân Giáp Tuất)

tản mạn về một dòng thơ

Văn Ngọc

Trong một cuộc gặp gỡ ở Huế ngày 14-5-1988 giữa Trần Dần, Phùng Quán với vài ba nhà văn, nhà thơ đất Thần kinh, có Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Quang Lập, Vĩnh Nguyên, Ngô Minh, nhà thơ Trần Dần đã trả lời nhà thơ Ngô Minh về vấn đề thế hệ các nhà thơ trẻ như sau : “ Thế hệ trẻ à ? Tôi cứ đợi mãi. Nó bị trong vòng vây của văn chương Cung đình, tôi sốt ruột đợi lớp trẻ đủ sức lớn lên để chôn bọn tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến ”. Câu nói thẳng, không câu nệ, cũng không quá đáng. Chữ “ chôn ” ở đây phải hiểu theo nghĩa : làm khác đi và nếu có thể, vượt xa hơn. Chôn không phải là không thêm biết đến nữa, vì ở một chỗ khác, Trần Dần nói : “ Ca dao là một ông thầy phải đặt ngang như Nguyễn Du, Cao Bá Quát. Phải học, để mà chôn đi ” cũng là nói trong ý đó.

Câu trả lời của Trần Dần về thế hệ trẻ, nêu ở trên, tóm lược một cách khá cô đọng tất cả cái quá trình phát triển cũng như ngưng đọng của thơ Việt Nam hiện đại.

Thật ra, những nhà thơ “ trẻ ”, hiểu theo cả hai nghĩa, nhất là nghĩa bóng, tức là xông xáo, không công thức, không sáo rỗng, dám nghĩ, dám nói, đã có mặt trên thi đàn từ một số năm nay, mặc dầu không đông lắm, kể từ những người đã thành danh như : Nguyễn Duy, Việt Phương, Trần Mạnh Hảo, Thanh Thảo, Bùi Minh Quốc, Trần Vàng Sao, v.v... Ngoài ra còn không biết bao nhiêu tài năng “ trẻ ” khác, ở trong cũng như ở ngoài nước, mà người ta chưa đánh giá được hết.

Ở đây, tôi cũng xin mở một dấu ngoặc : trong bài này tôi sẽ không nói đến cả một thế hệ nhà thơ đã có những đóng góp không nhỏ cho nền thi ca Việt Nam từ sau Cách mạng tháng tám, trải qua hai cuộc Kháng chiến cho tới bây giờ, những nhà thơ mà tôi đã yêu thích một thời và ngay cả đến bây giờ thỉnh thoảng họ vẫn có những bài thơ mà tôi thích, mặc dầu không ở trong dòng thơ mà tôi muốn giới thiệu với bạn đọc hôm nay. Tôi cũng sẽ không nói đến những trường phái thơ đã tồn tại ở những thành thị miền Nam từ giữa thập kỷ 50 cho đến 1975 do không có đủ tài liệu để tra cứu.

Dưới đây là một số trích đoạn thơ của những nhà thơ trẻ đã nêu tên ở trên mà tôi cho là đã thoát khỏi những “ clichés ” sáo rỗng hiện đang vẫn còn tràn ngập trên thi đàn từ mấy thập kỷ nay, trong đó người ta không bắt gặp được những tư tưởng, tình cảm thật, những rung động, những nỗi trăn trở, vui, buồn và khát vọng của con người sống trong thời đại mình.

Trước hết là bài thơ *Cuộc đời như vợ của ta ơi* của Việt Phương. Bài thơ này có cái lai lịch anh dũng của nó : Việt Phương hồi đó là thư ký riêng của thủ tướng Phạm Văn Đồng. Sau khi cho xuất bản nó trong tập thơ *Cửa Mở* của anh năm 1970, anh đã bị mất chức. Việt Phương là một trong những người đầu tiên đã dám nói lên những sự thật trái tai ngay trong giữa thời kỳ văn học “ minh họa ” và xưng tụng :

Năm xưa ta nói rất nhiều về “ cực kỳ ” và “ hết sức ”
Tội nghiệp là ta nói chân thành rất mực
Chưa hiểu rằng “ trời ” còn xanh hơn cả “ trời xanh ”
Ta thiếu sự trầm lặng cũng do bởi nhiệt tình.
Ta cứ nghĩ là đồng chí rồi không còn ai xấu nữa
Trong hàng ngũ ta chỉ dành chỗ cho yêu thương
Đã chọn đường đi chẳng ai dừng ở giữa
Mạc Tư Khoa còn hơn cả Thiên đường...

Cửa Mở, 1970

Nguyễn Duy, một nhà thơ bộ đội, dày dạn ở chiến trường miền Trung trong nhiều năm, đã có những bài thơ được chú ý ngay từ những năm 72-73, với tập thơ *Cát trắng* (1973). Nhưng anh chỉ bắt đầu đề cập đến những vấn đề đời thường từ những năm 80 trở đi. Người ta có thể thấy được cái phong cách đặc biệt, hơi đùa cợt và bất cần đời của Nguyễn Duy trong bài *Đánh thức tiềm lực* và nhiều bài khác cùng loại :

Tiềm lực còn ngủ yên
trong lớp da biếng lười cảm giác
Năng động lên nào
từ mỗi tế bào, từ mỗi giác quan
Cố nhiên cần lưu ý tính năng động của cái lưỡi.
Cần lưu ý
lời nói thật thà có thể bị buộc tội
lời nịnh hót dối lừa có thể được tuyên dương
đạo đức giả có thể thành dịch tả
lòng tốt lơ ngơ có thể lạc đường.....

Cái trăn trở nhức nhối trong thơ Nguyễn Duy còn được thể hiện qua những câu thơ tuy dí dỏm, nhưng thật ra cay đắng. *Nhìn từ xa...Tổ Quốc* là một bài thơ anh sáng tác trong một chuyến đi sang Mạc Tư Khoa :

Có một thời ta mê hát đồng ca
chân thành và say đắm
ta là ta mà vẫn mê ta
Vâng — đã có một thời hùng vĩ lắm
hùng vĩ đau thương hùng vĩ máu xương
mất người chết trùng trùng không chịu nhắm
Vâng — một thời không thể nào phủ nhận
tất cả trôi xuôi — cấm lợi ngược dòng
Thần tượng giả xèo xèo phi hành mở
ợ lên thum thum cả tim gan...

Nhìn từ xa...Tổ Quốc, 1988

Cũng trong một trường hợp tương tự, Trần Mạnh Hảo có bài *Đêm phương Bắc nhớ về Tổ Quốc* :

Nửa nước tôi giờ này cuốn trong rơm rạ
Biển dạ dày còn sóng Thái Bình Dương
Tiếng một nghìn đêm kẻo nhà đôi võng
Từ đỉnh cao tập bước xuống đời thường
Đất nước tôi thuyền vô trấu vờn đỉnh sóng
Số phận neo người vào bóng Trường Sơn...

1988

Thơ Trần Mạnh Hảo hay có những ý và hình tượng độc đáo. Dưới đây là bài *Vĩnh biệt* nói lên thân phận con sáo bị cắt lưỡi để nói tiếng người :

Vĩnh biệt
Còn hơn cả sự chết
Khi kéo người cắt lưỡi tôi
Một nỗi đau khôn xiết
Sao tôi lại phải khóc cười ?
Ôi tiếng hát tuyệt vời người không hiểu
Và tiếng người nào tôi hiểu người ơi
Tôi có còn là con sáo
Khi phải học tiếng người ?.....

Vĩnh biệt tiếng hát, 1983, Sông Hương số 31

Thanh Thảo, một tài năng độc đáo, cũng đã từng là nhà thơ bộ đội. Thơ anh xúc tích, giàu hình tượng, giàu suy nghĩ, giàu ý nghĩa tượng trưng :

*trên đất nước trận bão đen tàn hại
bầy châu chấu từ đâu về che kín mặt trời
lúa te tấp mặt người xanh xám
dài làm sao những buổi chiều trống rỗng
bụng quắt queo kiến bò
cái dốt thật tình xuống hai hàng nước mắt
nào phải chuyện văn thơ*

Đêm trên cát — Một đêm của nhà thơ Cao Bá Quát, 1984

Thanh Thảo có một ngôn ngữ thơ phong phú. Thơ anh khi có vần điệu, khi không có vần điệu. Nhưng ngay cả khi không có vần điệu, thơ anh vẫn giàu nhịp điệu :

*giờ là thời những tiếng to
những bụng to
những hợp đồng to
chìm lìm lìm những gì bé nhỏ
trong bóng tối trong hẻm trong xóm
nuốt xuống
yoga câm lặng....*

Buổi sáng, 1993, Diễn Đàn số 23

Bùi Minh Quốc, mà chúng tôi đã có dịp giới thiệu qua bài thơ *Cảm tác trong đêm Đà Lạt* trên *Diễn Đàn* số 24, cũng là một nhà thơ có nhận thức nhạy bén trước những vấn đề xã hội. Trong bài *Những ngày thường đã cháy lên* anh đã nêu lên một trong những vấn đề này :

*Không có ai
Không có ai
Có thể ngẩng nhìn trời
Bình tâm mỗi sáng
Khi những thằng đếu còn trong Đảng...
Những người lính vô danh
Những người mẹ vô danh
Đã ngã xuống những nẻo đường dang dặc chiến tranh
Mất các Người làm sao nhắm được ?
Xương máu các Người đã nhào nên đất nước
Từ dưới mồ trũng mắt nhìn lên :
Ai đổ máu xương cho Đảng cầm quyền ?
Khi bọn đếu còn trong Đảng
Ai có thể bình tâm mỗi sáng ?.....*

Những ngày thường đã cháy lên, 1988

Tôi xin tạm kết thúc phần giới thiệu không đầy đủ này, với nhà thơ Trần Vàng Sao, tên thật là Nguyễn Đình. Thơ anh, từ khi xuất hiện lần đầu tiên trên tạp chí *Sông Hương* số 16 (12-1985) cho đến gần đây, vẫn cùng một mạch thơ không vần điệu, lạnh lùng, hiện thực đến mức tàn ác, dữ dội, khẳng định một phong cách, một dòng suy nghĩ độc đáo :

*trời hãy mưa hãy mưa cho to
mây dối mà chết được đâu
hề ơi
con lợn lòi vật vã thân thể
kêu thét từng cơn
tôi không thấy gì nữa
tôi la thật to
và bước ra ngoài sân khấu
tôi rớt hoài trong một vũng đen sâu
trời vẫn không mưa được cho mát*

Khoảng trống ngoài sân khấu, 1986

Thơ trước tiên là ngôn ngữ của cảm xúc. Mỗi thời kỳ văn học đều có dòng cảm xúc riêng của nó, từ thơ Đường, thơ Mới, đến thơ Cách mạng – Kháng chiến. Nhưng nói đến cảm xúc là nói đến những động cơ của cảm xúc, những điều thiết thân đối

với con người : cơm áo, tự do, hạnh phúc, tình bạn, tình yêu v.v... Do đó, thơ cũng là tiếng nói của tư duy và của lương tri con người.

Đặc điểm chung của những nhà thơ kể trên là gì nếu không là một nỗi đau, một sự trăn trở, suy nghĩ về tự do, hạnh phúc của con người, về tương lai của cái xã hội trong đó họ đang sống. Đây chính là một dòng cảm xúc, một dòng tư tưởng mang tính thời đại. Tôi cho rằng, dòng thơ “ trẻ ” nói trên, nếu đã đi được vào lòng người, chính là nhờ cái cốt lõi nhân bản đó. Nó được thể hiện lên qua từng câu, từng chữ. Vẫn là một thứ ngôn ngữ tinh tế đấy, nhưng nó không còn trát phấn, trát son, không còn cường điệu, cũng như không còn uốn éo, uy mị nữa. Nó nói thẳng lên cái điều nó muốn nói. Tôi cho rằng, sau thơ Mới và thơ Cách mạng – Kháng chiến, ngôn ngữ của thơ cần được đổi mới theo cái hướng đó : giản dị (*sobre*) và cô đọng. Ngay trong văn xuôi cũng đã có những biến đổi trên chiều hướng này rồi. Lẽ dĩ nhiên, tự do vẫn là cái phương châm chung cho mọi sáng tạo. Và tôi vẫn tin tưởng vào một sự thống nhất giữa hình thức và nội dung, nhất là ở trong thơ. Thơ hôm nay là cảm xúc cộng với tư duy. Cảm xúc thật đòi hỏi một ngôn ngữ thật và chỉ có như thế, những câu, những chữ mới làm cho người ta xúc động được. Mặt khác, tư duy có đúng, có sâu sắc, thì mới chinh phục được sự đồng tình, đồng ý của người đọc thơ.

Chỉ cần nhìn vào những sáng tác thơ có tính cách thử nghiệm về mặt ngôn ngữ từ trước tới nay, ở trong cũng như ở ngoài nước, người ta có thể có ít ra một nhận xét : gần như không có một hình thức ngôn ngữ nào có thể đứng vững được, nếu nó không chứa đựng một nội dung có khả năng thuyết phục, hoặc làm rung động trái tim người đọc... Một bài thơ dở không phải vì nó có vần điệu hay không, mà vì những câu chữ của nó hoặc vô nghĩa, hoặc chuyên chở những tư tưởng, tình cảm sáo rỗng, lạc hậu.

Trong bài phỏng vấn nhà thơ Trần Dần đã nêu ở trên, có đoạn đối thoại như sau :

Vinh Nguyên : “ *Nhật Bản có thơ Haiku (3 câu) ; anh có thơ Mini ngắn hơn (thí dụ : Mưa rơi không cần phiên dịch hoặc Mỗi người một vụ án — Mỗi người chôn sống một chân mây). Có người nói thơ Haiku ngắn nhưng dễ hiểu. Vậy thơ Mini định bắt người đọc tới đâu ?* ”

Trần Dần : “ *Thơ Haiku mọi người biết rồi. Thơ Mini ai cũng chưa biết. Chính tôi cũng chưa biết nó là gì. Nên không thể so sánh... Chống công thức là đi tìm cái chưa biết. Cái mới là cái chưa biết. Tôi đi tìm cái mới nên tôi cũng chưa biết thơ Mini là gì.* ”

Nhà thơ đích thực chính là người luôn luôn đi tìm cái mới, không chỉ là cái mới về mặt hình thức mà còn cả về nội dung, về cảm xúc. Người ta bảo thơ có chức năng “ dự báo ” là thế. Nhà thơ phải là người nhạy cảm trước tiên trước mọi hiện tượng liên quan đến cuộc sống con người.

Chẳng thế mà những kiện tướng thơ của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm như Hữu Loan, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Phùng Quán, Dương Tường... ngay từ sau những năm gặp hoạn nạn, vẫn tiếp tục đi tìm cái mới và đã có những cống hiến đáng kể cho nền thi ca của thập kỷ 90, với những tập thơ vừa mới được xuất bản những năm gần đây. Trong những nhà thơ của phong trào này, lẽ dĩ nhiên, phải kể cả nhà thơ Hoàng Cầm mà Trần Dần gọi đùa là “ thằng lãng mạn ” (mà Hoàng Cầm quả vẫn lãng mạn thật !). Tôi tự hỏi không biết đến bao giờ thế hệ “ trẻ ” mới “ chôn ” nổi những “ ông già ” này ?

Văn Ngọc

Bóng của một cái bóng

TRẦN ĐẠO



Thời còn sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực, có lúc Milan Kundera chỉ viết cho một độc giả duy nhất, dịch giả của mình. Lúc đó, tác phẩm của ông tới độc giả nhờ bản dịch. Nay Kundera đã thành danh quốc tế. Ông vừa cho xuất bản tập tiểu luận *Les testaments trahis* (Những di chúc bị phản bội). Có đoạn ông lên án mãnh liệt khuynh hướng thiếu trung thực trong thuật dịch văn chương. Một nhà văn có khả năng và điều kiện làm chủ tác phẩm của mình và những bản dịch là chuyện đáng mừng. Mừng cho nhà văn, mừng cho độc giả. Có những nhà văn lớn rất sành ngoại ngữ, có thể viết thẳng tác phẩm của mình bằng ngoại ngữ. Chẳng mấy khi họ tự dịch. Cũng lạ. Và đáng tiếc. Có lẽ đó là cách duy nhất để có bản dịch “trung thực”, có khi một cách bất ngờ. Như Marx viết lại bản dịch *Tư bản luận* của Roy, và thản nhiên tuyên bố: bản tiếng Pháp, do ông viết lại, có giá trị khoa học ngang với bản gốc tiếng Đức. Tới nay, đụng vấn đề, nhiều độc giả điên đầu, không khẳng định nổi bản nào “gốc” hơn bản nào. Cứ như chuyện *Cửu Âm chân kinh* của Kim Dung ấy. Dù sao, thế giới văn chương đã co lại. Chẳng ai sành nhiều ngoại ngữ. Giao lưu văn hoá vẫn cần người dịch văn. Nghệ thuật dịch còn là đề tài đáng suy nghĩ.

Ngày nay, khốn nạn hơn “nghề” dịch văn, hiếm.

Ai thích làm giàu, nên tránh xa. Ở Pháp, đó là một nghề khốn khổ. Người được Giải dịch thuật quốc gia năm 1992 ở Pháp, vì đã dịch toàn bộ tác phẩm của một nhà văn lớn của Bồ Đào Nha, đã thổ lộ trong báo *Le Monde*: tính theo giờ, lương không bằng lương người quét dọn thuê (*femme de ménage*). Đúng thế. Giá công đoàn (*tarif syndical*) hiện nay ở Pháp là 87 FF một trang 1 500 ký hiệu. Người dịch giỏi, dịch cho nhà xuất bản lớn, dịch sách ăn khách, có thể hy vọng 130 FF một trang. Dịch cho “ra hồn” văn một tác phẩm hai, ba trăm trang có thể mất hơn cả năm. Dịch xong, có khi nhà xuất bản không thích bản dịch, hoặc không còn khả năng xuất bản văn chương ngoại quốc. Lúc đó, có thể toi công, ít nhất một phần lớn. Muốn thu hoạch khá, đều đặn, và đảm bảo hơn, nên quét dọn thuê. Chí ít cũng lợi cho mình, cho người.

Ai thích danh vọng, không nên mất thời giờ dịch văn. Nghề này chưa mấy khi mang danh vọng đến ai cả. Có lẽ chỉ ở Việt Nam mới có chuyện Đoàn Thị Điểm nổi tiếng hơn Đặng Trần Côn. Nhưng Đoàn Thị Điểm đã thành danh trước Đặng Trần Côn. Ngày nay, khi một tác phẩm được chú ý, người ta nhớ tới tác giả, chẳng mấy ai nhớ tên dịch giả. Bạn đọc đoán thủ tên một dịch giả của Nadine Gordimer hay

Umberto Eco xem sao.

Ai thích an phận, càng nên xa chuyện dịch văn. Trớ trêu như “nghề” này, hiếm. Thành tâm đến mấy, cẩn trọng đến mấy, cũng trở thành kẻ phản bội, đối với một số độc giả, có khi đối với chính nhà văn. Xưa, khi Baudelaire công bố tác phẩm của Edgar Poe, thiên hạ liền nhao nhao lên án. Ngày nay, có nhiều bản dịch Edgar Poe khác, không mấy ai lẫn lộn Baudelaire với Edgar Poe. Tuy vậy độc giả Pháp vẫn thích đọc Edgar Poe qua bản dịch của Baudelaire.

Ai thích làm chính trị Việt Nam, và làm một cách ngu ngốc, có thể đầu tư vào chuyện dịch văn Việt Nam. Trên thế giới hôm nay, Việt Nam là một xó hiếm hoi mà dịch một tác phẩm văn chương có giá trị chính trị. Nhưng phải chấp nhận một tỷ lệ lời lỗ hạng bét: nó chỉ có giá trị ấy đối với vài ngài quan văn hủ lậu, ngày càng bất lực, và trong đà tiêu vong.

Thế mà còn khối người tứ xứ ham dịch văn, Trần mỗ đã có dịp gặp vài người, xin tặng họ bài này.

Borges có lời tuyên bố thú vị về tác phẩm tiếng Pháp của ông: “*Borges est une invention du traducteur*” (Ibarra, dịch giả của ông, ai cũng khen là tuyệt). Ông cũng có quan điểm sâu sắc về tác phẩm văn chương: “*Il est absurde de supposer qu'un livre est beaucoup plus qu'un livre. Il commence à exister quand un lecteur l'ouvre*” (Tuồng tượng một quyển sách là gì hơn bút một quyển sách là điều phi lý. Nó bắt đầu hiện thực khi có người mở nó ra đọc). J.P. Sartre đã phân tích tỉ mỉ vấn đề này trong tiểu luận *Qu'est-ce la littérature?* (Văn chương là gì?). Borges còn đi xa hơn khi nói tư duy chỉ là “*le rêve d'une ombre*” (giấc mơ của một cái bóng).

Umberto Eco, đối với bản *Le nom de la rose* (Tên của hoa hồng), đã tuyên bố đại khái: tôi thích thú khám phá, tìm hiểu một bộ mặt của tác phẩm của tôi mà chính tôi cũng không ngờ đến.

Hai nhà văn không nhỏ này coi bộ không hẳn học như Kundera đối với những dịch giả của họ. Phải chăng vì họ không có nhu cầu khẳng định mình qua tác phẩm? Đối với họ, điều ấy thừa? Hoặc vì họ có quan điểm cao cả hơn về văn chương?

Hiện nay, ở Pháp, có hơn 50 bản dịch tác phẩm của Homère. Ai vô phúc đọc hơn một bản dịch, sẽ sững sốt. Và có thể chết điếng. Bản nào chân chính, trung thành? Truyện Kiều đã có ít nhất năm sáu bản dịch Pháp văn. Thế mà cách đây mấy tháng, một vị giám đốc UNESCO còn nỗ lực ủng hộ đăng một bản dịch Kiều qua thể *alexandrin*. Biến lục bát thành alexandrins! Một chuyện “tếu” hiếm hoi. Nhưng, xét cho cùng, không tếu hơn chuyện biến *Chính phụ ngâm* thành song thất lục bát. Ai có thời giờ đọc những bản dịch *Kinh thánh* của người Ky tô giáo sẽ hết sức ngạc nhiên. Và có thể hết phân vân về vấn đề dịch thuật. Kinh thánh mà con chiên dám dịch dường như tùy ý, nói chi đến văn người phạm mắt thịt. Bi hài kịch bé tí của người dịch văn ở đó. Không ai phí thời giờ dịch văn nếu không thiết tha tác phẩm mình dịch. Nhưng đã dịch, ắt biến thành kẻ phản bội. Hiện tượng khôi hài này có thể hiểu được. Sự phát triển không đồng đều dường như là quy luật của cuộc sống. Trong văn chương, sự phát triển không đồng đều của tư duy có thể là nguồn gốc của những mâu thuẫn giữa nhà văn, độc giả, dịch giả. Nhưng có lý do cơ bản hơn.

Hiện nay, đã có khá nhiều người hiểu, trong văn chương, ngôn ngữ vừa có nghĩa vừa có tình, và đôi khi tình với nghĩa rắc rối không thua tình nghĩa... vợ chồng. Trong văn các nhà văn lớn, có khi nghĩa chủ tình, tình xuyên tạc nghĩa, và do đó nghĩa đậm tình, tình thấm nghĩa. Đó là nhận xét nổi tiếng của Paul Valéry : *Il y a littérature lorsque le langage est en question* (Văn chương hình thành khi ngôn ngữ bị tra hỏi, trở thành vấn đề). Tra hỏi ngôn ngữ là tra hỏi một nền văn hoá, tra hỏi chính mình. Có lẽ, đối với người dịch văn, không có giây phút nào hào hứng hơn giây phút ấy. Người đầu tiên dịch câu kinh thánh *Au commencement était le Verbe* thành *Thoạt tiên có Ngôn ngữ* hẳn đã sống cả một thời đại qua một giây phút hiếm hoi trong đời người. Không hiểu đã có ai dịch câu *Je est un Autre* của Rimbaud cho ra hồn chưa? Nếu chỉ biết *Ta là Tha nhân*, không nên dịch.

Tiểu thuyết, trong văn chương, tác phẩm có ý độc đáo, hiếm. Không phải ai cũng là Nietzsche, Dostoievsky, Kafka, Borges, Bierce, Sartre, Nguyễn Huy Thiệp... Bình thường, nhà văn có bản lĩnh chia sẻ một số giá trị tiến bộ của nhân loại đương thời và có khả năng tra hỏi ngôn ngữ của mình, bắt nó lột xác, biến những giá trị ấy thành ngôn ngữ chung của một cộng đồng. Trong hoàn cảnh ấy, dịch giả không được thú vị thể hiện một tư tưởng mới, chỉ được cái thú thể hiện tấm lòng của một người. Điều ấy thực tế chăng? Với giá nào ?

Nhà văn thể hiện mình qua phong cách viết của mình. Người cầm bút trở thành nhà văn khi tạo phong cách viết riêng. Đã là phong cách riêng, không ai bắt chước được. Đã không ai bắt chước được, ngay trong ngôn ngữ gốc, làm sao dịch được ? Thế mà thế. Không ai có thể bắt chước cách viết của một nhà văn, nhưng chuyện dịch tác phẩm văn chương vẫn có ý nghĩa, có giá trị, vẫn nên làm. Không ai, kể cả Picasso, có thể vẽ lại *Guernica*. Không ai, kể cả Nguyễn Huy Thiệp, có thể viết lại *Tướng về hưu*. Tại sao vậy ? Không phải vì ngày nay không ai có khả năng vận dụng những kỹ thuật tạo tranh của Picasso, hành văn của Nguyễn Huy Thiệp. Chỉ vì *Guernica* đã được một người vẽ đúng lúc đó, trong hoàn cảnh đó, cách đó. Chỉ vì *Tướng về hưu* đã được viết lúc đó, trong hoàn cảnh đó, với giọng văn đó. Và lúc đó, trong hoàn cảnh đó, vẽ cách đó, viết cách đó, thể hiện được đòi hỏi nhân cách của con người. Sự trùng hợp ấy chỉ có thể xảy ra một lần, ở một nơi, trong một nền văn minh. Nó đi vào di sản văn hoá của con người. Do đó, như nhiều người đã từng nhận xét, tác phẩm có đời sống riêng, độc lập với tác giả. Vì thế, ngày nay, dù Nguyễn Huy Thiệp nhại văn của chính mình, cũng không viết lại được *Tướng về hưu*. Cũng vì thế, *Tướng về hưu* có thể dịch được. Nó không đòi hỏi dịch giả nhại văn phong của Nguyễn Huy Thiệp trong tiếng Việt. Làm sao làm được ? Nó “ chỉ ” đòi hỏi dịch giả thể hiện, trong một ngôn ngữ khác, thái độ của một người trước thời đại của mình xuyên qua cách sử dụng ngôn ngữ của mình. Khốn nạn thay, và may thay, nếu thái độ của một người trước thời đại của mình có nhiều điều người khác có khả năng hiểu, khả năng thông cảm, thì thời đại của Nguyễn Huy Thiệp, ngôn ngữ của Nguyễn Huy Thiệp không phải là thời đại của người Pháp, không phải ngôn ngữ của người Pháp. Người dịch văn Nguyễn Huy Thiệp ra tiếng Pháp không thể chỉ nhại cốt truyện, ý tưởng, cấu trúc, âm nhạc, nhịp điệu trong văn Việt Nam của Nguyễn Huy Thiệp. Nếu chỉ có vậy, chán ngắt, không mấy nhà xuất bản văn chương dám đăng,

không mấy độc giả cảm nhận được văn của Nguyễn Huy Thiệp. Phải khơi được trong độc giả Pháp một thái độ tương đương đối với thời đại của chính người Pháp (điều này có thể, vì thời đại của riêng từng người có một mẫu số chung, thời đại này, con người hôm nay), qua chính ngôn ngữ Pháp (điều này chỉ có thể thực hiện được từ đáy lòng tiếng Pháp). Phải tra hỏi được chính tiếng Pháp, như Nguyễn Huy Thiệp đã tra hỏi tiếng Việt. Tóm lại, phải thực sự dịch văn.

Thái độ của một nhà văn trước thời đại của mình, đối với thân phận của mình và của đồng loại, làm sao xác định được, khi nó chỉ thể hiện qua văn phong ? Thường thường, chính nhà văn cũng rất lơ mơ, thậm chí hời hợt ở điểm này. Mấy ai tin rằng *La Comédie Humaine* của Balzac vĩ đại vì nó thể hiện tư tưởng quân chủ của ông ? Những nhà văn vừa làm chủ tư tưởng của mình, vừa làm chủ ngòi bút của mình, như J.P. Sartre, rất hiếm. Để hiểu câu “ *L'enfer, c'est les autres* ” trong *Huis-clos*, ta có thể dựa vào khái niệm *l'Étre-pour-Autrui* trong *L'Étre et le Néant*. Ta dựa vào đâu để xác định nội dung tư tưởng của một hình thức hành văn ? Vào cách cảm nhận của ta. Nhà văn thể hiện mình trong thời đại của mình xuyên qua một phong cách cá biệt sử dụng ngôn ngữ của thời đại ấy. Ta cảm nhận điều ấy qua cách (cũng cá biệt) ta tiếp xúc giọng văn ấy. Người viết chỉ có thể viết chính mình. Người đọc có thể hiểu ý của người viết một cách “ khách quan ”, khi ý đó được thể hiện một cách “ khách quan ”, bằng ngôn ngữ trong dạng “ khách quan ” của nó, tóm lại, khi một ý tầm thường được diễn tả qua ngôn ngữ tầm thường (*lieu commun*). Khi tình ý của tác giả chỉ thể hiện qua phong cách viết, độc giả không thể hiểu, trong nghĩa bình thường, chỉ có thể cảm. Không có cảm giác khách quan. Con người chỉ có thể cảm chính mình. Nghệ thuật dịch đẹp, và khốn nạn, ở đó. Người dịch trước nhất là độc giả, sau là người viết lại, trong một ngôn ngữ khác, những gì mình hiểu và cảm nhận được từ tác phẩm. Do đó, ngoài ngữ nghĩa thông thường, người dịch chỉ có thể viết chính mình. Nhưng dịch giả “ là ” dịch giả, không thể “ là ” tác giả. Dịch giả có thể có nhiều suy nghĩ, cách phản ứng, cư xử và viết rất khác tác giả, không thể dùng tác phẩm của bất cứ ai để thể hiện chính mình. Vậy, trong bản dịch một tác phẩm, cái mình ấy là cái mình nào ? Có nhiều người không ngờ đến, mỗi người có hàng hà sa số cái mình. Mỗi người có một cái mình cá biệt. Khi có nhu cầu viết “ chính mình ”, nên viết thẳng những gì mình muốn viết, không nên đi tìm tình ý ở đâu khác ngoài cái đầu của mình, không nên dịch văn của người khác. Chỉ thế mới có khả năng tạo một lối viết riêng, khả năng hành văn. Nhưng rõ ràng, lúc dịch văn, ngay trong khi ta viết lại tác phẩm của người khác, ta chỉ có thể viết chính mình. Thế thì cái mình ấy là ai ? Nó không là cái “ mình cá biệt ” kia nữa. Nó là cái “ ta ” hình thành trong giây phút ta tiếp cận tác phẩm của người khác. Do đó nó vừa là ta, vừa không hẳn là ta, và cũng do đó, bản dịch vừa là tác giả, vừa không hẳn là tác giả. Nó là tác giả qua sự cảm nhận của độc giả. Nó là :

Mình với ta tuy hai mà một,

Ta với mình tuy một mà hai

bởi vì ta với mình chung một ngôn ngữ. Có thể trở trêu không thua tình yêu.

Vì dịch giả có thể xúc động mãnh liệt trong lúc cảm nhận tác phẩm của người khác, nó có thể tái tạo sự xúc động ấy

trong một ngôn ngữ khác. Vì, qua tác phẩm, ta may mắn gặp một người, ta kêu gọi loài người tìm nhau. Tính chất văn hoá, nghệ thuật của dịch thuật ở đó.

Theo luật pháp nước Pháp, dịch giả được coi như một tác giả, ít nhất ở điều này : có quyền cấm nhà xuất bản in tên mình trên tác phẩm. Ngược lại, dịch giả thực sự là lính đánh thuê. Nhà xuất bản luôn luôn dành quyền sửa chữa bản dịch. Khi dịch giả không chấp nhận sửa chữa theo ý nhà xuất bản, dịch giả chỉ còn quyền rút tên. Bản dịch của mình sẽ bị người khác sửa và đứng tên. Điều này đúng không chỉ trong dịch thuật. Trong nhiều lãnh vực khác, thí dụ nghệ thuật viết kịch bản phim, cũng vậy. Ai cũng biết kịch bản phim Freud của John Huston, cơ bản do Sartre sáng tác, nhưng lại do người khác đứng tên. Ngược lại, Sartre có quyền cấm dựng vở kịch *Les mains sales* trong các nước tư bản vì ông cho rằng, trong tình hình nào đó, thời chiến tranh lạnh, chơi vở kịch ấy ở các nước ấy là khoác cho nó một ý nghĩa chính trị ngược với ý nghĩa của nó. Qua đó, ta thấy luật pháp và thực tế có thể chửi nhau. Dù sao, không nên lẫn lộn nhà văn với dịch giả. Một người sáng tạo một phong cách viết mới trong một nền văn hoá. Một người mang một nhân cách, có thể mới, có thể không mới nhưng vẫn giàu nhân cách, của một nền văn hoá chia sẻ với một nền văn hoá khác. Do đó, cả hai đều tạo giá trị. Trong nghĩa đó, coi dịch giả như một loại tác giả, không hoàn toàn vô lý.

Dù sao, tác phẩm trở thành văn chương do kích thước lịch sử độc nhất vô nhị nói trên. Do đó, tác phẩm văn chương luôn luôn gắn với tác giả sáng tác nó. Bản dịch hay mấy cũng chỉ là bản dịch : nó không thể có kích thước lịch sử kia. Có thể vì vậy nhiều người coi dịch giả như cái bóng của nhà văn. Điều ấy đúng chẳng, có thể thực hiện được chẳng ? Điều đó đúng trong nghĩa : dịch giả, cũng như bản thân tác giả, không thể tái tạo tác phẩm trong kích thước lịch sử của nó. Điều đó sai trong nghĩa : bản dịch là một bản sao mờ nhạt hay lệch lạc của nguyên tác.

Dịch giả không thể là bóng của nhà văn. Bóng của nhà văn lẻo đẻo theo nhà văn khi nắng trời. Còn bóng của tác phẩm, khi có, là cái bóng ngủ trên quầy sách khi tác phẩm được trưng dưới ánh đèn, trong tiệm sách. Dịch giả chỉ có thể “ là ” bóng của một cái bóng ! Chính vì, qua tác phẩm của mình, nhà văn chỉ là một cái bóng nên có thể “ nhập ” vào hồn người khác. Nhưng cũng vì vậy, nó chỉ có thể nhập hồn người với tư cách mờ mờ của một cái bóng. Tác phẩm nghệ thuật chỉ hình thành qua quá trình đó, và chỉ có thể tồn tại nhờ hiện tượng đó. Đó là ý nghĩa của hai nhận xét trên của Borges. Nhà văn lớn không chỉ “ có ” một vài cái bóng lẻo đẻo theo mình, mà có hàng triệu cái bóng quây quần trong thế giới ngôn ngữ mình khởi tạo, trong đó có bóng của những dịch giả. Trên đời này chỉ có một loại sách luôn luôn thủy chung với tác giả viết ra nó. Loại sách đó không cần dịch giả để tới người khác. Đó là sách toán. Trên đời này cũng chỉ có một loại ngôn ngữ thủy chung với nội dung người sử dụng nó đã trút vào nó, đó là ngôn ngữ lập trình trong máy tính. Loại ngôn ngữ này được nhận diện bởi một định trình gọi là định trình biên dịch. Định trình ấy, ngày nay, không ai bỏ công viết, chỉ cần kê văn phạm và ngữ vựng, rồi dùng máy, sẽ tự động tạo ra một ông thầy chấm điểm tuyệt vời, không bao giờ nhầm lẫn. Nhưng xưa nay, chỉ người mới có khả năng dịch văn thành văn.

Điều ấy có nghĩa : ngôn ngữ vừa là cá nhân từng người, vừa là cộng đồng những người chung ngôn ngữ. Rộng hơn, nó có nghĩa : văn hoá vừa là cá nhân từng người, vừa là cả nhân loại. Ngoài mâu thuẫn ấy, nghệ thuật hành văn, nghệ thuật dịch, vô nghĩa, vô tình. Hoài bão “ mình là chính mình ” qua tác phẩm của mình của nhiều nhà văn, là một ảo vọng, ảo vọng của các nhà văn hồi thế kỷ thứ 19. Nay, ngày càng ít người đeo đuổi ảo vọng ấy. Từ đó tới nay người ta đã hiểu được đôi điều : một quyển sách, tự nó, chỉ là một tập giấy lem nhem mực, chẳng “ có ” tình ý gì hết, càng chẳng có khả năng lưu trữ một con người. Tác phẩm hình thành khi có người đọc, tái tạo nó trong thế giới tinh thần của loài người, xuyên qua một con người. Do đó, có hai người đọc một tiểu thuyết là đã hình thành hai tác phẩm khác nhau, có khi một cách khủng khiếp. Tác phẩm hay, khác *best-seller* tầm thường ở đó, chính là tác phẩm càng nhiều người đọc càng khơi nhiều cách cảm nhận, suy luận, càng nói rộng chân trời sáng tạo của con người. Nhà văn đích thực, nhà văn lớn ở chỗ ấy.

*Bất chi tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?*

Phải là đại văn hào mới biết thốt câu hỏi ấy, ngay từ thời xa xưa ấy. Ta có thể khẳng định : ngày nào nỗi đau nhân tình của Tố Như còn là một trong những nỗi đau của nhân loại, ngày ấy Tố Như còn “ là ” Tố Như, trong mắt người khác, vì còn người có lý do khóc Tố Như. Vì vậy ngày nay còn người cặm cụi dịch lại Homère, Shakespeare, Kafka, Kiêu... Vì trước khi biết dịch sách phải biết đọc sách, biết làm người.

Có lẽ ngày nay hiếm có nơi nào còn lắm người đeo đuổi hoài bão trên một cách thiết tha như ở Việt Nam. Điều ấy có ý nghĩa của nó. Xưa nay người Việt trọng văn hơn võ, hơn tiền. Suốt cả thế kỷ này, ở Việt Nam, viết văn không phải chuyện đùa, có khi đi tù, có khi mất mạng. Trong hoàn cảnh ấy, nhu cầu khẳng định mình một cách tuyệt đối, quyết liệt, qua văn chương, biểu hiện sự tự trọng của con người. Nó đáng quý, đáng trọng. Nó là một giá trị nhân bản trong hoàn cảnh ấy. Trong hoàn cảnh khác, nhu cầu đó thường khiến con người mở toang cửa đi vào thế giới mênh mông, lạ lùng này, xem xét, tìm hiểu đời và người. Qua đó, hiểu thêm chính mình, hiểu được tính chất mở, năng động, tổng hợp, của giá trị, của nhân cách. Chuyện ấy không thể thực hiện được ở Việt Nam. Trong hoàn cảnh Việt Nam, hình ảnh nhà văn mê man từng câu, từng chữ, từng dấu chấm, dấu phẩy thoát thai từ ngòi bút của mình, thần thánh hoá, và do đó tê liệt hoá, tác phẩm của mình, là một hình ảnh đẹp. Đẹp trong buổi bình tình của ý thức, với những khát khao làm người của nó. Nhưng nếu ngừng ở đấy, nếu chỉ có bấy nhiêu, làng văn Việt Nam chưa thể hoà nhập vào thế giới, vì ngày nay, kích thước của con người, và do đó kích thước của văn chương không thể thu hẹp trong phạm vi một cái làng. Dù làng ấy ở Hà Nội hay Paris. Đối với dịch giả cũng vậy. Người ngoại quốc muốn dịch văn Việt Nam thành văn, phải hiểu, hoặc cảm rằng người Việt là một bộ phận cấu tạo nhân cách của thời đại này. Người Việt muốn dịch văn Việt Nam phải muốn làm người Việt ngang tầm thời đại. Đương nhiên, đó là điều kiện cần thiết, chưa đầy đủ.

Trần Đạo

Cố Điện*

Hoàng Xuân Hãn

Như thế thì đất Qui-hợp là một đặc địa, non sông hiểm trở, đường thượng đạo giao thông với Lào Xiêm và Trung quốc khá an toàn. Lại thêm dân Quảng-bình Hà-tĩnh trung thành, sĩ phu đông đảo. Tôn thất Thuyết tất nhiên nghĩ đến ông nghề đình nguyên ngành khải Phan Đình-Phùng, nên đề cử ông cầm đầu phong trào cần vương ở Hà-tĩnh. Nhưng thanh niên, trí thức hoặc thường dân, nhậy-bén và thực tế hơn các nhà khoa bảng. Ở Hà-tĩnh thì “Cậu” Ấm Ninh, con quan giải nguyên bích hánh Lê Kiên, quê làng Trung-lễ, thông gia với em “Cụ Đình”, là người tổ chức khởi nghĩa đầu tiên, lấy tỉnh thành Hà-tĩnh, giết bích hánh Lê Đại. Nhưng phong trào nghèo, không súng đạn, lại kém tutướng chánh trị, đã không tìm cách trung hoà hoá dân công giáo, lại đề xướng sự **Bình Tây Sát Tả** (đẹp giặc Tây, giết dân đạo); cho nên nhờ dân công giáo mà Pháp binh thắng khá dễ dàng nghĩa quân. Muốn gây lại hoàn cảnh lúc sinh thời Cố Điện, và kíp thời kỳ tôi còn nghe cha mẹ kể chuyện xưa, tôi sẽ ghi lại một ít văn-thơ dâng gian thời ấy còn nhớ lại. Ở Hà-tĩnh có thể vẫn “Hát giặm”, gồm trung bình câu 5 chữ, vần cuối nhịp đôi nối tiếp nhau, thỉnh thoảng có câu gần trùng điệp để nghỉ giọng. Đó là một thể về thông thường. Thầy “đầu phủ” Cam, quê Trung-lễ, đã làm về “Cậu Ấm Ninh” kể sự khai trường cần vương của thanh niên, không tán thành ý Sát Tả. (Tôi sẽ ghi các vế bằng dấu gạch)

Trích một đoạn :

- Dân về nghĩ lại
- Đến cửa Cậu kêu ca
- Rằng : “ Đất nước nhà ta
- Vô sơn xuyên chi hiểm
- Vô sơn hà chi hiểm.
- Dân ta cần kiệm
- Chỉ xay xáo cày bừa
- Súng không biết máy cò
- Roi không hay đường thảo (môn võ)
- Ta với Tả đạo
- Vốn buôn-bán thông hành
- Vô hà sự nhi tương tranh
- Xin Cậu đừng khởi mộ
- Xin Cậu đừng xướng mộ. ”
- Cậu rằng : “ Ta tuổi nhỏ
- Cũng dự tiếng văn thân (ấmsinh)
- Tả đạo với lương dân
- Ai ai cũng triều đình xích tử
- Ta đâu có hiếu sự
- Mà vọng khởi tranh đao
- Dân đừng có la van
- Ta sẽ viết tờ sang trình Cụ ” (linh mục)

Cậu nghĩ vậy, nhưng kết quả sẽ khác với Cậu muốn. Và Cậu sẽ bị bệnh mắt chóng. Sùng hiệp Cậu được catụng với về,

dạ thể như sau :

- “ Anh hùng lập chí công danh
- Trọng vì việc nước mà duyên khinh việc nhà
- Lúc bốn bát thừa xa (đón vua)
- Ai ai cũng đều kinh hãi (vua chạy)
- Cậu một niềm trung ái
- Ra tỉnh Nghệ thám tình hình
- Về xuất của mộ binh
- Mộ Phù-long hai vệ
- Mộ Yên-trường ba vệ
- Kéo về Trung-lễ
- Trống điểm mục đánh vang
- Đòi thuong hạ trong làng
- Nhà ba đình bắt hai
- Nhà hai đình bắt một
- Bắt tiền tra gạo góp
- Tính từng học từng phân
- Dân bắt câu phú bản
- Ai ai cũng đều kinh hãi...(nối vào đây đoạn trích ở trên)
- Giận vì ông bố Đại (Lê Đại)
- Vi thần đạo bất trung
- Chỉ Vua đã mật phong
- Cho mộ binh mộ lính
- Trước hạ thành Hà-tĩnh
- Sau nghinh giá hồi triều (về Kinh)
- Cho rõ mặt anh hào
- Người Hồng-sơn Lam-thủy
- Cậu một mai đặc chỉ
- Quân tiền đạo Tống-nga
- Kì-anh với Thạch-hà
- Lấy tỉnh thành như nhởi (chơi)
- Hạ tỉnh thành như nhởi.
- Bốn bề phơi phơi
- Đều hưởng ứng, ảnh tòng
- Quân năm đạo ròng ròng
- Đều áo thâm khăn ngại
- Đều nẹp điều khăn ngại
- Nào, binh cơ khí giới
- Nào lương-thực ngựa voi
- Lên Hành tại nộp rồi
- Kéo quân về đồn thủ
- Về giữa làng đồn thủ.
- Hai bên đội ngũ
- Có tác hậu, tác tiền (đại đội ?)
- Trống quân thứ rập rền
- Cờ Mạnh Khang đỏ rở (hiệu của Lê Ninh)
- Cờ Cần vương đỏ rở.
- Làm trai ra rúa ! (như thế)
- Đã nên hiếu nên trung
- Như trời hộ anh hùng
- Sánh Vu Khiêm cũng khá
- Sánh Thiên-Tường cũng khá. (anh hùng xưa)
- Ai ngờ trên Hạ (Việt-yên)
- Lại có cụ Đình
- Ngài giận giống hôitanh
- Xướng Thọ-ninh đốt phá
- Xướng Định-tường đốt phá. (làng công giáo)
- Thế cô, lực quả
- Lên Hành tại viện binh

* Tiếp theo **Diễn Đàn số 27 (1.2.1994)**

- *Chỉ triệu Cựu Bang Ninh (Bangbiện)*
- *Ra đồng-mưu hợp-lực*
- *Ra đồng-tâm hợp-lực.*
- *Bây giờ mới ra sức (ra lệnh)*
- *Dân ứng chức địa đầu*
- *Nào tre, lạt, rơm, dẫu*
- *Biết chừng mô hao-tốn*
- *Biết chừng nào hao-tốn.*
- *Mấy ngày xôn rộn*
- *Chỉ rày đánh mai không*
- *Đóng một dây bên sông*
- *Phất ngọn gươm xáoáo*
- *Phất ngọn cờ xáoáo.*
- *Ai ngờ bên Đạo*
- *Lại có kẻ hay tình*
- *Ngoài khiên tướng, điều binh*
- *Ra độc đương nhị diện*
- *Trong viết tờ cứu viện*
- *Ra tỉnh Nghệ mời Tây*
- *Súng nổ như pháo dây*
- *Trên quan Bang cũng chạy*
- *Dưới quan Đình cũng chạy.*
- *Thùacơ đốt cháy*
- *Từ Thịnh-quả, Yên-dồng*
- *Đến Thượng-tứ, Yên-trung*
- *Khấp bốn phương tàn-hại*
- *Khấp bốn bề tàn-hại*
- *Nào con trai con gái*
- *Nào kẻ trẻ, kẻ già*
- *Chạy như Hán như Hà (tên sông)*
- *Ra giữa đồng coi khói*
- *Chạy giữa đồng coi khói*
- *Dân vậy nên tức tối*
- *Nhưng chẳng dám kêu ai*
- *Thời “ Đại vạng tiếu lai ” (rủi)*
- *Trách ông Trời hiếu loạn*
- *Trách lòng Trời hiếu loạn... ”*

Làng Trung-lễ lại càng bị thiêu huỷ. Thầy đầu phủ Cam đã ghi chuyện lính Tây về đánh, trong một bài phú, có những câu tả chân, rằng :

“ *Chân đi thưng thưng – Đạn bắn roro (vovo)*

Nghe kèn sỏn ốc (run sợ) – Chạy tống (rống : kêu to ; đối với Kèn) như bò ” (con bò ; đối với Ốc)

Từ đó, phong trào Cần vương chỉ âm-ý phía Bắc Hoành-sơn. Trái lại ở Quảng-bình là chỗ vua nấp, thù lại rất căng. Quân Pháp đem đại lực ra lùng bắt Hàm-nghi. Ngày 2.11.1888, Hàm-nghi bị tên phản thần Trương Quang-Ngọc bắt, sau khi giết người bảo vệ gần vua là Tôn-thất Thiệp con bé của Tôn-thất Thuyết. Anh Thiệp là Tôn-thất Đạm tự tử chứ không chịu hàng. Trong lúc ấy, Phan Đình-Phùng đã lánh ra Bắc-kì, tại Sơn-tây, để tìm Tôn-thất Thuyết và xét tình hình cần vương ở Bắc. Nhưng chưa chắc gì liên lạc với Thuyết được. Thuyết với tuýtùng chỉ dưới mười người, ra Thanh-hoá chừng vào tháng 3.1886 ; ngược triền sông Mã, qua Thượng - Lào, tới Lai-châu ; trú tại nhà Đèo Văn-Trì⁽¹⁾ vào tháng 6.1886. Từ đó, chuyển lời Hàm-nghi xin quân Thanh vào nước. Nhưng Thanh và Pháp đã kí hiệp ước Thiên-tân (11.5.1884 và 4.4.1885) buộc vua Thanh không những phải rút quân chính qui về mà còn phải trị tội Lưu Vĩnh-Phúc và

quân Cờ Đen của y. Sau đó, lại có sứ thần ta, Vũ Khắc-Khoan tới Quảng-Đông trình lên tổng đốc Lương Quảng, Trương Chi-Động, một tờ bẩm của các viên Việt-quản các tỉnh biên thuỳ, yêu cầu một sự sẽ thấy sau. Trong công văn, viết ngày 6.9 Quang-tự 12 (3.10.1886) gửi về Bắc-kinh, viên tổng đốc có kèm theo lời bẩm của Hàm-nghi đề ngày 6.10 năm trước (12.11.1885). Có lẽ, hoặc trên đường đi Lai-châu, hoặc sau khi trú tại nhà Đèo Văn-Trì, Tôn-thất Thuyết đã nhândanh Hàm-nghi viết tờ bẩm này. Đoạn đầu gần giống như lời bẩm đã nói trên (?7.1885). Lần này, Thuyết thấy hoàn toàn bất lực, không thể dựa vào sắc ấn vua Thanh mà đẩy mạnh cần vương ; cho nên xin thẳng Thanh-triều đem quân vào đánh giúp. Đoạn sau tờ bẩm, kí tên Hàm-nghi, có :

“ *Tháng 6 năm nay (1885), đã gửi tờ bẩm rõ tình hình lên các quan tuấn phủ Quảng-tây và tổng đốc Vân-Quí. Nhưng tiền đồ nhiều trông ngại ; sợ lời bẩm chưa chuyển đạt được. Tôi nay đến trú ở sơn phận Hà-tĩnh, cách Bắc-kì bảy ngày. Thân hào các tỉnh, lòng tôn chúa cũ, đều đã họp binh khởi nghĩa, theo về bảo vệ. Nhưng từ Thanh-hoá Ninh-bình trở ra Bắc, binh, thuyền chúng chiếm cứ, hiệu lệnh khó thi hành. Sức tôi lẻ loi, khó lòng tự lập.*

“ *Trộm nghĩ rằng sắc, ấn thì cha ông tôi đã được Thiên-triều ban, thối địa, nhândân cũng bởi Thiên-triều trao giữ. Thế mà ngày anh tôi còn ở ngôi, quốc cấm đã không hay giữ ; nay tôi cũng không hay bảo thủ đô thành. Thế thì tôi đã mang nặng tội lỗi. Gần đây, lại nghe người Pháp đã chọn người khác làm quốc trưởng, đặt ở Đô thành với chúng. Việc gì nó thi hành ra là để lừa những kẻ nhu nhược ; lẽ nào chúng lừa nổi kị cương Thiên-triều và công pháp Vạn-quốc.*

“ *Tôi nay tuy trẻ, nhưng hiểu lẽ thường ; há lại không lo tự chối đây ! Nhưng đang bị tán loạn, nếu không dựa vào Thiên-triều tái tạo, thì không đủ sức bảo tồn. Vậy mong Quan Lớn (tổng đốc) thương đến tình hình nghèo ngặt của nước tôi, cứ tình thực mà thay lời chúng tôi xin hộ. May được Thiên-triều bằng lòng sai tướng đem quân sang dẹp chúng. Tôi nguyện đem tiền của lương thực hộ tòng. Và xin Thiên-triều tha những lỗi trước, ban cho sắc, ấn để nhờ uy linh Thiên-triều mà hiệu lệnh quốc dân, thục phục nhântâm, lâu dài làm phen giầu...” (12.11.1885)*

(Tư liệu trên, trang 3596)

Xem lời bẩm trên, ta thấy rằng vào cuối năm 1885 Thuyết còn ở vùng Hà-tĩnh và chưa hiểu tình thế Trung Pháp. Khi lên đến vùng Tây-bắc, chắc Thuyết bắt liên lạc với phong trào chống Pháp dọc biên thuỳ, và mới biết bấy giờ Pháp đã ép mạnh Trung-quốc phát quân nhân hợp định biên giới, không những ở Lương Quảng, mà cả ở Vân-nam. Hai chức trách Trung-quốc, Chu Đức-Nhuận và Sầm Dục-Tú, tháng 8 năm 1886, họp với quan Pháp khám biên giới vùng Bảo-thắng, gần Lao-kay ; đã trả lời, ngày 5.9.1886 cho Tây-dương đại-thần Lí Hồng-Chương rằng không đi được vì ốm ; và thêm rằng :

“ *Hiện nay, tại các chỗ này có nghĩa quân, lính đông dukích Việt-nam đóng đồn, mỗi nơi vài nghìn người, trên một dải gần Đô-long (thuộc tổng Tụ-long, tỉnh Hà-giang, nay mất vào phủ Khai-hoá, thuộc Vân-nam), An-long, Lục-an (trên bờ sông Cháy ?). Tôn-thất Nguyễn Phúc-Thuyết cũng có tới các chỗ ấy hoạt động, kháng cự với quân Pháp. Đất Mạnh-thoa tiếp với đất Tam-mạnh, Thập-châu (Tây-bắc Bắc-*

(1) *Chứ không phải TRÍ như các tác gia viết. Tư liệu Trung-quốc viết chữ TRÍ nghĩa là cầm (kiềntri, trithủ)*

ki) lại có quan Việt-nam Nguyễn Quang-Bích và đốc đồng Đèo Văn-Trì cố thủ. Đường sá không thông, sợ Pháp không thể đi lại khám được. Lại có Nguyễn Văn-Giáp và tùy thuộc đóng ở các xứ Hung-hoá, Cẩm-khê và Thanh-ba. Nghe nói quân Pháp thiếu lương, sợ không dám tới các chỗ ấy... ”

Lời trên đủ chứng rằng, trái với một vài d luận, trong năm đầu lên “ ở nhờ ” nhà Đèo Văn-Trì, Tôn-thất Thuyết không chỉ ngồi không ẩn trốn. Chắc bấy giờ ông đã liên lạc với nhóm cần vương dọc biên thuỳ. Rất có thể rằng từ bầm mà các quan đầu ba tỉnh chiến khu Việt-bắc sai sứ mang sang Quảng-châu cũng được viết theo mệnh lệnh của ông.

Số là, ông đã thấy sự mình lằm, đưa vua Hàm-nghi náu ở vùng núi hiểm Hà-tĩnh. Pháp đã sai binh thuyền đuổi theo dọc bờ biển, rồi chiếm các tỉnh dọc đường thiên lý ra Bắc : Quảng-trị, Động-hối, Nghệ-an và Thanh-hoá ; một mặt khác Pháp sai quân từ Nam-ki vào dẹp văn thân từ Bình-thuận trở ra, và đại quân của thiếu tá Metzinger từ Bắc kéo vào Quảng-bình để đánh bắt Hàm-nghi. Để đối phó lại, Thuyết không loliệu trước, lưu lại khí giới gì cả. Vì vậy, có lẽ chính Thuyết, khi lên đến Việt Tây-bắc, đã muốn nhân dịp đem Hàm-nghi lên vùng Việt-bắc, nhưng sự không thành, như sẽ thấy sau. Theo lời tổng đốc Lương Quảng, trong tờ bầm mà sứ thần Vũ Khắc-Khoan mang tới Quảng-châu, có đoạn như sau :

“ Chúng tôi là các viên quan lại triều trước, gồm :

Nguyễn Đình-Nhuận coi tỉnh Sơn-tây

Lã Xuân-Oai coi tỉnh Lạng-sơn

Nghiêm Xuân-Phương coi tỉnh Cao-bằng

(Những viên này được Hàm-nghi, sau khi rời thủ đô, vào ngày mồng 3 tháng 6 năm Ất-Dậu, ra chiếu bổn hàm ; theo Phong trào Cần vương trang 71, soạn giả Trần Văn-Giàu)

Kính bầm quan Thiên-triều tổng đốc Lương Quảng họ Trương (Chi-Động) :

Tháng 5 năm ngoái (Ất-Dậu 1885), vì bị quân Pháp đánh gấp, Vua chúng tôi phải chạy lánh. Chúng tôi đã có tờ trình qua các quan tổng đốc Vân-Quí, và quan tuần phủ Quảng-tây, nhờ xin đề đạt lên triều-đình, nhưng đến nay chưa thấy được ban giúp. Tháng 10 năm ngoái, sau lúc Vua chúng tôi đến Sơn-phòng Hà-tĩnh, theo lệ, viết văn gửi nhờ quan tuần phủ Quảng-tây bầm lên. Ngày mồng 6 tháng 6 năm nay (Bính-Tuất 1886 nguyên sót số tháng có lẽ vì đó là số 6 như số ngày), có phái viên đưa tờ văn ấy tới, chúng tôi vâng lời muốn đem nộp ; nhưng đến cửa quan đợi, chưa thấy trả lời. Chúng tôi sợ rằng các Ngài bận việc khám-sát biên giới (với Pháp), cho nên chưa chuyển lên chẳng ? Vả chẳng, nước tôi mắc nạn này, thần tử rất thương tâm. Không đủ binh khí, thế Vua chúng tôi không tự lập được.

“ Tháng 11 năm ngoái (Ất-Dậu 1885) chúng tôi đã sai uỷ viên về xin đón Vua chúng tôi, mong tới vùng Mục-mã, dựa thế Thiên-triều, để tính đường cất quân trở lại. Khốn nỗi ! Vùng này nay lại bị kẻ trộm cướp chiếm. Chúng tôi có thương lượng với Lương Tuấn-Tu ở Mục-mã, nhưng chẳng ăn-thua gì.

“ Chúng tôi trộm nghĩ rằng Vua chúng tôi trú tại Hà-tĩnh đã lâu ngày, không được ai tuc cấp khí giới và quân lính. Muốn tới biên giới Bắc-ki, lại không có một tấc đất yên ổn để trú. Thiết nghĩ rằng Quan lớn đã có lòng thương cả thiên hạ, thì lẽ nào lại nhẫ tâm bỏ rơi vua nước chúng tôi. Ngoài sự chúng tôi xin quan tuần phủ Quảng-tây thăm biện, chúng tôi lại xin Ngài chiếu cố làm sao cho Vua chúng tôi có thể tới ở trong

nội địa, vùng giáp Mục-mã, Bảo-lạc, sống nhờ ở đó, điều khiển thần dân, giành lại đất cũ, để lâu dài làm phen giầu cho Thiên-triều. Như thế, nước tôi thực được nhờ ơn lắm lắm... Nếu lời thỉnh cầu này được Ngài chấp nhận, thì xin chỉ bảo cho chúng tôi để tin về ; Vua chúng tôi sẽ tuân theo làm... ”

(Tuliệu trên, trang 3594)

Tờ bầm này viết vào khoảng tháng 9 năm 1886, đang lúc Tôn-thất Thuyết mới tới Việt-Tây-bắc và đang hoạt động cần vương ở vùng này. Vậy chắc rằng ý yêu cầu trên là ý của Tôn-thất Thuyết, vẫn không hiểu tình thế giữa Trung và Pháp, và vẫn còn nhiều mộng tưởng điên rồ. Còn viên tổng đốc Lương Quảng, Trương Chi-Động, thì y hiểu rõ tình thế và xử trí vừa duy vật, vừa duy tâm, gửi lời phán đoán của y theo tờ bầm của vua tôi Việt. trong thư trình lên Thanh-triều, y tỏ ý kiến rõ ràng :

“ Đã lâu, Việt-nam thuộc phiên phong, vốn là thần tử Thiên-triều. Từ đời Hàm-phong, Đồng-trị (1859-61-74), nước ấy có nhiều giặc giã (tàn quân Thái-bình tràn vào). Đều được quân ta sang đánh mới yên. Lòng ta giúp rập lúc nguy tai, chưa từng chút nghĩ. Sau đó, vì vương nước ấy ngumười, không biết cách chế trị giữ nước ; trong mấy năm vừa qua, đã nhiều lần kí minh ước với người Pháp. Dần dần nó bỏ phận làm phiên giầu cho ta. Đất mất, dân tan, tự mình gây hoạ. Năm trước, lúc Vân-nam và Quảng-tây đem quân vào đất nó, chúng tôi đã theo ý Hoàng-thượng hết sức trừ kế giúp, điều quân, chuyển lương, kinh dinh toàn sự ; thế mà nó không sai một phái sứ, không gửi một bức thư đến tặcáo, trần tình, bần định, hoặc bày kế giúp công. Đến khi ta đại phá quân địch ở Nam-quan (27.3.1885), lấy lại được đất Lạng-sơn và Trưng-khánh, nó cũng không hay nhóm nghĩa quân, cử đến giúp quan quân đánh lui địch.

“ Triều đình ta không nỡ để dân ta chịu lâu nạn binh đao với Pháp, nên đã nhận điều đình với Pháp (hiệp ước Thiên-tân 9.6.1885) Đến nay, sự thế đã thành. Nước ấy đã tự mình nhận nước Pháp vào bảo hộ. Gần đây thế lại càng lung lay, rồi mới tặcáo với ta và xin cầu viện. Đọc lời thư bày tỏ, tình rất đáng thương. Nhưng sự cơ đã hỏng. Cứu chữa không cách gì. Lời minh ước với Pháp đã rõ ràng, khó lòng mà bàn khác được.

“ Còn như sự xin một giải đất nội địa gần Mục-mã, Bảo-lạc, để quốc vương chúng có thể tự đến ở, thì nguyên trong minh ước với Pháp không có điều ấy. Bản chức khó lòng thay lời xin được. Chỉ có thể thần dân nước ấy so lương sức mình, rồi đồng tâm trung thành duy trì sự thờ phụng tối tiên nhà vương chúng mà thôi.

“ Còn như viên quan Việt, Vũ Khắc-Khoan, đã vượt đường xa tới đất Quảng-đông, chúng tôi nên theo ý Triều-đình thương kẻ yếu, mà sẽ bảo kẻ chức vụ giáng giải minh bạch cho y, để nó thoả lòng, rồi cấp tiền đầy đủ ăn đường, sai lính hộ tống, cấp cho một hộ chiếu, rồi sai thuyền dẫn đi Liêm-châu, Khâm-châu, rồi lên qua Thượng-tu, Minh-minh đến Long-châu để về Việt. Chúng tôi cũng sẽ sai tị đạo chuyển văn trát trả lời cho các viên chức cũ Việt, tổng đốc cũ Sơn-tây Nguyễn Đức-Nhuận, vân vân... ”

(Tuliệu trên, trang 3594-3595)

Có lẽ đây là công văn cuối cùng trong sự giao tiếp giữa hai triều : thiên tử và phiến thần, Mãn-Thanh và Việt-Nguyễn.

(còn tiếp)

Hoàng Xuân Hãn

đọc sách đọc sách sách đọc sách đọc đọc sách đọc sách

Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ

Nhà xuất bản Thuận Hoá, 1993, in khổ 14,5 x 20,5 cm, gồm 15 tập.

Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ (KĐĐNHĐSL) là một bộ sách lớn do các vị đại thần thuộc Nội các triều Nguyễn biên soạn theo lệnh nhà Nguyễn (1802 - 1945). Sách viết về : pháp luật, điển chương, chính trị, văn hoá, giáo dục, quân sự... và nhiều công tác trọng yếu khác của các vua nhà Nguyễn cầm quyền nước ta hơn một thế kỉ.

Các vị đại thần, tùy theo địa vị công tác của mình mà ghi chép lại cẩn thận rồi tập trung về cho một đại thần khác được triều đình (vua) chỉ định viết thành sách. Người chịu trách nhiệm trực tiếp với triều đình để viết bộ sách này là Thọ Xuân quận công Nguyễn Phúc Miên Định (1808 - 1885) cùng với một số đại thần sử gia khác gồm các vị : Vũ Xuân Can (? - 1878), Trương Đăng Quế (1794 - 1865), Hà Duy Phiên (? - 1853), Đặng Văn Hoà (1791 - 1856), Phan Thanh Giản (1796 - 1867)... cùng làm việc trong một khoảng thời gian dài.

Đây là một bộ sách sử đồ sộ nhất về chất cũng như lượng của triều Nguyễn nói riêng và thư tịch Việt Nam từ ngày lập quốc đến năm 1945.

Nội dung bộ KĐĐNHĐSL này gần giống như loại sách " tổng kết thành tích " công tác của chính quyền ngày nay. Nhưng có điều nhờ vào một chiều dài lịch sử tương đối yên ổn (trừ những năm cuối triều Nguyễn) nên sách ghi lại được đầy đủ các thành quả của những sự kiện từ chính trị, quân sự, ngoại giao, nội trị, học thuật... của triều Nguyễn. Những điển sự, công tác này được trình bày dưới hình thức đạo dụ, chiếu, sắc, cáo...do vua ban bố và các bản tấu chuẩn, nghị chuẩn... do các đại thần hay hội đồng đại thần dâng lên để nhà vua xem xét, chuẩn y rồi cho ban hành để đem ra thực thi trên toàn quốc. Tùy theo từng Bộ của Nội các sẽ có những " điển sự " riêng, như : điển Viện tập hiền, điển Tôn nhân phủ, điển Lại bộ, điển Binh bộ, điển Lễ bộ...

Sách được viết từ năm Thiệu Trị thứ ba (1843) đến năm Tự Đức thứ tư (1851) thì hoàn tất. Sau đó được viết tiếp với tên KĐĐNHĐSL tục biên (1852 - 1889) và (1889 - 1945) là thời kì nước ta bị Pháp xâm chiếm và đô hộ. Sách gồm 97 cuốn đóng thành 262 quyển vào khoảng 8000 tờ. Sách trước đây tàng trữ tại Thư viện Bảo Đại (Huế), Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ (Hà Nội). Sau năm 1949, sách di chuyển lên Đà Lạt, rồi dời vào Sài Gòn, sau năm 1975 lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội tại T.P. Hồ Chí Minh với kí hiệu HNv121. (Nghe nói gần đây đã chuyển toàn bộ về Hà Nội. Theo một số tác gia, giáo sư ở Hà Nội bảo với người viết bài này trong năm 1992 tại Đà Nẵng, lí do là " trong Sài Gòn không có người biết đọc chữ Hán ").

Bộ sách này trước đây chỉ được sử dụng rất hạn chế vì nó còn trong dạng chữ Hán nên không được quảng bá rộng rãi trong giới nghiên cứu ; chú chưa nói đến công chúng đọc giả. Do đó ít người biết tường tận về bộ sách giá trị này.

Nay Viện Sử học Việt Nam cùng Nhà xuất bản Thuận Hoá cộng tác với Công ti phát hành sách TP Hồ Chí Minh xuất bản và phát hành trên toàn quốc bộ sách đồ sộ này nhằm giúp đọc giả biết được rõ quá khứ Việt Nam gần hai thế kỉ.

Ở đây, chúng tôi chưa đọc hết bản dịch hơn 8500 trang cộng tất cả 15 tập nên không thể nào nêu lên được những mặt mạnh mặt yếu của bản dịch. Nhưng với một tập thể dịch giả, hiệu đính viên, biên tập viên đã làm việc trong một thời gian dài cùng một số vốn lớn để xuất bản tự nó đã nói lên được " tâm vóc " của việc làm này đối với học thuật nước nhà. Theo chúng tôi đây là một công trình dịch thuật tầm cỡ, một hi sinh lớn của cơ quan bỏ vốn xuất bản mà các cơ quan văn hoá có thực quyền không thể nào lơ là và phó mặc cho kẻ khác trong công việc bảo tồn văn hoá dân tộc.

Một bộ sách mà các cơ quan văn hoá, thư viện, trường học, tủ sách gia đình của những người cầm bút và đọc sách ... không thể thiếu.

Đáng trân trọng thay !

Sài Gòn tháng 7 năm 1993

N.Q.Thắng.

Lê Ngọc Trụ, Tầm-nguyên tự-điển Việt-Nam

Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1993, 857 trang, phụ thêm : tiểu sử tác giả và văn phẩm của Lê Ngọc Trụ.

Một vài năm sau đây, nhiều nhà xuất bản đã cho in một số tự điển khả dĩ làm dụng cụ căn bản cho ai phải dùng đến chữ nghĩa. Nhưng còn thiếu một bộ về nguồn gốc từ tiếng Việt.

Và đây, quyển tự điển đáp ứng lòng mong đợi đó. Lại là di sản của nhà học giả miền Nam Lê Ngọc Trụ, hoàn thành năm 1974. Với : Lời Nói Đầu của Vương Hồng Sển, đượm tình cảm người bạn già thâm niên cùng phong cách đặc sệt Vương Hồng Sển. Thêm bút tích của nhà văn đã quá cố Nguyễn Hiến Lê, lời giới thiệu của Nguyễn Duy Cần.

Hệ thống luật biến âm khi chuyển từ gốc mượn tiếng dân tộc khác thành tiếng Việt, hệ thống âm thanh và cách tiếng Việt biến đổi trong quá trình tiến hoá được trình bày minh bạch ai đọc cũng hiểu được trong phần Dẫn 68 trang.

Phần tự vị gồm : I. Các tương đồng ngôn ngữ với các dân tộc láng giềng (Mường, Sedang, Stiêng, Mạ, Mnong, Thái...) mà không thể quả quyết là dân tộc nào mượn của dân tộc nào.

II. 1) tiếng Hán Việt chuyển ra tiếng Việt 2) Tiếng Việt gốc Hán Việt.

III. Tiếng mượn ở ngoại ngữ (với bảng kê đối chiếu)

Riêng trong phần này, những từ mượn của Pháp được chú ý tương đối nhiều. Người đọc tự hỏi chẳng biết những tiếng tây " bồi " không thể nói là thông dụng nhan nhản đem vào từ điển này có được cân nhắc thích đáng hay không.

Ngược lại kho từ ngữ mượn của tiếng Tiều, tiếng Quảng, thường dùng trên cửa miệng và tạo thêm phong cách, hương vị cho tiếng Việt miền Nam thì người đọc lại có cảm tưởng

chưa được tác giả chú ý đúng mức. Ngày nay không dễ còn tìm ra người thông thạo vấn đề này như Lê quân. Nhà học giả Lê Ngọc Trụ không còn nữa, chưa biết sau này rồi có ai bổ sung cho điểm khiếm khuyết nói trên chăng ?

Tuy nhiên không vì vậy mà **Tâm nguyên tự điển** không phải là một tư liệu quý.

Nguyễn Thắng (Paris 2.94)

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư

(*Bản in Nội các quan bản*) mộc bản khắc năm Chính Hoà thứ 18 (1698). Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội 1993, gồm 4 tập.

Một bản sách quý. Chiếm một vị trí đặc biệt trong di sản văn hoá nước ta : Bộ **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (ĐVSKTT)** này là bộ quốc sử được khắc in lần đầu tiên vào năm 1698 toàn bộ 24 quyển.

Một bản in mà dường như nhà Đông phương học E. Gaspardonne còn được trông thấy tận mắt năm 1934. Rồi từ đó biệt tăm. Dù cho những nhà thiết tha với văn hóa dân tộc như học giả Hoàng Xuân Hãn đã kiên nhẫn theo dấu tìm kiếm khắp nơi, trong cũng như ngoài nước.

Nghĩ mà thấm thía lời than tiếc của các học giả, đời đời sau mỗi cơn binh lửa, nối tiếp nhau sưu tầm, kiểm điểm gìn giữ kho tàng văn hoá dân tộc. Nào Lê Quý Đôn : “ ... các bậc danh nho như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Phan Phu Tiên cùng nhau sưu tầm sách vở, giấy tờ, nhật nhật từng tờ giấy còn sót lại ; nhưng sau cuộc binh hoả, mười phần còn được bốn năm phần ” , nào Phan Huy Chú : “ Từ thời Trung Hưng về sau, tuy đã có tìm tòi, nhưng sau khi (sách) đã tản mất đi, thu thập lại cũng khó... ” (mở đầu Văn tịch chí)

Qua ba mươi năm binh lửa vừa rồi, hy vọng tìm lại bản **ĐVSKTT** năm Chính Hoà gần như không còn nữa. Và như thế là mất hẳn. Bộ mộc bản **ĐVSKTT** đã bị thất lạc : bài đề từ bộ **Đại Việt sử ký tiền biên** do Ngô Thì Sĩ soạn, con là Ngô Thì Nhậm dâng lên vua Nguyễn Quang Toản đời Tây Sơn cho biết rằng đến năm 1800 “ các ván in sách kinh, truyện đã được lục soát kiểm tra lại chỉ thấy còn được độ sáu phần mười, lại có ván bị mục một thì đã được khắc lại để bổ sung. Duy nguyên bản sách **Đại Việt sử ký** thì đều thất lạc ”

Ngờ đâu, trong lúc sắp xếp thư viện riêng của học giả Paul Demiéville để lại, nhà nghiên cứu Hán Nôm Tạ Trọng Hiệp phát hiện một bản **ĐVSKTT** không thuộc loại “ Quốc tử giám tàng bản ” như các bản vẫn được dùng cho tới nay. Đây là bản in “ Nội các quan bản ” mà E. Gaspardonne đã nhắc đến. Hai nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp cho rằng có nhiều khả năng đây là bản Chính Hoà mà ai nấy tưởng đâu là đã mất hẳn. Sử gia Phan Huy Lê trong dịp qua Pháp năm 1981 sao chụp được một bản phim đem về nước.

Cứ tưởng thế là bản sách quý này đã trên đà được nhanh chóng nhân lên và ra mắt độc giả...

Nhưng rồi, nổ ra một cuộc tranh luận sôi nổi, có lúc gay gắt mà động cơ không chỉ hoàn toàn khoa học, làm chùng lại trong nhiều năm việc bản **ĐVSKTT** này ra mắt đại chúng.

Việc đã qua, ngày nay ta có thể thanh thản mà thưởng thức một bài nghiên cứu xuất sắc được cô đúc từ cuộc tranh luận dai dẳng nói trên : **ĐVSKTT : Tác giả - Văn bản - Tác**

phẩm do Phan Huy Lê chấp bút.

Vấn đề – quan trọng trong giám định văn bản – xác định bản Nội các quan bản tại Paris là bản in từ hệ mộc bản được khắc in toàn bộ lần đầu tiên vào năm Chính Hoà 18 được chứng minh với lập luận và bằng cứ có tính cách thuyết phục.

Trong bài tựa, nhà sử học Phan Huy Lê cũng lần giở cho thấy những lớp đóng góp nối tiếp nhau của những nhà sử học nổi tiếng nhất suốt thời kỳ lịch sử từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII. **ĐVSKTT** là một bộ quốc sử lớn đầu tiên của nước ta còn lưu truyền đến nay, tập đại thành của nhiều bộ sử như **Đại Việt sử ký** của Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, **Đại Việt sử ký toàn thư** của Ngô Sĩ Liên, **Đại Việt thông giám thông khảo** của Vũ Quỳnh, **Đại Việt Bản kỷ thực lục** và **Bản kỷ tục biên** của Lê Hy.

Một bộ sử đã thấm tẩm và hội nhập vào mình nhiều “ bộ sử con ”, đúc kết và phản ánh những thành tựu của nền sử học cổ truyền Việt Nam trong thời kỳ hình thành và phát triển đầu tiên của nó.

Ta không khỏi xúc động khi cầm trên tay tập IV, in chụp nguyên văn bộ quốc sử, từ mộc bản khắc lần đầu tiên cách đây ba thế kỷ, trong bao lâu đã tưởng đâu là vĩnh viễn mất đi. Bản in trang nhã, cách đánh số có nhiều điểm thuận tiện cho người sử dụng. Bìa tiếp với nội dung. Quan niệm trình bày cũng như chế bản tập IV là do công lao và tấm lòng của một phụ nữ Việt Nam sinh sống ở Paris. Chỉ tiếc đáng ra với khả năng nghệ thuật in ấn hiện đại, nét mực còn có thể rõ hơn. Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng trong điều kiện nước ta hiện nay in ra một bộ sách như thế là một cố gắng đáng tán thán.

Về phần bản dịch, Tập I đã xuất bản năm 1983, tập II năm 1985, nay được in lại có sửa chữa với điều kiện in ấn tốt hơn và in tiếp tập III.

Theo lời nhà xuất bản “ Về mặt phiên dịch chúng tôi có tham khảo và kế thừa bản dịch cũ, nhưng phải dịch trực tiếp từ văn bản mới phát hiện. Chúng tôi cũng mong muốn bản dịch mới tiếp thu những thành tựu mới về ngôn ngữ tiếng Việt và dịch thuật chữ Hán trong thời gian gần đây... ”

Phải nói rằng từ bản Chính Hoà đến các bản đời Nguyễn, văn bản **ĐVSKTT** nói chung bị thay đổi không đáng kể và chỉ là chi tiết - tuy rằng cũng có một ít chi tiết ảnh hưởng đến nội dung văn bản và giá trị sử liệu mà không có bản Chính Hoà thì rất khó phát hiện và giám định.

Năm 1967, Nxb KHXH đã xuất bản bộ **ĐVSKTT** gồm 4 tập, Cao Huy Giu dịch Đào Duy Anh hiệu đính. Năm 1971, bộ sử được tái bản có sửa chữa và bổ sung. Bản dịch hay.

So sánh lại, không thấy những sửa đổi trong bản dịch ngày nay là có tính cách quyết định.

Phần chú thích, khác với bản xưa được đặt ngay phần dưới trang chớ không đẩy lui ra cuối sách, và nói chung thường gọn hơn. Đó là những điểm thuận tiện cho người đọc. Tuy nhiên đôi khi không khỏi lấy làm tiếc thấy những chú giải thích đáng khi xưa không được giữ lại trong bản ngày nay.

Dù sao, các bản năm 1967, 1971 không có phần nguyên bản chữ Hán cũng đã hết từ lâu. Bộ **ĐVSKTT** ngày nay ra kịp thời. Tái bản còn có thể làm cho hoàn hảo hơn nữa.

Nguyễn Thắng (Paris 2.94)

Trên một chuyến tàu

truyện ngắn

Phan Triều Hải

Đêm xuống thật nhanh. Những đôi cô nhuộm một màu bàng bạc, màu của thứ ánh sáng chẳng bắt nguồn từ đâu cả, cứ chạy lùi dần. Gã đàn ông có khuôn mặt gầy mà dữ tợn quay trở lại, tay cầm chiếc vòng dù. Y hất vai tôi :

- Cho nhờ cái, huynh !
- Gì ?
- Mắc cái vòng.
- Còn sớm mà ? - Tôi nói gượng - Ngồi chơi chút đã.

Anh ta không nói gì, cuộn cái vòng, ném lên giá đỡ.

Gió thổi lạnh lạnh. Có lẽ tôi đã đi xa nhà lắm rồi. Không biết nơi đây là đâu. Đâu đâu cũng đồi, cũng núi, đen thẫm trong đêm. Đôi khi, tiếng bánh xe nghiêng trên đường ray chọt trong trẻo, vang vang và tôi đoán hẳn tàu đang chạy qua một chiếc cầu nào đó. Tôi tưởng tượng ra một bản giao hưởng dài ba mươi sáu tiếng, với những âm thanh đơn điệu, tiếng của sắt nghiêng vào nhau, khi trầm khi bổng. Người ta có thể sẽ chán ngấy ngay, nhưng đó không hẳn là một khúc ca tồi. Tôi đã ngồi nghe, và thấy được an ủi.

Người đàn ông bó gối nhìn ra cửa. Đôi má anh ta hóp, đưng đầy cái tối tăm mà ánh đèn vàng vọt uể oải hắt vào. Ở hàng ghế bên, thiếu nữ vẫn ngồi, chăm chú cắt miếng nhựa mỏng thành một con tôm nhỏ xíu. Cô không hề ngẩng lên, và tôi rảnh rang, cứ ngắm hoài khuôn mặt bầu bĩnh và mái tóc màu nâu nhạt của cô xoã xuống.

- Nghỉ hè hả ? - Người đàn ông buông một câu.
- Vâng.
- À - Gã gật đầu như hiểu ra một điều gì, rồi tự giới thiệu - Đạo, dân buôn nhỏ.

Tôi cười cười, cảm thấy một mối khùng khiếp.

- Tối giờ ngủ rồi - Đạo nói.

Tôi gật đầu. Gã siết chặt dây vòng vào thành ghế, dồn tôi vào góc kẹt.

- Xong - Anh ta phúi tay, đỡ người vợ mập mạp lên vòng.
- Coi chừng té - Tôi đùa, thấy mình phải có nghĩa vụ nói một điều gì đó.

Đạo không đáp. Y cần nhân vợ :

- Đọc gì cái thứ truyện này ! - Y quay sang tôi, vẻ mặt ngưỡng ngùng và hiểu biết, y nói - Sách chữ to.

Đó là loại sách ba xu, chữ to bằng đầu đũa để bạn hàng dễ đọc dưới ánh đèn mờ mịt của tàu xe. Đạo giật cuốn sách, sau

khi ra lệnh cho vợ " ngủ đi ", rồi nhét sách vào giỏ.

- Tôi không bao giờ đọc loại truyện này - Đạo tỏ vẻ khinh khi - Hồi trước, tôi hay đọc ông gì phi công của Pháp.

- Saint-Exupéry.

- Ồ, phải. Cuốn Hoàng tử bé .

Thiếu nữ đang cắt xén cái chân trước của con tôm. Cô làm với vẻ thong dong nhưng chăm chú cực độ. Có cảm giác rằng cô đang ở nhà mình, trong góc riêng của cô, và chẳng ai có thể len lỏi được vào cái thế giới đó. Ngân chẳng bao giờ có được vẻ trầm tĩnh như vậy. Nàng luôn huyền thuyên, nàng đùa giỡn với mọi thứ. Nàng làm hỏng tất cả và nàng dễ dàng quên. Tôi đi, nàng cũng chẳng nói gì. Thế là hết.

- Tôi có một vườn nho - Giọng Đạo đều đều - Hồi xưa, ông nội tôi giàu lắm, ông là địa chủ.

Tôi thấy buồn ngủ quá, tôi trượt dần xuống những bao hàng êm ái vắt ngang lối đi.

- Bà xã tôi là con của... - Hình như Đạo cũng bắt đầu ngật ngà, ngật ngưỡng. Còn tôi, tôi không còn biết gì nữa.

...Chuông vừa mới reng, tôi đã gọi Ngân : " Ra đây, ra đây " .

Ngân xếp sách vở, len lén ra. Đám bạn nhìn theo.

Ở trên tầng ba này, bao nhiêu lần tôi đứng hóng gió từ sông thổi về, lồng lộng và thơm mùi bùn non.

Tôi lồn tay vào tóc Ngân. Tôi yêu nàng biết bao. Tôi tựa cằm lên vai nàng, đôi vai êm êm, mát rượi.

Ngân quay lại, thét lên : " Không... " .

Tôi mở choàng mắt thấy cánh tay tê dại. Tiếng tàu vẫn xình xịch, đều đều.

Đạo ngồi ngủ dựa vào thành ghế, miệng há to, người mềm oặt như bún. Nét hung tợn đã biến đâu mất, bây giờ anh ta nom thật thảm hại. Người ta hay che đậy mình bằng một lớp vỏ bọc mà người ta không hề có, tin tưởng rằng cái vỏ bọc ảo tưởng đó là chắc chắn nhất, vững chãi nhất đối với họ. Với Đạo, vẻ mặt dữ dằn của y không phải để dọa nạt, mà là tự vệ. Y như con thú đã nếm quá nhiều đòn, nhìn đâu cũng thấy cạm bẫy và nghĩ rằng cứ phải xâu xé nhau mới tồn tại được. Cái cảnh y đánh thẳng bé ở sân ga hoàn toàn tương phản với vẻ mặt bây giờ, ngây ngô và lam lũ.

Thiếu nữ buông con tôm nhựa rơi trên sàn tàu. Có lẽ cơn buồn ngủ đến với nàng nhanh quá. Con tôm vẫn chưa thành hình, cái mỏm tua tua râu của nó hãy còn dang dở. Lúc này có lẽ Ngân cũng đang ngủ yên. Nàng chẳng tỏ ra có chút buồn bã gì trong cuộc chia tay này. Nàng vốn như thế mà. Còn tôi thì luôn theo đuổi những cô gái hơi hợt, vô tâm vô tình, để rồi phải chật vật tìm cho mình một chốn để quên. Tôi không thành người được. Một khi tôi đã để cho đời sống chẻ ra đến vụn vặt như vậy, tôi còn thành gì được nữa. Tôi sống quanh quẩn với tôi, thấy thế giới hẹp dần, ngạt thở.

Tàu rít lên, chạy chậm lại, rồi dừng hẳn. Một ga xép. Ai đó nói : " Tránh tàu ", rồi lại im phăng phắc.

Gió u u thổi. Ngôi nhà độc nhất bên những thanh ray chẳng chịt vẫn còn sáng đèn. Ánh đèn mờ mờ hắt ra hình bóng của

* " Trên một chuyến tàu " được trích từ tập truyện đầu tay Vào Đồi của Phan Triều Hải do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh phát hành đầu năm 1994. Sinh năm 1969, Phan Triều Hải tốt nghiệp đại học ngành địa lý và hiện làm chuyên viên tiếp thị cho công ty Nhật Nissho Iwai ở Việt Nam.

một con chó ngồi buồn bã, tựa như đã quen với những chuyến tàu đến rồi đi. Con tàu đang chết lặng ở cái xó xỉnh này, cũng như tôi, trông có dáng vẻ của kẻ bị bỏ rơi ở một hốc hẻm tận cùng chẳng ai biết tới.

Tôi nghe tiếng lạo xạo trên đá. Một phụ nữ cầm đèn đi kiểm tra lại đoạn đường. Cô mặc chiếc váy dài dành cho những phụ nữ có mang, vai khoác chiếc áo dày và chân đi giày cao cổ. Tôi nhớ hình ảnh của người phụ nữ Nga trong những phim về chiến tranh, cũng lặng lẽ như vậy, tự tin và mạnh mẽ. Người phụ nữ nhìn tôi, trẻ trung, tươi tắn, như thể lúc này không phải là trời khuya, không phải giữa mệnh mông cô quanh của núi rừng. Cô bước đến, chậm rãi và thận trọng, cô nói :

- Có lẽ tránh tàu lâu.

- Vâng.

- Anh muốn ăn chút gì không ? Tôi sẽ gọi giúp.

- Không. Cảm ơn chị.

Tôi thu mình lại, kéo áo lên kín cổ. Giữa rừng núi này, sự hoang vắng thôi cũng đủ khiến người ta không chịu nổi. Đứa trẻ ra đời nơi đây sẽ ra sao ? Liệu nó có tìm thấy được niềm vui như mẹ nó chăng ? Liệu nó có yêu được sự cô quanh này không ?

Đoàn tàu ngược chiều băng qua loang loáng. Người phụ nữ quay lại :

- Xong rồi – Chị đặt đèn xuống bên vệ đường. Còi tàu hú lên một tiếng dài.

- Ở đây đẹp quá – Tôi chợt thấy tiếc.

- Vâng – Người phụ nữ nói – Chừng một tiếng nữa, lúc mặt trời lên, rất đẹp.

Tôi thử tưởng tượng ra một sự hoà sắc giữa bình minh với sương mù phủ kín đôi núi. Một cảnh tượng vô cùng huyền ảo.

Tàu chuyển bánh chậm chậm. Tôi quay đầu nhìn ra, người phụ nữ đứng bên đường, trơ trọi. Trong bóng đêm hình như cô đang vẫy tay chào. Tôi lại có cảm giác vừa rời khỏi một chốn thân quen. Tôi lẩn vào góc, không hình dung nổi một ngày ở thành phố sẽ bắt đầu như thế nào. Chẳng có ai quan tâm đến điều đó, chẳng có ai nghĩ rằng thành phố không có bình minh là một sự thiệt thòi. Ở đó, thời gian không còn được đón chào nữa, nó chỉ còn tồn tại như một lời nhắc nhở, răn đe. Người ta chỉ nói : “ Trễ rồi ”, và vội vã hơn.

Trời sáng bạch. Tàu vẫn miệt mài chạy. Tôi hãy còn nằm ườn ra trên những bao tải hàng lỏm chỏm dây nhợ. Đạo ngồi trên chiếc võng, đọc cuốn sách của vợ y.

- Đều thật – Đạo nói.

- Ai ? – Tôi hỏi.

- À – Đạo đưa cuốn sách lên – Suốt suốt, nhưng đọc cũng được.

Tôi cười. Rồi y cũng lộ chân tướng. Mà tự lừa mị mình để làm gì cơ chứ ? Cái mà y không có, y lại tưởng như hay ho lắm, ghê gớm lắm. Y theo đuổi nó, rồi nhanh chóng mệt mỏi. Thời thơ ấu tôi cũng say mê **Hoàng tử bé**, nhưng bây giờ thì không thể được nữa. **Hoàng tử bé** đã loại tôi ra khỏi thế giới trong sáng của chàng. Mà nghĩ cho cùng, chẳng ai có tội tình gì. Đôi khi tôi cũng thích vẽ vời, đóng bộ vào bóng hình ai đó, cái hình bóng mà tôi thêm muốn nhưng bất lực. Tay Đạo này chẳng hề ảo tưởng. Y chẳng qua chỉ muốn đi lạc ra khỏi lối mòn một chút, kênh kiệu với ngày thường của y một chút, để rồi hân hoan với sự quay lại của cảm giác tự tin và yên lành khi y về lại với chính mình.

Lại một ga xép. Những người buồn nho đã về đến nhà. Đạo nhanh nhẹn đẩy những giỏ hàng của y xuống lóc bên vệ đường.

- *Chú em nghĩ hè vui vẻ* – Đạo vỗ vai tôi – *Ráng sống cho đang hoàng. Đừng như tụi này, cực lắm* – Mắt y chớp chớp.

Bên ngoài là một vùng đất khô khan, lưa thưa cây lá. Bò kéo xe lọc cọc, lạch cạch đi qua trên nền đất khô cứng. Xa xa, phía mặt trời đỏ quạch sau lớp bụi mù, tôi thấy bóng dáng vợ chồng Đạo lẫm lẫm đi, tay xách nách mang. Có lẽ sống cũng không nên nghĩ ngợi gì nhiều, một khi điều đó chẳng thay đổi được gì, mà lại đem đến cho người ta sự buồn bực, lo âu, thất vọng. Tôi, giờ đây lại thêm cái thanh thoi của Đạo khi về đến nhà. Hẳn y sẽ vừa vỗ mông từng đứa con lem luốc, vừa phân phát cho chúng những món quà vặt vãnh. Sau đó y sẽ ra vườn thăm thú giàn nho của mình, toan tính về một chuyến hàng mới. Đêm về nằm gác chân lên người vợ, y đặc chí nghe vợ đọc những câu chuyện éo le, mùi mẫn, bất cần biết đâu đó có những người coi khinh loại sách này, cũng quên bằng rằng đã có lúc y khoác thử lối áo của những người đó. Rồi y sẽ lăn ra ngủ, miệng há hốc, và quên hết mọi lỗi lầm thô thiển của mình.

Còn Ngân, lần này có lẽ cô cũng sẽ nhanh chóng tìm thấy niềm vui bên người tình mới, không hề quan tâm đến việc cuộc tình đó kéo dài được bao lâu, cũng chẳng cần biết sau mỗi cuộc tình với cô có ai đó bị dẫn vật hay sỉ nhục. Không đeo mang một chút nhớ nhung nào, và rũ bỏ tất cả phiền muộn, giờ đây dường như đã trở thành phương cách hay nhất để có một đời sống vững vàng.

Thiếu nữ cũng tựa mình trên cửa, cô nheo mắt nhìn ra ngoài. Toa tàu đã vắng vẻ hẳn. Tôi nhìn con tôm trên tay cô. Nó đã trở thành một sinh vật hoàn chỉnh, mềm mại đong đưa.

- Anh thích không ? – Cô gái hỏi, bạo dạn.

- Thích.

- Tặng anh đó.

Tôi từ chối.

- Không thì tặng bạn gái của anh vậy – Cô gái nghịch ngợm.

- Không được. Em đã làm nó suốt đêm, em hãy giữ lấy.

Cô gái lắc đầu :

- Em còn giữ nó làm gì. Em đã cố gắng làm thật chậm nhưng rồi nó cũng thành hình – Cô nói, giọng tiếc nuối – Em sẽ làm con khác.

Cô gửi món quà vào tay tôi. Ngân thường thích những món quà như thế này, nhưng bây giờ nàng không còn là của tôi nữa. Tôi thả con tôm vào túi. Cô gái không cần chú mày vì chú mày đã quá hoàn chỉnh. Nhưng đâu sao phải mất suốt đêm qua chú mày mới ra đời được. Vậy thì cứ nằm đó. Sau này, ngắm nhìn chú mày ta sẽ nhớ, nhớ về một cái gì đó không rõ ràng nhưng êm ái. Ta đã đòi hỏi nhiều ở mọi người, và cũng đã cố gắng đáp lại những đòi hỏi của họ, nhưng điều đó đôi khi lại mang đến cho ta một đời sống nặng nề quá. Người ta có thể sống khiếm khuyết, phạm sai lầm, nhưng họ chỉ cần sống làm sao cho trước tiên đời sống của chính mình trở nên tốt đẹp hơn đã. Họ luôn cố gắng thực hiện cho đến tận cùng những suy nghĩ, những dự tính của mình, cho dù chúng có rộng hẹp, nông sâu. Điều quan trọng nhất đối với họ là làm, chú không phải viễn cảnh về một sự thành công hay thất bại. Nàng đã quên bằng chú mày nhưng đừng buồn nữa, hãy nằm yên ở đó đi, tàu đã chạy rồi.

Tháng 7-1993